

Tuyển tập

**Trạch Pháp
Quán Niệm
Niệm Phật**





Đôi dòng giới thiệu.

Dù xuất gia hay tại gia, tất cả người con Phật đều có chung một chí hướng, một lý tưởng tự lợi, lợi tha, tiến lên trên con đường giải thoát trong khung trời chánh pháp của đức Như Lai. Muốn được như vậy phải tinh tấn tu hành nương theo theo sự chỉ dạy của chư Phật Tổ từ ngàn xưa còn lưu lại. Có được như vậy mới vươn lên và bay cao vút như cánh chim đại bàng vượt ngàn tung gió trong biển đời nhiều bão táp phong ba và thật nhiều khổ đau hệ lụy.

Người con Phật cần chọn cho mình một pháp môn rồi hành trì miên mật để được kết quả mong muốn. Quyển sách này là một tuyển tập mà chúng tôi gom góp từ ba tập sách sau đây:

1) Tập 1: Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập của Pháp Nhiên Thượng Nhân do Thích Tịnh Nghiêm dịch ra tiếng Việt do Tường Quang Tùng Thư 5, Chùa Tịnh Luật tái bản lần thứ nhì Phật lịch 2555 TL 2011.

2) Tập 2: Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn, Đời Đường, Tỳ kheo Thiện Đạo tập ký do Thích Pháp Chánh dịch. Đây là phụ lục của quyển sách Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ do Tường Quang Tùng Thư, Chùa Tịnh Luật tái bản lần thứ nhì Phật lịch 2553 TL 2009.

3) Tập 3: Phương pháp Niệm Phật mau đến Tam Muội do Thích Phước Nghĩa sưu tập vào năm 2013.

Chúng tôi kính gởi quyển sách này đến pháp lữ bốn phương, những người hữu duyên để chia sẻ, vãn, tu, tu. Chúng tôi tin tưởng đây là tia lửa làm cháy sáng ngọn đèn tâm vào căn nhà hồng trần trong thời kỳ mạt pháp này. Nếu có chút công đức nào chúng tôi kính xin hồi hướng đến tất cả chúng sinh đều thành Phật Đạo.

Melbourne, ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ban Biên Tập.

Tập 1

Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập



Niệm Phật Tông Yêu

Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn

**Thích Tịnh Nghiêm, Nguyễn Văn Nhân dịch
Hán Việt**

**Tái bản lần thứ ba tại Úc Châu
Phật Lịch 2557 - Tây Lịch 2013**

Nam mô A Di Đà Phật
Niệm Phật là căn bản của sự vãng sinh

Chương Một

Hai Môn

Ngài Đạo Xước thiên sư lập hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ, sau đó bỏ Thánh Đạo mà quay về Tịnh Độ.

An Lạc Tập quyền thượng nói:

“Hỏi: Tất cả chúng sinh đều có Phât tính, từ xưa đến nay, ắt đã gặp nhiều Đức Phât, thế nhưng tại sao vẫn luân hồi sinh tử, chưa được ra khỏi nhà lửa?

Đáp: Y vào thánh giáo Đại thừa mà nói, lý do là vì chúng sinh không được hai pháp thù thắng để diệt trừ sinh tử, cho nên không thể ra khỏi nhà lửa. Hai pháp này là gì? Một là Thánh đạo, hai là vãng sanh **Tịnh Độ**. Pháp tu thánh đạo, hiện nay rất khó chứng đắc, điều này có hai lý do, một là vì thời đại đã cách đức Phât rất lâu xa, hai là do nghĩa lý Đại thừa sâu xa khó hiểu. Đại Tập Nhật Tạng kinh có nói: **“Trong thời mạt pháp, có ức ức chúng sanh phát tâm tu hành, nhưng có rất ít người đắc đạo”**.

Đời mạt pháp hiện nay là đời ác ngũ trược, chỉ có pháp môn Tịnh Độ là con đường để vào đạo. Bởi thế Vô Lượng Thọ Kinh nói: **“Nếu có chúng sinh, dù là cả đời tạo ác, giả sử lúc lâm chung, niệm danh hiệu của ta mười lần liên tiếp, nếu như**

không được vãng sanh, ta thế không giữ ngôi Chánh Giác”.

Lại nữa, tất cả chúng sanh đều không tự lượng sức mình, nếu luận về chân như thực tướng, đệ nhất nghĩa không của Đại thừa, bọn họ đều chưa từng đề tâm đến, còn nếu luận về sự kiến đế tu đạo, nhấn đến chứng quả A na hàm, A la hán, đoạn trừ năm phiền não lợi sử, năm phiền não độn sử¹, thì tất cả người xuất gia, tại gia đều không có phần. Giả sử có được quả báo trời người, đều là do sự hành trì ngũ giới thập thiện chiêu cảm, thế nhưng ít có người trì giới đến chỗ viên mãn; còn nếu luận về sự làm ác tạo nghiệp, thì thế lực chẳng khác gì mưa to gió lớn. Bởi lý do này, chư Phật đều đại từ đại bi, khuyên nhắc chúng sinh vãng sinh Tịnh Độ. Cho dù cả đời tạo ác, chỉ cần chuyên tâm tinh tấn, thường thường Niệm Phật, thì tất cả chướng ngại, tự nhiên sẽ được tiêu trừ, quyết định sẽ được vãng sinh. Tại sao mọi người không chịu suy ngẫm, mà phát tâm cầu vãng sinh.

Lời bàn: Trong sự phán định giáo pháp của Đức Thế Tôn, lập trường của các tông phái không giống nhau. Chẳng hạn như *Hữu Tướng Tông* (Duy Thức Tông) lập ba thời giáo là Hữu Tông, Không Tông và Trung đạo Tông; *Vô Tướng Tông* (Tam Luận Tông) lập hai thời giáo là Bồ tát giáo và Thanh văn

¹ Năm phiền não độn sử: tức tham, sân, si, mạn và nghi. Năm phiền não lợi sử tức thân kiến, biên kiến, tà kiến, thủ kiến và giới cấm thủ.

giáo; *Hoa Nghiêm Tông* (Hiền Thủ Tông) lập năm thời giáo là Tiểu thừa giáo, Đại thừa thí giáo, Chung giáo, Đốn giáo và Viên giáo; *Pháp Hoa Tông* (Thiên Thai Tông) thiết lập bốn thời là Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo và năm mùi vị là Nhũ, Lạc, Sinh tô, Thục tô và Đề hồ; *Chân Ngôn Tông* thiết lập hai thời giáo là Hiền giáo và Mật giáo. Hiện nay, *Tịnh Độ Tông*, theo bản ý của Đạo Xước Thiên Sư, sẽ thiết lập hai môn: Thánh Đạo và Tịnh Độ, để phán định giáo pháp của Phật.

Hỏi: Việc lập tên tông phái, vốn là do các tông như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v v. . . phán định. Chưa từng nghe các hành giả Tịnh Độ lập nên của tông phái mình. Hiện nay, việc lập tên *Tịnh Độ Tông* này có chứng cứ gì không?

Đáp: Tên Tịnh Độ Tông, chứng cứ không phải là ít, như ngài Nguyên Hiếu trong *Du Tâm An Lạc Đạo* nói: “Bản ý của Tịnh Độ Tông là **vốn vì phàm phu, kiêm vì thánh nhân**”, ngài Từ Ân trong *Tây Phương Yếu Quyết* nói: “Y vào tông này”, hơn nữa, ngài Ca Tài trong *Tịnh Độ Luận* cũng nói: “Tông này, theo ý của tôi, là con đường trọng yếu”. Những chứng cứ như vậy, thật không còn nghi ngờ gì nữa. Thế nhưng, ý chính ở đây, không phải bàn luận về sự phán lập giáo nghĩa của các tông phái, mà muốn nói sơ lược về hai môn của Tịnh Độ Tông, tức là Thánh Đạo và Tịnh Độ.

A) Thánh Đạo: Ở đây có hai phần: Một là Tiểu thừa, hai là Đại thừa.

Trong Đại thừa có Hiền giáo, Mật giáo, Quyền giáo, Thực giáo khác nhau. Đại thừa Hiền giáo và Đại thừa Quyền giáo, trên nguyên tắc, tu tập những công hạnh dài lâu để thành Phật. Còn như chủ trương có thể tu tập trong một đời thành tựu, thì chỉ chủ trương có thể tu tập trong một đời thành tựu, thì chỉ có Đại thừa Mật giáo và Đại thừa Thật giáo (Viên giáo). Mục đích của tập sách này là nhấn mạnh đến chân nghĩa của Mật giáo và Thực giáo. Tám tông phái như Chân Ngôn, Phật Tâm (Thiền), Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, Địa Luận, Nhiếp Luận đều có cùng quan điểm này.

Trong tiểu thừa, tất cả kinh luật luận đều nói về con đường tu tập để đoạn trừ phiền não, thấu rõ chân lý, chứng đắc thánh quả. Theo đây luận đoán, giáo lý Tiểu Thừa chỉ có thể bao hàm các tông phái như Luật Tông, Câu Xá và Thành Thật.

Một cách khái quát, bốn ý của Thánh Đạo Môn, bất luận Đại thừa hay Tiểu thừa, đều là ở tại thế giới Ta Bà này tu tập để chứng đắc đạo quả của bốn thừa. Bốn thừa nghĩa là ngoài ba thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát), còn thêm Phật thừa.

B) Tịnh Độ: Trong đây có hai phần 1) nói trực tiếp giáo nghĩa Tịnh Độ 2) nói gián tiếp giáo nghĩa Tịnh Độ.

1) **Nói trực tiếp giáo nghĩa Tịnh Độ:** Có ba bộ kinh và một bộ luận. Ba bộ kinh là Vô Lượng Thọ kinh, Quán Vô Lượng Thọ kinh và A Di Đà kinh, còn có một bộ luận là Vãng Sinh Luận của ngài Thế Thân.

Hỏi: Gọi ba bộ kinh còn có trường hợp nào khác không?

Đáp: Gọi ba bộ kinh, có nhiều trường hợp: 1) Ba bộ kinh Pháp Hoa tức là Vô Lượng Nghĩa kinh, Pháp Hoa kinh và Phổ Hiền Quán kinh; 2) Ba bộ kinh Đại Nhật tức là Đại Nhật kinh, Kim Cang Đỉnh kinh và Tô Tất Địa kinh 3) Ba bộ kinh trần thủ bảo hộ quốc gia tức là Pháp Hoa kinh, Nhân Vương kinh và Kim Quang Minh kinh 4) Ba bộ kinh Di Lạc tức là Di Lạc Thượng Sinh kinh, Di Lạc Hạ Sinh kinh và Di Lạc Đại Thành Phật kinh. Hiện nay ba bộ kinh A Di Đà là ba bộ kinh chính yếu của Tịnh Độ tông.

2) **Nói gián tiếp giáo nghĩa Tịnh Độ:** Những bộ kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Tùy Cầu (Phật Thuyết Tùy Cầu Tứ Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú kinh) v v . . . đều có nêu rõ các công hạnh vãng sinh Tịnh Độ, lại còn có các bộ luận như Khởi Tín Luận, Bảo Tín Luận, Thập Trụ Tỳ Bà

Sa Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận v v . . . cũng đều nêu rõ các công hạnh vãng sinh Tịnh Độ.

Trong tập Sách này, **bổn ý của sự thiết lập hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ là muốn cho chúng sinh bỏ Thánh Đạo Môn, theo Tịnh Độ Môn.** Điều này có hai lý do 1) do vì **cách xa đời Phật**, 2) do vì **giáo lý thâm sâu khó hiểu**. Trong Tịnh Độ Tông, thiết lập hai môn, không chỉ có ngài Đạo Xước, mà các ngài Đàm Loan, Thiên Thai, Ca Tài, Từ Ân v v . . . cũng có cùng quan điểm. Hơn nữa, Vãng Sinh Luận Chú của ngài Đàm Loan nói:

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của ngài Long Thọ nói: ‘Bồ Tát cầu A bệ bạt trí, có hai con đường: một là đường khó đi (Hán: nan hành đạo), hai là đường dễ đi (Hán: dị hành đạo).

Đường khó đi nghĩa là ở trong đời ác năm trước, lúc không có Phật, cầu A bệ bạt trí là khó, sự khó khăn này có nhiều phương diện, một là pháp thiện của ngoại đạo làm loạn pháp tu của Bồ tát, hai là sự tự lợi của hàng Thanh văn làm cho chướng ngại tâm đại từ bi, ba là những kẻ ác vô cơ phá hoại thắng đức của người khác, bốn là quả báo thiện điên đảo, có thể phá hoại phạm hạnh, năm là chỉ có tự lực, không có tha lực hộ trì. Những việc như vậy, chỗ nào cũng có, ví như đường lộ, lợi bộ ắt khó nhọc.

Đường dễ đi, nghĩa là chỉ cần nhờ nhân duyên Niệm Phật, nguyện sanh Tịnh Độ, nhờ nguyện lực

của Phật, sẽ được vãng sanh cõi Phật thanh tịnh. Nhờ Phật lực gia trì, sẽ tiến nhập vào giai bậc chánh định tụ, chánh định tức là A bệ bát trí, đi thuyền ắt là vui sướng”.

Ở đây đường khó đi tức là Thánh Đạo Môn, còn đường dễ đi tức là Tịnh Độ Môn. Khó đi- dễ đi, Thánh Đạo - Tịnh Độ. Tên gọi tuy khác, ý nghĩa tương đồng. Nên biết hai ngài Thiên Thai và Ca Tài cũng có cùng quan điểm. Tây Phương Yếu Quyết nói:

“Đức Thích Ca khai sáng Phật giáo, hoằng dương lợi ích chúng sinh, tuy nơi chốn mà xiển dương giáo nghĩa, rưới nước pháp mâu, làm cho chúng sinh được độ quá, chúng ngộ ba thừa, đối với những người ít phước mỏng duyên, thì khuyên họ vãng sinh Tịnh Độ. Người tu Tịnh Độ phải chuyên niệm A Di Đà, tất cả những thiện căn đều phải hồi hướng về Tịnh Độ. Bốn nguyện của Đức A Di Đà là thế độ tất cả chúng sinh cõi Ta Bà, từ người chuyên tâm tu tập cả đời, lẫn đến người lúc lâm chung chỉ niệm mười danh hiệu, đều được quyết định vãng sinh Tịnh Độ”.

Hơn nữa, lời bạt của Tây Phương Yếu Quyết cũng nói: *“Do vì sinh vào đời tượng pháp, cách xa đời Phật, nếu tu hạnh của Tam Thừa, khó mà khế ngộ. Hai cõi trời người xao động bất an, chỉ có những bậc Bồ tát đại trí đại từ mới có thể ở lâu trong sinh*

tử. Nếu như kiến giải mê ám, công hạnh nông cạn, e rằng sẽ bị đọa lạc ba đường ác, bởi thế phải nên lìa bỏ Ta Bà, cầu sinh Tịnh Độ”.

Ở đây, nói Tam Thừa, ý muốn chỉ Thánh Đạo Môn, còn nói Tịnh Độ, là muốn chỉ Tịnh Độ Môn. Tam Thừa - Tịnh Độ, Thánh Đạo Tịnh Độ, tên gọi tuy khác, ý nghĩa tương đồng. Các hành giả Tịnh Độ, trước tiên phải biết ý chỉ này. Giả như trước đó tuy đã học Thánh Đạo Môn, nếu có chỉ hướng cầu sinh Tịnh Độ, **ên bỏ Thánh Đạo, cầu sinh Tịnh Độ**. Chẳng hạn, ngài Đàm Loan bỏ sự giảng thuyết bốn bộ luận², ngài Đạo Xước bỏ việc giảng giải Kinh Niết Bàn mà nhất ý hoàng dương Tịnh Độ. Các bậc hiền triết kia xưa đã từng như thế, lẽ nào những kẻ ngu độn thô thiển mà lại không chịu tuân hành!

Hỏi: Các tông phái Thánh Độ Môn đều có sự truyền thừa từ đời này qua đời khác, chẳng hạn, Thiên Thai Tông truyền thừa từ ngài Huệ Văn, đến các ngài Nam Nhạc, Thiên Thai, Chương An, Trí Uy, Tuệ Uy, Huyền Lãng, Trạm Nhiên; Chân Ngôn Tông, truyền từ Đức Đại Nhật Như Lai đến các ngài Kim Cang Tát Đỏa, Long Thọ, Long Trí, Kim Trí, Bất Không. Các tông phái khác cũng có sự truyền thừa. Hiện nay Tịnh Độ Tông cũng có sự truyền thừa như thế hay không?

² Bốn bộ luận tức là Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận và Đại Trí Độ Luận.

Đáp: Giống như Thánh Đạo Môn, Tịnh Độ Tông cũng có sự truyền thừa, thế nhưng đối với sự truyền thừa của Tịnh Độ Tông, các học giả có những quan điểm không đồng, chẳng hạn như hệ phái của ngài Lô Sơn Tuệ Viễn Pháp Sư, hệ phái của ngài Từ Mẫn Tam Tạng, hoặc hệ phái của ngài Đạo Xước, Thiện Đạo v v. Nay y theo hệ phái của ngài Đạo Xước, Thiện Đạo mà luận về sự truyền thừa. Điều này có hai giả thuyết: 1) Bồ Đề Lưu Chi Tam Tạng, Tuệ Sùng Pháp Sư, Đạo trường Pháp Sư, Đàm Loan Pháp Sư, Đại Hải Thiền Sư, Pháp Thượng Pháp Sư (trích từ An Lạc Tập), 2) Bồ Đề Lưu Chi Tam Tạng, Đàm Loan Pháp Sư, Đạo Xước Thiền Sư, Thiện Đạo Thiền Sư, Hoài Cảm Pháp Sư, Thiếu Khang Pháp Sư (trích từ Cao Tăng Truyện đời Đường và đời Tống).

Chương hai

Hai Hạnh

Thiền Đạo Hòa Thượng thiết lập hai hạnh chánh và tạp, mục đích là muốn hành giả bỏ tạp hạnh, tu chánh hạnh.

Quán Kinh Sớ quyển bốn nói: Từ công hạnh thiết lập tín tâm, thế nhưng công hạnh có hai loại, một là chánh hạnh, hai là tạp hạnh.

Chánh hạnh, tức là y chỉ vào các kinh Vãng sinh mà tu tập. Đây là thế nào? Một là nhất tâm chuyên tụng Quán Kinh, A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ kinh v v, hai là nhất tâm chuyên chú suy ngẫm, quán sát, ức niệm sự trang nghiêm của chánh báo và y báo của cõi Cực Lạc, ba là nếu như lễ lạy, thì chỉ chuyên tâm lễ lạy Đức Phật A Di Đà, bốn là nếu như xưng danh, thì chỉ nên nhất tâm xưng tán danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, năm là nếu như tán thán cúng dường, thì chỉ nên nhất tâm tán thán cúng dường Đức Phật A Di Đà. Đây gọi là chánh hạnh!

Lại nữa, trong phần chánh hạnh lại có hai loại, một là nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức A Di Đà, đi đứng nằm ngồi, bất luận thời gian dài ngắn, niệm niệm không quên, đây gọi là **ngiệp chánh**, thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà. Còn như

lay Phật, tụng kinh v v thì gọi là nghiệp phụng. Ngoài trừ hai nghiệp chánh, phụng này ra, tất cả các hạnh lành khác đều gọi là tạp hạnh.

Nếu tu hai nghiệp chánh, phụng thì tâm thường thân cận Đức A Di Đà, nghĩ nhớ không gián đoạn, đây gọi là tâm không gián đoạn. Nếu như tu tập tạp hạnh, thì tâm sẽ thường gián đoạn, tuy có thể hồi hướng vãng sinh, nhưng gọi là hạnh tạp nhạp.

Lời bàn: Đoạn văn này có hai ý, một là nêu rõ hành tướng của sự vãng sinh, hai là phán định sự được, mất của hai hạnh chánh và phụng.

A) Nêu rõ hành tướng của sự vãng sinh: Theo ý của Hòa Thượng Thiện Đạo, công hạnh vãng sinh tuy nhiều, có thể chia làm hai loại 1) chánh hạnh và 2) tạp hạnh.

1) **Chánh hạnh:** Ở đây có hai nghĩa khai và hợp. Trước tiên khai làm năm loại, sau đó hợp chia làm hai loại.

* Khai chia làm 5 loại tức là a) chánh hạnh đọc tụng, b) chánh hạnh quán sát c) chánh hạnh lễ bái d) chánh hạnh xưng danh e) chánh hạnh tán thán cúng dường.

a) **Chánh hạnh đọc tụng:** chỉ đọc tụng Quán Kinh tức là như văn đã nói: “*Nhất tâm chuyên tụng Quán Kinh, A Di Đà Kinh, Vô Lượng Kinh v v*”.

- b) **Chánh hạnh quán sát:** Chuyên tâm quán sát y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc, tức là như văn đã nói: *“Nhất tâm chuyên chú suy gẫm, quán sát, ức niệm sự trang nghiêm của chánh báo và y báo của cõi Cực Lạc”*.
- c) **Chánh hạnh lễ bái:** Chỉ lễ lạy Đức A Di Đà, tức là như văn đã nói: *“Nếu như lễ lạy, thì chỉ chuyên tâm lễ lạy Đức Phật A Di Đà”*.³
- d) **Chánh hạnh xưng danh:** Chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, tức là như văn đã nói: *“Nếu như xưng danh thì chỉ nên nhất tâm xưng tán danh hiệu của Đức Phật A Di Đà”*.
- e) **Chánh hạnh tán thán cúng dường:** Chỉ tán thán cúng dường Đức A Di Đà, tức là như văn đã nói: *“Nếu tán thán, cúng dường, thì chỉ nên nhất tâm tán thán, cúng dường Đức Phật A Di Đà, đây gọi là chánh hạnh”*.

* Nếu chia “tán thán cúng dường” ra làm hai, thì sẽ có sáu loại chánh hạnh. Hiện nay hợp làm một, thành thử chỉ có năm loại.

f) Hợp làm hai loại tức là a) nghiệp chánh b) nghiệp phụ.

- **Nghiệp chánh:** Trong năm chánh hạnh trên, hạnh thứ tư “xưng danh” là nghiệp chánh, như trong văn nói: *“Nhất tâm chuyên niệm*

đanh hiệu Đức A Di Đà, đi đứng nằm ngồi, bất luận thời gian dài ngắn, niệm niệm không quên, đây gọi là nghiệp chánh, thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà”.

- **Nghiệp phụ:** Ngoại trừ xưng danh, các hạnh còn lại như đọc tụng v v đều là nghiệp phụ, như văn có nói: “*Các hạnh như lay Phật, tụng kinh v v đều gọi là nghiệp phụ*”.

Hỏi: Tại sao trong năm loại, chỉ có xưng danh niệm Phật được coi là nghiệp chánh?

Đáp: Đây là thuận theo bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, ý muốn nói xưng danh chính là bốn nguyện của Đức A Di Đà, cho nên người tu nương vào bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, ắt sẽ vãng sinh Cực Lạc. Ý nghĩa của bốn nguyện phía dưới sẽ nói rõ.

2) **Tạp hạnh:** Như văn nói: “*Ngoại trừ hai hạnh chánh và phụ này, tất cả hạnh lành khác đều gọi là tạp hạnh*”, ý muốn nói tạp hạnh nhiều vô lượng, không thể nói hết, thể nhưng ở đây nói đến năm loại chánh hạnh là để nêu lên năm loại tạp hạnh.

a) **Tạp hạnh đọc tụng:** Ngoại trừ các kinh Tịnh Độ như Quán Kinh v v còn nếu đọc tụng thọ trì các loại kinh Đại, Tiểu thừa, hoặc Hiền, hoặc Mật, đều gọi là tạp hạnh đọc tụng.

b) Tạp hạnh quán sát: Ngoại trừ y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc, còn tất cả những quán hạnh, hoặc sự hoặc lý, hoặc Đại thừa, hoặc Tiểu thừa, hoặc Hiền, hoặc Mật đều gọi là tạp hạnh quán sát.

c) Tạp hạnh lễ bái: Ngoại trừ lễ bái Đức A Di Đà, còn lễ bái cung kính chư Phật Bồ tát khác, nhĩn đến danh hiệu của các vị trời thế gian, đều gọi là tạp hạnh lễ bái.

d) Tạp hạnh xưng danh: Ngoại trừ xưng danh Đức A Di Đà, còn xưng danh chư Phật, Bồ tát khác, nhĩn đến danh hiệu của các vị trời thế gian, đều gọi là tạp hạnh xưng danh.

e) Tạp hạnh tán thán cúng dường: Ngoại trừ tán thán cúng dường Đức A Di Đà, còn tán thán cúng dường chư Phật, Bồ tát, nhĩn đến các vị trời thế gian, đều gọi là tạp hạnh tán thán cúng dường.

B) Phán định sự hơn, kém của hai hạnh:

“Nếu như tu tập hai hạnh chánh, phụ, tâm thường gần gũi Đức A Di Đà, nhớ tưởng không nguôi, đây gọi là hạnh không gián đoạn. Nếu như tạp hạnh, tuy cũng có thể hồi hướng vãng sinh, thế nhưng tâm thường gián đoạn, đây gọi là hạnh tạp nhập”.

Theo ý của đoạn văn vừa nói, đối với hai hạnh chánh tạp này có năm cặp đối: 1) thân, sơ, 2) gần, xa, 3) gián đoạn, không gián đoạn, 4) hồi hướng, không hồi hướng, 5) thuần, tạp.

1) **Thân, sơ**: Trước tiên, **thân** (thân thiết), nghĩa là hành giả tu hai hạnh chánh, phụ, sẽ rất thân thiết với đức Phật A Di Đà, cho nên Quán Kinh Sớ nói: “*Chúng sinh khởi tâm tu hành, miệng thường niệm Phật, Phật ắt nghe thấy, thân thường lay Phật, Phật ắt nhìn thấy, tâm thường nghĩ Phật, Phật ắt biết rõ. Chúng sinh nghĩ Phật, nhớ Phật, Phật cũng nghĩ chúng sinh, nhớ chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên không cách xa nhau*”. Bởi thế, nên gọi là thân thiết. Kế đến sơ (xa cách) nghĩa là tu tạp hạnh. Chúng sanh không niệm Phật, Phật không nghe thấy, thân không lay Phật, Phật không nhìn thấy, tâm không nghĩ Phật, Phật không hay biết. Chúng sanh không nghĩ Phật, nhớ Phật, Phật cũng không nghĩ chúng sinh, nhớ chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên, thường cách biệt nhau, bởi thế nên gọi là xa cách.

2) **Gần, xa** (Hán: viễn, cận): Trước tiên, gần, tức là tu hai hạnh chánh, phụ, thì sẽ gần gũi Đức Phật A Di Đà, Quán Kinh Sớ nói: “*Chúng sinh nguyện thấy Phật, Phật liền đáp ứng, hiện ra trước mặt*”, cho nên gọi là gần. Kế đến, xa, tức là tu tạp hạnh. Chúng sinh không nguyện thấy Phật, Phật không đáp ứng, không hiện ra trước mặt, cho nên gọi là xa.

Ý nghĩa của **thân** và **gần**, tuy có vẻ giống nhau, thế nhưng theo ý của ngài Thiệu Đạo

là chia làm hai trường hợp khác nhau. Ý này được nói rõ trong Quán Kinh Sớ bởi thế ở đây dẫn ra để giải thích.

- 3) **Gián đoạn, không gián đoạn**: Trước tiên, **không gián đoạn**, nghĩa là tu hai hạnh chánh, phụ, thì sẽ nghĩ nhớ Đức Phật A Di Đà không gián đoạn cho nên gọi là tâm không gián đoạn. Kế đến, **gián đoạn**, nghĩa là tu tạp hạnh, thì ít nghĩ nhớ đến Đức Phật A Di Đà, cho nên gọi là *tâm thường gián đoạn*.
- 4) **Hồi hướng, không hồi hướng**: **Không hồi hướng** nghĩa là nếu tu hai hạnh chánh, phụ, thì không phải hồi hướng, mà tự nhiên trở thành nghiệp vãng sinh, cho nên Quán Kinh Sớ nói: *Trong Quán Kinh, niệm mười danh hiệu Phật, tức là có đủ mười nguyện, mười hạnh. Niệm “A Di Đà Phật” tức là hạnh, do ý nghĩa này “ắt sẽ được vãng sinh”*. Kế đến **hồi hướng**, nghĩa là nếu tu tạp hạnh, cần phải hồi hướng thì mới thành nghiệp vãng sinh, nếu không hồi hướng, thì sẽ không trở thành nhân duyên cho sự vãng sinh, cho nên nói: *“Tuy có thể hồi hướng vãng sinh”*.
- 5) **Thuần, tạp**: Trước tiên, **thuần**, nghĩa là tu hai hạnh chánh, phụ là hạnh thuần nhất để vãng sinh Cực Lạc, còn tu tạp hạnh, thì không phải là hạnh thuần nhất để vãng sinh Cực Lạc, mà là hạnh nghiệp chung cho trời người, ba thừa và sự vãng sinh các cõi Tịnh

Độ mười phương, cho nên gọi là **tạp**. Bởi lý do này, các hành giả Cực Lạc *cần phải bỏ tạp hạnh, tu chánh hạnh.*

Hỏi: Ý nghĩa “thuần, tạp” này, trong kinh điển khác có chứng cứ hay không?

Đáp: Kinh luận Đại, Tiểu thừa, thiết lập hai môn thuần, tạp, trường hợp này không phải chỉ có một. Trong tám tạng của Đại thừa, có một tạng gọi là tạp, bảy tạng kia là thuần. Luật tạng có hai mươi kiền độ, mười chín kiền độ đầu là thuần, kiền độ cuối là tạp. Hai bộ Đường và Tống Cao Tăng Truyện đều lập mười phần, chín phần đầu là thuần, còn phần cuối là tạp. Đại Thừa Nghĩa Chương có năm tụ pháp môn, bốn tụ đầu là thuần, tụ cuối là tạp. Không những Hiền giáo, trong Mật giáo cũng có pháp thuần, tạp. Chẳng hạn như Phật Pháp Huyết Mạch Phổ của Sơn Gia Phái nói: “Thứ nhất, một bức Thai Tạng Giới Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ, thứ hai, một bức Kim Cang Giới Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ, thứ ba, một bức Tạp Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ. Hai bức đầu là thuần, bức cuối là tạp.

Chứng cứ về thuần, tạp tuy nhiều, ở đây chỉ đề cập một ít mà thôi. Nên biết ý nghĩa của thuần tạp, tùy thuộc vào pháp, không có ý nghĩa nhất định. Ở đây chúng ta dựa vào bốn ý của Hòa thượng Thiên Đạo, trên phương diện hành trì Tịnh Độ, mà bàn

luận vấn đề thuận tạp. Hơn nữa tên gọi *thuần tạp* này không hạn cục trong nội điển, hoặc ngoại điển mà có rất nhiều chứng cứ, vì sợ phiền toái, cho nên không bàn đến. Thế nhưng, bàn đến công hạnh Tịnh Độ, có thể chia làm hai hạnh, điều này không chỉ có ngài Thiện Đạo, mà ngài Đạo Xúc cũng có cùng quan điểm, tức là công hạnh vãng sinh tuy nhiều, gom lại còn có hai: một là “niệm Phật vãng sinh”, hai là “vạn hạnh vãng sinh”, còn theo ý của ngài Hoài Cảm Thiên Sư, công hạnh vãng sinh tuy nhiều, gom lại cũng chỉ có hai: một là “*niệm Phật vãng sinh*”, hai là “*chư hạnh vãng sinh*”. Như vậy, cả ba ngài đều lập hai hạnh để bao quát công hạnh vãng sinh, điều này chứng tỏ các ngài đã thấu rõ ý chỉ thâm diệu của sự vãng sinh, còn các nhà chú giải khác thì không hẳn như vậy. Những hành giả Tịnh Độ phải nên suy ngẫm chính chắn điều này!

Vãng Sinh Lễ Tán nói: “*Nếu có thể hành trì như trên, niệm niệm tương tục, trọn hết một đời, thì chắc chắn mười người tu, mười người vãng sinh, trăm người tu, trăm người vãng sinh. Vì sao? Vì không có tạp duyên nào khác nên đắc được chánh niệm, vì tương ưng với bốn nguyện của Phật, vì không đi ngược với giáo lý và vì tùy thuận lời dạy của Phật.*

Nếu như bỏ sự chuyên tu mà tu tạp nghiệp, thì trăm người tu, chỉ có một hai người vãng sinh, ngàn người tu, chỉ có năm ba người vãng sinh, Vì

sao? Vì tạp duyên loạn động làm mất chánh niệm, vì không tương ưng với bốn nguyện của Phật, vì đi ngược với giáo lý, vì làm trái với lời dạy của Phật, vì hệ niệm không tương tục, vì sự tưởng nghĩ đến Phật thường gián đoạn, vì hồi hướng không ân cần, chân thực, vì các phiền não tham, sân thường đến làm gián đoạn chánh niệm, vì không có tâm hồ thẹn sám hối, vì không tương tục nghĩ nhớ đến việc báo ơn Phật, vì sinh khởi tâm khinh mạn, tuy cũng tu tập, nhưng lại chạy theo danh lợi, vì hay phân biệt nhân ngã, không chịu thân cận những bậc đồng tu thiện tri thức và vì thích gần gũi những tạp duyên, làm chướng ngại chánh hạnh vãng sinh của chính mình và người khác.

Gần đây tôi nghe người tăng kể tục ở khắp mọi nơi, kiến giải, công hạnh không đồng, chuyên tu, tạp tu cũng khác, thế nhưng, những người chuyên tu thì mười người vãng sinh cả mười, còn những người tạp tu, tâm ý không chuyên nhất, thì trong ngàn người tu, không có đến một người vãng sinh!

Hai hạnh hơn, kém này, như phần trên vừa nói rõ, ngưỡng mong cá vị tu hạnh vãng sinh cần phải khéo léo suy ngẫm. Nếu như trong đời này, đã có thể phát nguyện vãng sinh Cực Lạc, thì trong mọi lúc, đi đứng nằm ngồi, đều nên tự khuyến tấn, ngày đêm không xao lãng, trọn suốt một đời hành trì chánh hạnh. Trong đời này, dường như phải chịu chút khổ, thế nhưng, giây phút trước vãng sinh

chung, giây phút sau ắt vãng sinh Cực Lạc, từ đó thọ mệnh vô cùng, vĩnh viễn hưởng thọ sự vui sướng, nhân đến khi thành Phật, không còn phải chịu sự khổ sinh tử, đây không phải là điều vui thú hay sao?”.

Lời bàn: Đã đọc được đoạn văn trên, càng nên **“xả tạp hạnh mà chuyên tu chánh hạnh”**, lẽ nào bỏ chánh hạnh “trăm người tu trăm người vãng sinh”, mà tu tạp hạnh “ngàn người tu không có được một người vãng sinh” hay sao? Hành giả phải nên suy gẫm chính chắn điều này!

Chương ba

Bổn Nguyện

Đức A Di Đà Như Lai không dùng các hạnh khác làm bổn nguyện vãng sinh, mà chỉ dùng Niệm Phật làm bổn nguyện vãng sinh!

Vô Lượng Thọ Kinh quyển thượng nói: “Giả sử tôi thành Phật, nếu như mười phương chúng sinh, hết lòng tin wa, muốn sinh cõi nước tôi, nhữn đến mười niệm mà không đợc vãng sinh, thì tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác”.

Quán Niệm Pháp Môn dẫn đoạn kinh trên như sau: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, nguyện sinh cõi nước tôi, xưng danh hiệu tôi, ít nhất là mười niệm, nhờ nguyện lực tôi, nếu như không vãng sinh, tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác”.

Vãng Sinh Lễ Tán cũng dẫn đoạn kinh trên như sau: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, xưng danh hiệu tôi, ít nhất là mười niệm, nếu như không vãng sinh, tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác”.

Đức Phật ấy, hiện nay đã thành Phật, ắt là lời thệ nguyện sâu nặng ấy, chân thực không hư dối; chúng sinh xưng niệm danh hiệu Ngài, ắt đợc vãng sinh.

Lời bàn: Mỗi Đức Phật đều có hai loại nguyện là nguyện chung và nguyện riêng. Nguyện chung là bốn hoàng thế nguyện, chẳng hạn như Đức Thích Ca có năm trăm nguyện, Đức Dược Sư có mười hai nguyện v v. Hiện nay, bốn mươi tám nguyện, tức là nguyện riêng của Đức A Di Đà.

Hỏi: Đức A Di Đà Như Lai, vào thời nào, ở nơi Đức Phật nào, phát những nguyện riêng này?

Đáp: Vô Lượng Thọ Kinh nói: Đức Phật bảo ngài A Nan: “*Trong đời quá khứ lâu xa vô lượng không thể nghĩ bàn kiếp về trước, có Đức Định Quang Như Lai, giáo hóa, độ thoát vô lượng chúng sinh, điều khiển cho đắc đạo, sau đó mới diệt độ. Kế đó, có Đức Quang Viễn Như Lai, nhân đến có Đức Xử Thế Như Lai, tổng cộng năm mươi ba vị, đều đã diệt độ. Sau đó, đến đời Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai, có một vị vua nghe Đức Phật thuyết pháp, lòng rất vui mừng, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, bỏ nước thoái ngôi, tu hạnh sa môn, hiệu là Pháp Tạng, tài cao, dũng mãnh, trí tuệ hơn đời, đến chỗ Phật. . . . Đức Thế Tự Tại Vương Như Lai bèn vì Pháp Tạng giảng rộng về sự thiện ác cõi trời người, cùng sự đẹp xấu của hai trăm mười ức cõi Phật, ứng theo tâm nguyện đều hiện cho thấy. Lúc ấy Tỳ kheo Pháp Tạng, nghe lời Phật dạy, thấy rõ sự nghiêm tịnh của các cõi Phật, bèn phát nguyện thù thắng vô thượng, tâm ý tịch tĩnh, chí hướng quảng đại, tất cả thế gian không ai*

sánh kịp, trải qua năm kiếp, tư duy tu tập công hạnh trang nghiêm cõi Phật”. Ngài A Nan bạch Phật: “*Đức Phật Thế Tụ Tại Vương thọ mạng bao lâu?*” Phật nói: “*Đức Phật ấy thọ bốn mươi hai kiếp*”. Khi đó Tỳ kheo Pháp Tạng tu tập công hạnh thanh tịnh của tất cả hai trăm mười ức cõi Phật.

Lại như, Đại A Di Đà Kinh nói: “Đức Phật Thế Tụ Tại Vương tuyển chọn sự thiện ác của cõi trời người, cùng sự đẹp xấu của hai trăm mười ức cõi Phật. Sau khi Đức Phật nói pháp xong, ngài Pháp Tạng nhất tâm chuyên chú, liền đắc thiên nhãn, tự thấy rõ sự thiện ác của cõi Phật, ngài bèn chọn lựa theo ý nguyện của mình, kết thành Hai mươi bốn lời nguyện (Bình Đẳng Giác Kinh cũng nói tương tự).

Ở đây, tuyển chọn, nghĩa là trong hai trăm mười ức cõi Phật, bỏ cái ác, giữ cái thiện của cõi trời người. Ý nghĩa của sự tuyển chọn trong kinh Đại A Di Đà như vậy, mà trong kinh Vô Lượng Thọ cũng giống như vậy. Đây gọi là công hạnh thanh tịnh nhiếp thủ hai trăm mười ức cõi Phật vi diệu. Tuyển chọn và nhiếp thủ, tên gọi tuy khác, nhưng ý nghĩa giống nhau. Như vậy, xả hạnh không thanh tịnh, giữ hạnh thanh tịnh. Những ý nghĩa về sự thiện ác của cõi trời người, về sự đẹp xấu của cõi nước đã đề cập ở phần trên, cũng tương tự như vậy.

Bây giờ chúng ta sẽ thảo luận về sự tuyển chọn, thủ xả của từng lời nguyện trong bốn mươi tám nguyện.

Nguyện thứ nhất, ***không có ba đường ác***: tức là hai trăm mười ức cõi Phật mà ngài Pháp Tạng đã nhìn thấy, hoặc có những cõi có ba đường ác, hoặc có những cõi không có ba đường ác, ngài bèn bỏ những cõi có ba đường ác, mà chọn những cõi không có ba đường ác, nên gọi là tuyển chọn.

Nguyện thứ hai, ***không còn đọa vào ba đường ác*** trong những cõi Phật nêu trên, hoặc có cõi tuy không có ba đường ác, nhưng những hàng trời người ở cõi đó, sau khi mạng chung, tái sinh vào các ác đạo ở những cõi khác, hoặc có những cõi Phật, hàng trời, người không còn tái sinh vào ba đường ác, thì bỏ những cõi thô ác (còn tái sinh vào ba đường ác) mà chọn những cõi thiện diệu (không còn tái sinh vào ba đường ác) nên gọi là tuyển chọn.

Nguyện thứ ba, ***tất cả đều có thân kim sắc***: hoặc có những cõi Phật, hàng trời người, có kẻ có thân hoàng kim, có kẻ có thân bạch kim, hoặc có những cõi Phật, hàng trời người đều có thân hoàng kim, thì bỏ những cõi Phật, hàng trời người có thân sắc khác nhau, mà chọn cõi Phật, hàng trời người có thuần thân hoàng kim sắc, nên gọi là tuyển chọn.

Nguyện thứ tư, **không có sự tốt xấu khác nhau**: trong các cõi Phật nói trên, hoặc có cõi Phật hình sắc của hàng trời người đẹp xấu khác nhau, hoặc có cõi Phật hình sắc của hàng trời người không có đẹp xấu khác nhau, thì bỏ những cõi Phật, trong đó hàng trời người có sự đẹp xấu khác nhau, mà chọn lấy những cõi Phật, trong đó hàng trời người không có sự đẹp xấu khác nhau, nôm gọi là tuyển chọn.

Nhấn đến nguyện thứ mười tám, **niệm Phật vãng sinh**: trong các cõi Phật nói trên, hoặc có cõi Phật lấy bố thí làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy trì giới làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy nhẫn nhục làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy tinh tiến làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy thiên định làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy bát nhã làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy Bồ đề tâm làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy lục niệm làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy tụng kinh làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy trì chú làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy sự xây cất chùa tháp, cúng dường sa môn, hoặc lấy sự hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng v v làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc có cõi Phật lấy sự **chuyên tâm xưng danh hiệu Đức Phật của cõi đó** làm công hạnh chính cho sự vãng sinh. Như vậy, lấy một hạnh phối hợp

một cõi Phật, đây là ý nghĩa một *hạnh*; lại nữa, nếu tiếp tục thảo luận về vấn đề này, ý nghĩa công hạnh của sự vãng sinh sẽ không nhất định, hoặc có một cõi Phật lấy nhiều công hạnh khác nhau làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc có nhiều cõi Phật, dùng một công hạnh chung nào đó làm công hạnh chính cho sự vãng sinh về các cõi đó. Như vậy, công hạnh vãng sinh có nhiều loại khác nhau, không thể nói hết. Hiện nay, chúng ta lược bớt những công hạnh khác như bố thí, trì giới, nhẫn đến hiếu dưỡng cha mẹ, mà ***chỉ giữ lại công hạnh “chuyên xưng danh hiệu”***, nên gọi là tuyển chọn.

Phần trên nêu ra năm nguyện để thảo luận sơ lược về ý nghĩa của sự tuyển chọn, còn những nguyện khác, ý nghĩa cũng tương tự như vậy.

Hỏi: Nói chung về các nguyện, bỏ sự thô ác, chọn sự thiện diệu, đây là lý đương nhiên. Vì sao trong nguyện thứ mười tám, bỏ tất cả các hạnh khác, chỉ giữ một hạnh “niệm Phật” làm bốn nguyện vãng sinh?

Đáp: Ý Thánh khó dò, khó mà hiểu thấu, thế nhưng hiện nay dùng hai ý nghĩa để thử giải thích, một là “thắng, liệt” hai là “khó, dễ”.

Trước tiên, ***thắng, liệt***, niệm Phật là thắng (hơn), các công hạnh khác là liệt (kém). Vì sao? Danh hiệu là chỗ quy tụ của muôn vạn công đức,

ví như Đức Phật A Di Đà đầy đủ tất cả công đức bên trong, như bốn trí, ba thân, mười lực, bốn vô sở úy v v và đồng thời cũng đầy đủ các công đức bên ngoài như tướng hảo, quang minh, thuyết pháp, lợi sanh v v , tất cả công đức này được bao quát trong danh hiệu A Di Đà Phật, cho nên công đức của danh hiệu là thù thắng, còn các công hạnh khác thì không thể như thế, mỗi công hạnh chỉ có một phần công đức, cho nên gọi là hạ liệt (kém cõi). Ví như trên thế gian, tên gọi **nhà** là chỉ chung cho tất cả vật dụng như xà nhà, cột nhà, kèo nhà, mái nhà v v, còn những tên gọi: xà, cột, kèo, mái v v không thể chỉ chung cho tất cả những vật dụng trong nhà. Do vì công đức của danh hiệu Phật vượt hơn tất cả công đức khác, cho nên *bỏ liệt lấy thắng*, nghĩa là **chuyên xưng danh hiệu Phật** làm bản nguyện cho sự vãng sinh.

Kể đến **khó, dễ**, niệm Phật dễ tu tập, còn các công hạnh khác khó tu tập, bởi thế Vãng Sinh Lễ Tán nói: “*Hỏi: Tại sao không dạy tu quán mà chỉ dạy chuyên xưng danh hiệu, đây là có ý gì? Đáp: Đây là vì nghiệp chướng của chúng sinh quá sâu nặng, cảnh quán quá vi tế, mà tâm quán lại thô thiển, vọng tưởng phù động, cho nên tu quán khó thành. Bởi thế Đức Như Lai thương xót, chỉ khuyên chúng sinh chuyên xưng danh hiệu, chính vì xưng danh dễ dàng, cho nên niệm Phật tương tục, ắt được vãng sinh!*”

Lại nữa, Vãng Sinh Yêu Tập có nói: “*Hỏi: Tất cả nghiệp lành đều có lợi ích, đều được vãng sinh, vì sao chỉ khuyên xưng danh hiệu Phật? Đáp: Hiện nay, khuyến khích Niệm Phật, không phải là bài xích các công hạnh khác, mà chỉ là pháp tu niệm Phật, bất luận nam, nữ, sang, hèn, bất luận lúc đi, đứng, nằm, ngồi, bất luận thời gian, nơi chốn, cảnh duyên, tu tập đều dễ dàng; nhấn đến khi lâm chung, nguyện cầu vãng sinh, không có pháp tu nào tiện lợi hơn pháp Niệm Phật!*”.

Nên biết, công hạnh niệm Phật dễ dàng, cho nên ai cũng có thể tu tập, còn các công hạnh khác không dễ dàng, không chắc ai cũng tu tập được. Phải chăng Đức Phật A Di Đà muốn cho tất cả chúng sinh được ***bình đẳng vãng sinh***, cho nên mới dùng ***bỏ khó lấy dễ*** làm bốn nguyện?

Nếu dùng ***đúc tượng lập chùa*** làm bốn nguyện, thì những người bần cùng khôn khổ ắt sẽ tuyệt phận, và lại, người giàu thì ít mà kẻ nghèo lại rất nhiều.

Nếu dùng ***trí tuệ tài cao*** làm bốn nguyện thì những người ngu độn, thiếu trí tuệ ắt sẽ tuyệt phận, và lại, người trí thì ít mà kẻ ngu lại rất nhiều.

Nếu dùng ***học rộng nghe nhiều*** làm bốn nguyện thì những người ít học, ít nghe sẽ tuyệt phận, và lại, người học rộng thì ít mà kẻ ít học lại rất nhiều.

Nếu dùng ***nghiêm trì giới luật*** làm bốn nguyện thì những người phá giới hoặc không có giới sẽ tuyệt phận, vả lại, người trì giới thì ít mà kẻ phá giới lại rất nhiều. Còn những công hạnh khác, chuẩn theo đây sẽ rõ. Nên biết, nếu dùng những công hạnh trên làm bốn nguyện, thì sẽ rất ít người được vãng sanh.

Thế nhưng, tỳ kheo Pháp Tạng (tiền thân của đức A Di Đà) do lòng từ bi bình đẳng, vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, quyết chắc sẽ không dùng các công hạnh như xây chùa, lập tháp v v . . . làm bốn nguyện, mà chỉ dùng một hạnh ***xưng danh niệm Phật*** làm công hạnh vãng sinh. Điều này ngài Pháp Chiếu trong quyển Ngũ Hội Pháp Sư Tán có nói:

*Phật ấy, đời trước lập thệ lớn,
Nghe tên, tưởng nhớ, đều đến rước,
Không phân nghèo khó, hoặc giàu sang,
Không phân kẻ ngu, người trí tuệ,
Không phân học rộng, hoặc trì giới,
Không phân phá giới tội chướng sâu,
Chỉ cần hồi tâm, siêng niệm Phật,
Có thể làm đá hóa ra vàng!*

Hỏi: Tất cả Bồ tát lập thệ nguyện, hoặc có người đã thành tựu, hoặc có người chưa thành tựu, không rõ bốn mươi tám nguyện của ngài Bồ Tát Pháp Tạng đã thành tựu hay chưa?

Đáp: Mỗi nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng đều đã thành tựu. Vì sao? Cõi nước Cực Lạc không có ba đường ác, như vậy lời nguyện *Cõi nước không có ba đường ác* đã được thành tựu. Vì sao biết được? Bởi vì lời nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Không có ba đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”. Lại nữa trời người ở cõi Cực Lạc, sau khi mạng chung, không còn đọa vào ba đường ác, như vậy lời nguyện *Không còn đọa vào ba đường ác* đã được thành tựu. Vì sao biết được? Bởi vì lời nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Các Bồ tát ở cõi Cực Lạc, hẳn đến lúc thành Phật, không còn bị đọa vào ba đường ác”. Lại nữa, trời người ở cõi Cực Lạc, không một ai không đầy đủ ba mươi hai tướng, như vậy nguyện *Đầy đủ ba mươi hai tướng* đã được thành tựu. Vì sao biết được? Bởi vì nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Chúng sinh sanh về cõi ấy đều được đầy đủ ba mươi hai tướng”. Như vậy, từ lời nguyện đầu *Không có ba đường ác*, cho đến lời nguyện cuối *Được ba pháp nhẫn*, tất cả đều đã thành tựu, chẳng lẽ chỉ riêng lời nguyện thứ mười tám *Niệm Phật vãng sinh* lại không thành tựu hay sao? Bởi thế, người tu niệm Phật đều được vãng sinh. Vì sao biết được? Bởi vì, như lời nguyện *Niệm Phật vãng sinh* đã nói: “*Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu ta, tin tưởng vui mừng, hẳn đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh Cực Lạc, đều được vãng sinh, đặc bất thối chuyển*”. Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh Độ, ao

sen lâu ngọc, không gì không phải là nguyện lực. tại sao chỉ riêng nghi ngờ lời nguyện **Niệm Phật vãng sinh**? Hơn nữa, mỗi cuối lời nguyện đều có thêm câu **Nếu không được như vậy, thế sẽ không giữ ngôi chánh giác**, thế nhưng, Đức A Di Đà thành Phật đã hơn mười kiếp. Nếu đã thành Phật, thì mọi điều thế nguyện ắt không phải là hư dối! Ngài Thiên Đạo nói: “**Đức A Di Đà, hiện tại thành Phật, cho nên biết bốn nguyện của Ngài nhất định không hư dối, chúng sinh xưng niệm danh hiệu, ắt được vãng sinh**”.

Hỏi: Kinh nói “mười niệm”, Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói “mười tiếng (Hán: Thập Thanh)”, ý nghĩa của **niệm** và **tiếng** khác nhau thế nào?

Đáp: Niệm và tiếng cùng một ý nghĩa. Tại sao biết được? Phần hạ phẩm hạ sinh trong Quán Kinh nói: “**Âm thanh không dứt, đầy đủ mười niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật, do vì xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm đều trừ diệt tám mươi ức kiếp nghiệp tội sinh tử**”. Y vào đoạn kinh này, tiếng tức là niệm, niệm tức là tiếng, ý nghĩa rõ ràng như thế! Hơn nữa, Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh có nói: “**Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ**”, cho nên biết rằng niệm tức là xưng lên âm thanh.

Hỏi: Kinh nói “*cho đến* (Hán: nãi chí)”, Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói: “*ít nhất* (Hán: hạ chí)”, ý nghĩa ra sao?

Đáp: *Cho đến* và *ít nhất*, ý nghĩa giống nhau. Kinh nói cho đến, là từ nhiều đến ít, nhiều là cho đến trọn đời, ít là ít nhất là mười niệm, còn Thích Tịnh Độ Quán Nghi nói ít nhất, là từ dưới lên trên, dưới là ít nhất là mười niệm, trên là cho đến trọn đời. Những trường hợp “trên dưới tương đối” không phải là ít, như lời nguyện Túc mạng thông nói: “*Nếu tôi thành Phật, người trời trong nước, nếu như không có túc mạng thông, ít nhất, nếu không biết sự việc của trăm ngàn ức na do tha kiếp quá khứ, tôi nguyện không giữ ngôi Chánh giác*”, tương tự, các lời nguyện Năm thân thông, cho đến những lời nguyện về quang minh, thọ mạng, đều có chữ ít nhất, tức là đều có nghĩa từ nhiều đến ít, từ dưới lên trên cả. Tương tự như tám lời nguyện vừa đề cập ở trên, nay trong lời nguyện thứ mười tám này, *cho đến* cũng tức là *ít nhất*, bởi thế ngài Thiện Đạo, giải thích chữ *ít nhất*, ý nghĩa không có sự trái nghịch. Thế nhưng, sự giải thích của ngài Thiện Đạo và các nhà chú giải khác có sự bất đồng. Các nhà chú giải gọi lời nguyện thứ mười tám là *Nguyện mười niệm vãng sinh*, chỉ có ngài Thiện Đạo gọi là *Nguyện Niệm Phật vãng sinh*. Các nhà chú giải gọi là *Nguyện mười niệm vãng sinh*, ý nghĩa không được châu toàn, bởi vì, trên thì bỏ đi điều kiện cho đến trọn đời, dưới thì

bỏ đi điều kiện ít nhất là một niệm; còn như ngài Thiệu Đạo gọi là *Nguyện Niệm Phật vãng sinh*, ý nghĩa này mới châu toàn, vì bao gồm cho đến trọn đời, dưới thì trọn cả *ít nhất là một niệm*.

Chương bốn
Ba Hạng Người

Ba hạng người niệm Phật vãng sanh.

Vô Lượng Thọ Kinh quyển hạ nói: “Đức Phật bảo ngài A Nan: Các hàng trời người trong mười phương, có tâm chí thành muốn sinh cõi ấy, phân làm ba bậc.

a) Bậc thượng: là hạng bỏ nhà lìa dục, tu hạnh sa môn, phát Bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, tu các công đức nguyện sanh Cực Lạc. Những chúng sanh ấy, đến lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà cùng các thánh chúng hiện ra trước mặt, trong khoảng sát na liền theo Đức Phật vãng sanh Cực Lạc, tự nhiên hóa sanh trong ao bảy báu, đắc bất thối chuyển, trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Bởi thế, này A Nan! Nếu có chúng sanh, muốn trong hiện đời, thấy được Đức Phật A Di Đà, phải nên phát tâm vô thượng Bồ đề, tu hành công đức, nguyện sinh Cực Lạc.

b) Bậc trung: là những chúng sanh trong mười phương thế giới, hết lòng muốn sinh về cõi Cực Lạc, tuy không thể tu hạnh sa môn, nhưng tu tập nhiều công đức lớn, phải nên phát Bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, tùy sức mình mà tu các hạnh lành, phụng trì trai giới,

xây chùa lập tháp, cúng dường chư tăng, treo phướn, thắp đèn, rải hoa, đem những công đức này hồi hướng, nguyện sinh Cực Lạc. Người ấy lúc lâm chung, Hóa thân của Đức A Di Đà, đầy đủ quang minh tướng hảo như Đức Phật thật, cùng các thánh chúng hiện ra ở trước, người ấy trong khoảng sát na liền theo Hóa Phật vãng sanh Cực Lạc, đắc bất thoái chuyển, công đức trí huệ kém hơn bậc thượng.

c) Bậc hạ: là những chúng sinh mười phương, có lòng chí thành, muốn sinh Cực Lạc. Giả sử không thể tu tập các công đức, cũng phải nên phát tâm Vô thượng Bồ đề, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, dù chỉ mười niệm, nguyện sinh Cực Lạc. Nếu nghe Phật pháp thâm sâu, hoan hỷ tin ưa, tâm không nghi ngờ, dù chỉ một niệm, niệm Phật A Di Đà, nguyện sinh Cực Lạc, người ấy lúc lâm chung, mộng thấy Đức A Di Đà, liền được vãng sinh, công đức trí tuệ kém hơn bậc trung.

Hỏi: Bậc thượng, ngoài sự niệm Phật, còn phải làm các công hạnh như bố thí, lìa dục, v v , bậc trung phải làm các công hạnh như xây chùa, đúc tượng v v ; bậc hạ cũng phải có các công hạnh như phát Bồ đề tâm v v , vì sao ở đây chỉ nói Niệm Phật vãng sinh?

Đáp: Quán Niệm Pháp Môn của Hòa Thượng Thiện Đạo nói: “*Vô Lượng Thọ Kinh* quyển hạ có dạy: *Phật nói căn tính của tất cả chúng sinh đều khác nhau, có ba bậc thượng, trung, hạ. Đức Phật tùy theo căn tính của họ, đều khuyên chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Những người ấy, đến lúc lâm chung, Đức Di Đà và thánh chúng đồng đến tiếp dẫn, đều được vãng sinh*”. Ý vào ý nghĩa này, có thể nói ba bậc thượng trung hạ đều niệm Phật vãng sinh.

Hỏi: Trả lời như vậy vẫn chưa thỏa đáng. Tại sao bỏ tất cả công hạnh, chỉ riêng nói Niệm Phật?

Đáp: Ở đây có ba ý nghĩa: 1) Vì muốn phớt bỏ các công hạnh để quý hướng Niệm Phật cho nên nói đến các công hạnh, 2) Vì muốn trợ thành công hạnh Niệm Phật cho nên nói đến các công hạnh, 3) Vì hai môn a) Niệm Phật và b) Tu các công hạnh, mỗi môn đều có ba phẩm, nên nói đến sự tu tập các công hạnh.

1) *Vì muốn phớt bỏ các công hạnh để quý hướng Niệm Phật.* Ở đây chúng ta y theo Quán Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo: “*Phân trên tuy nói sự lợi ích của hai môn Tấn môn và Định môn, nếu như xét bốn nguyện của Phật A Di Đà, là muốn chúng sinh một lòng chuyên xưng danh hiệu của Ngài*”, mà giải thích. Trong phần bậc thượng, tuy nói đến các công hạnh khác như phát Bồ đề tâm v v, nếu xét

thâm ý của bốn nguyện, chỉ là muốn chúng sinh chuyên xưng danh hiệu của Đức A Di Đà, mà trong bốn nguyện cũng không nói đến hạnh nào khác. Ba bậc đều y vào bốn nguyện trên, cho nên nói: **Một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ**. Ví như bên Thiên Trúc có ba loại chùa: một là chùa chuyên tu Đại thừa, trong đó không có người tu học Tiểu thừa, hai là chùa chuyên tu Tiểu thừa, trong đó không có người tu học Đại thừa, ba là chùa kiêm tu Đại thừa và Tiểu thừa. Nên biết các chùa chuyên tu Đại thừa hoặc Tiểu thừa, có thể gọi là một lòng (Hán: nhất hướng), còn chùa kiêm tu thì không thể gọi là một lòng. Nếu y theo ví dụ về chùa ở Ấn Độ vừa nói, những hành giả tu các công hạnh khác, có thể gọi là kiêm tu. Nếu đã nói một lòng, thì không tu các hạnh khác, điều này quả thật rõ ràng. Tuy trước đó nói đến các công hạnh, nhưng sau lại nói **một lòng chuyên niệm**, điều này rõ ràng là muốn hành giả bỏ các công hạnh khác để Niệm Phật, cho nên mới nói **một lòng**, nếu không, chữ **một lòng** làm sao có thể giải thích cho thông!

2) **Vì muốn trợ thành công hạnh Niệm Phật**: Ở đây cũng có hai nghĩa: a) Một là dùng thiện căn cùng loại trợ thành công hạnh Niệm Phật, b) Hai là dùng thiện căn khác loại trợ thành công hạnh Niệm Phật.

a) Dùng *thiện căn cùng loại* trợ thành: Thiện Đạo Hòa Thượng trong Quán Kinh Sớ đưa ra năm loại

công hạnh trở thành công hạnh Niệm Phật. Trong phần hai hạnh chánh tạp ở trên đã nói đầy đủ

b) Dùng *thiện căn khác loại* trợ thành: Trước tiên, đối với bậc thượng bàn luận công hạnh chánh, phụ. ***Một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ*** tức là hạnh chánh, còn các công hạnh khác như bỏ nhà, lìa dục, tu hạnh sa môn, phát Bồ đề tâm v v là hạnh phụ. Đây có ý nghĩa rằng Niệm Phật là căn bản cho hành nghiệp vãng sinh, cho nên ***vì muốn một lòng Niệm Phật***, cho nên mới bỏ nhà, lìa dục, tu hạnh sa môn, phát Bồ đề tâm v v. Trong đây, những việc xuất gia phát tâm v v là chỉ lúc mới xuất gia, hoặc mới phát tâm, còn Niệm Phật là công hạnh lâu dài không thoái thất, chẳng lẽ, các công hạnh khác lại chướng ngại công hạnh Niệm Phật! Đối với bậc trung, các công hạnh như xây chùa, đúc tượng, treo phướn, thắp đèn, rải hoa, đốt hương v v cũng đều là để trợ thành công hạnh Niệm Phật. ý chỉ này có thể tìm thấy trong Vãng Sanh Yếu Tập, nghĩa là các công hạnh cúng dường, xây chùa, đúc tượng v v đều là những phương tiện trợ thành công hạnh Niệm Phật. Đối với hành giả bậc hạ, cũng có sự phát tâm, niệm Phật, chiếu theo phần trên sẽ rõ.

3) ***Vì hai môn Niệm Phật và tu tập các công hạnh, mỗi môn đều có ba phẩm***: Trước tiên, nói đến ba phẩm của môn ***Niệm Phật***. Trong kinh, đối với ba bậc hành giả đều nói ***một lòng chuyên niệm***

Phật Vô Lượng Thọ, đây tức là môn Niệm Phật thiết lập ba phẩm, bởi thế, phẩm Niệm Phật Chứng Cứ Môn của Vãng Sinh Yếu Tập có nói: “*Trong kinh Vô Lượng Thọ, hành nghiệp của ba bậc, tuy có sự sâu cạn khác nhau, nhưng tựu trung phải một lòng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật*”. Kể đến, nói đến ba phẩm của môn **Tu tập các công hạnh**, nghĩa là ba bậc đều có các công hạnh như phát Bồ đề tâm v v . . đây là từ sự tu tập các công hạnh mà lập ba phẩm. Phẩm Chư Hành Vãng Sinh Môn của Vãng Sinh Yếu Tập có nói: “*Ba bậc của kinh Vô Lượng Thọ không ra ngoài phạm vi của những công hạnh này*”.

Ba ý nghĩa vừa nêu trên, tuy có sự khác biệt, thế nhưng mục đích đều là vì **Một lòng Niệm Phật** mà thiết lập. Ý nghĩa đầu tức là **vì phé bỏ, xác lập**, nghĩa là nói các công hạnh để bỏ phé các công hạnh, nói Niệm Phật để xác lập Niệm Phật, Ý nghĩa kế là vì muốn trợ thành, nghĩa là muốn trợ thành chánh nghiệp Niệm Phật, cho nên nói đến các nghiệp phụ là sự tu tập các công hạnh. Ý nghĩa cuối là **vì nghĩa chánh, phụ**, nghĩa là tuy nói hai môn **Niệm Phật** và **Tu các công hạnh**, nhưng Niệm Phật là chánh, còn Tu các công hạnh là phụ. Bởi thế nên nói: “*Ba bậc đều phải niệm Phật*”.

Trong ba ý nghĩa vừa nói, nghĩa cuối (Niệm Phật là chánh, các hạnh khác là phụ) rất khó quyết đoán, kính thỉnh chư vị học giả tùy ý quyết định. Hiên

nay, theo ngài Thiệu Đạo, ý nghĩa đầu Vì ***muốn phé bỏ các công hạnh để quy hướng Niệm Phật*** là chính xác.

Hỏi: Hành nghiệp của ba bậc đều nói Niệm Phật, ý nghĩa này đã rõ ràng. Chín phẩm trong Quán Kinh và ba bậc của Vô Lượng Thọ Kinh vốn chỉ là sự khai hợp khác nhau, nếu vậy, tại sao ba bậc trong Vô Lượng Thọ Kinh đều nói đến Niệm Phật, còn trong Quán Kinh, hai phẩm thượng, trung không nói đến Niệm Phật, mà chỉ có hạ phẩm mới nói đến?

Đáp: Điều này có hai nghĩa.

a) Phần đầu của câu hỏi nói: “*Ba bậc của Vô Lượng Thọ Kinh và chín phẩm của Quán Kinh chỉ là sự khai hợp khác nhau*”, do đây mà biết chín phẩm của Quán Kinh có thể cũng có sự Niệm Phật. Vì sao mà biết? Nếu có ba bậc đều có sự Niệm Phật, thì chín phẩm tại sao không có? Vãng Sinh Yếu Tập nói: “*Hỏi: Công hạnh Niệm Phật được nhiếp vào phẩm nào của Quán Kinh? Đáp: Nói về công hạnh, đúng lý, Niệm Phật phải được nhiếp vào phẩm thượng thượng, thế nhưng, tùy vào sự Niệm Phật thẳng hay liệt mà chia làm chín phẩm. Thế nhưng, Quán Kinh khi nói về hành nghiệp của chín phẩm, chỉ là đề cập đến một phần nhỏ, đúng lý, hành nghiệp (công hạnh) là vô lượng*”. Cho nên biết rằng Niệm Phật là chung cho cả chín phẩm.

b) Bản ý của Quán Kinh là trước tiên nói rộng về các công hạnh định tán, để thích ứng với căn cơ của tất cả chúng sinh, sau đó phế bỏ các công hạnh này, để quy hướng về hạnh Niệm Phật, chẳng hạn như Kinh nói: “*Ông phải khéo thọ trì kinh này*” v. Ý nghĩa này, phần dưới sẽ nói đầy đủ, bởi thế, biết rằng *công hạnh của chín phẩm, chỉ là Niệm Phật.*

Chương Năm

Lợi Ích

Sự lợi ích của niệm Phật.

Vô Lượng Thọ Kinh quyển hạ nói: “**Đức Phật** bảo ngài **Di Lạc**:

*Nếu có người nghe
Danh hiệu Phật ấy
Lòng rất vui mừng
Dù chỉ một niệm
Nên biết người ấy
Được lợi ích lớn
Sẽ được đầy đủ
Công đức vô thượng.*

Vãng sinh **Lễ Tán** của **Hòa thượng Thiện Đạo** nói:

*Ai nghe được danh hiệu,
Của đức A Di Đà
Vui mừng, dù một niệm
Đều được sinh cõi ấy*

Hỏi: Căn cứ lời kinh nói về ba bậc, ngoài Niệm Phật còn có các công đức phát Bồ đề tâm v v, tại sao không tán dương những công đức ấy mà chỉ riêng tán thán công đức Niệm Phật?

Đáp: Ý Thánh khó dò, ắt là có ý nghĩa sâu xa. Ở đây chỉ căn cứ vào ngài Thiện Đạo mà giải thích. Nguyên vì bản ý của Đức Phật, tuy chỉ muốn nói trực tiếp công hạnh Niệm Phật, thế nhưng, Ngài phải tùy căn cơ chúng sinh mà nói đến các công

hạnh khác như phát Bồ đề tâm v v, chia làm ba bậc, sâu cạn khác nhau. Hiện nay, bỏ các công hạnh khác không tán thán, mà chỉ riêng tán thán hạnh Niệm Phật, cho nên chúng ta chỉ bàn luận đến điểm này.

Công hạnh Niệm Phật chia làm ba bậc, điều này có hai nghĩa: 1) chia theo “Quán niệm sâu cạn” 2) chia theo “Niệm Phật nhiều ít”.

1) Sâu cạn: như phần trên đã dẫn đoạn văn “Nếu nói về công hạnh, đúng lý Niệm Phật là cho bậc thượng thượng”.

2) Nhiều ít: Như trong đoạn văn của bậc Hạ phẩm hạ sinh đã có đề cập đến số mục “*mười niệm dẫn đến một niệm*”, chuẩn theo đây, hai bậc trung và thượng, số mục niệm Phật phải nên tùy theo đó mà gia tăng. Quán Niệm Pháp Môn nói: “*Mỗi ngày niệm danh hiệu Phật một vạn câu, lại cần phải tùy thời lễ bái, tán thán sự trang nghiêm Tịnh Độ. Cần phải rất tinh tiến, hoặc niệm ba vạn, sáu vạn, mười vạn câu, đây đều là bậc Thượng phẩm thượng sinh*”. Nên biết, niệm từ ba vạn câu trở lên là hành nghiệp của bậc Thượng phẩm thượng sinh, niệm ba vạn câu trở xuống là hành nghiệp của bậc thượng trung trở xuống. Đây rõ ràng là tùy theo số mục niệm Phật nhiều ít mà phân biệt phẩm vị.

Hiện nay, nói Một niệm, là chỉ một niệm trong *Nguyện Niệm Phật thành tựu (Nguyện thứ mười tám)*, và cũng chỉ cho một niệm trong bậc Hạ phẩm

hạ sinh. Trong Nguyên thành tựu, tuy nói một niệm, nhưng chưa nói đến *công đức đại lợi*, và trong phẩm bậc Hạ, tuy cũng nói đến một niệm, nhưng cũng chưa nói đến *công đức đại lợi*. Ở đây nói một niệm là công đức đại lợi, lại khen là *vô thượng*, nên biết đây là muốn chỉ cho *Một niệm* trong *Nguyên Niệm Phật thành tựu* ở trên.

Ở đây, *đại lợi* là so sánh với *tiểu lợi*, như vậy, ắt các công hạnh như phát Bồ đề tâm, v v là tiểu lợi, còn ***cho đến một niệm*** là đại lợi.

Lại nữa, *vô thượng* là so sánh với *hữu thượng*. Nếu đã cho rằng một niệm là vô thượng, như vậy, ắt mười niệm là mười vô thượng, trăm niệm là trăm vô thượng, ngàn niệm là ngàn vô thượng, và cứ như thế, từ ít đến nhiều, niệm Phật hằng sa, công đức vô thượng ắt cũng sẽ hằng sa.

Như thế, các hành giả cầu sinh Tịnh độ, tại sao bỏ Niệm Phật *đại lợi vô thượng*, mà lại miễn cưỡng tu các công hạnh *tiểu lợi hữu thượng khác*!

Chương Sáu

Đặc Lưu

Sau thời một vạn năm mạt pháp, các công hạnh khác đều biến diệt, đặc biệt lưu lại một môn Niệm Phật...

Vô Lượng Thọ Kinh quyển hạ nói: Trong đời vị lai, kinh đạo diệt hết, ta vì từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này một trăm năm. Nếu có chúng sinh gặp được kinh này, tùy theo ý nguyện, đều được cứu độ.

Hỏi: Kinh chỉ nói *đặc biệt lưu lại kinh này*, tại sao ở đây lại nói *đặc biệt lưu lại môn Niệm Phật*?

Đáp: Điều mà kinh này giảng dạy đều là nói về Niệm Phật. Ý chỉ đã nói rõ ở phần trên và các ngài Thiện Đạo, Hoài Cảm, Huệ Tâm v v, cũng đồng quan điểm. Như vậy, "kinh này lưu lại thế gian" cũng tức là "**Niệm Phật lưu lại thế gian**". Lý do là vì kinh này tuy có nói đến phát Bồ đề tâm, nhưng không nói đến hành tướng của sự phát tâm, nói chi tiết về hành tướng của sự phát Bồ đề tâm là trong kinh Phát Bồ Đề Tâm v v. Thế nhưng, những kinh đó bị diệt trước, nếu vậy, y vào đâu mà tu tập phát Bồ đề tâm, Lại nữa, nói chi tiết về hành tướng của sự trì giới là ở trong giới luật của Đại, Tiểu thừa, thế nhưng, giới luật bị diệt trước, như vậy những

công hạnh trì giới phải y vào đâu mà tu tập? Còn những công hạnh khác, căn cứ theo đây thì sẽ rõ. Bởi thế Hòa Thượng Thiện Đạo trong Vãng Sinh Lễ Tán giải thích đoạn kinh này như sau:

*Vạn năm, Tam bảo diệt
Kinh này trụ trăm năm
Lúc đó, nghe một niệm
Đều được sanh Cực Lạc.*

Lại nữa, giải thích đoạn kinh này, đại khái có bốn nghĩa: (1) Sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Tịnh Độ và Thánh Đạo (2) Sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Thập Phương Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ. (3) Sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp Đâu Suất Tịnh Độ và Tây Phương Tịnh Độ (4) Sự trụ, diệt trước sau của hai môn Niệm Phật và Tu tập các công hạnh.

- (1) Sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp **Thánh Đạo** và **Tịnh Độ**: nghĩa là các kinh điển của môn Thánh Đạo bị diệt trước, cho nên *kinh đạo bị diệt tận*, kinh Vô Lượng Thọ của môn Tịnh Độ được đặc biệt lưu lại, cho nên nói *lưu lại thế gian một trăm năm*. Nên biết, cơ duyên của Thánh Đạo cạn cợt, còn cơ duyên của Tịnh Độ sâu dày.
- (2) Sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp *Thập Phương Tịnh Độ* và *Tây Phương Tịnh Độ*: nghĩa là các giáo pháp vãng sinh Thập

Phương Tịnh Độ bị diệt trước, cho nên nói kinh đạo bị diệt tận, cho nên nói kinh đạo bị diệt tận, còn kinh Vô Lượng Thọ của pháp môn vãng sinh Tây Phương Tịnh Độ được đặc biệt lưu lại thế gian, cho nên nói *lưu lại thế gian một trăm năm*. Nên biết, cơ duyên vãng sinh Thập Phương Tịnh Độ cạn cợt, còn cơ duyên của Tây Phương Tịnh Độ sâu dày.

(3) Sự trụ, diệt trước sau của hai giáo pháp *Đâu Suất Tịnh Độ* và *Tây Phương Tịnh Độ*: nghĩa là các kinh nói về vãng sinh Đâu Suất như Di Lạc Thượng Sinh Kinh, Tâm Địa Quán Kinh bị diệt trước, cho nên nói kinh đạo bị diệt tận, còn kinh Vô Lượng Thọ nói về vãng sinh Tây Phương được đặc biệt lưu lại thế gian một trăm năm, cho nên nói *lưu lại thế gian một trăm năm*. Nên biết, cõi Đâu Suất tuy gần cõi người, thế nhưng cơ duyên cạn cợt, còn cõi Cực Lạc tuy xa, nhưng cơ duyên lại sâu dày.

(4) Sự trụ, diệt trước sau của hai môn Niệm Phật và Tu tập các công hạnh: nghĩa là các giáo pháp tu tập các công hạnh vãng sanh bị diệt trước, cho nên nói kinh đạo bị diệt tận, còn kinh Vô Lượng Thọ của pháp môn Niệm Phật được đặc biệt lưu lại thế gian một trăm năm, cho nên nói *lưu lại thế gian một trăm năm*.

Nên biết, tu các hạnh khác để vãng sinh, cơ duyên rất cạn cợt, còn tu hạnh Niệm Phật vãng sinh, cơ duyên rất sâu dày. Hơn nữa, các công hạnh khác, nhân duyên vãng sinh rất ít, còn Niệm Phật vãng sinh nhân duyên vãng sinh rất nhiều. Và lại, tu hạnh khác để vãng sinh chỉ hạn cục vào một vạn năm của thời mạt pháp. Còn Niệm Phật vãng sinh thì kéo dài vào khoảng thời gian một trăm năm sau khi kinh pháp diệt tận.

Hỏi: Phật nói *Ta dùng tâm từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này trên thế gian một trăm năm.* Nếu Đức Thế Tôn đã vì từ bi lưu lại kinh giáo, ắt là bất cứ kinh giáo nào cũng phải nên lưu lại, tại sao Ngài không lưu lại kinh khác mà chỉ lưu lại kinh này?

Đáp: Dù Ngài lưu lại bất cứ một kinh nào khác, cũng không tránh khỏi câu hỏi vặn vẹo này, thế nhưng, đặc biệt lưu lại kinh này, ý nghĩa rất sâu xa. Theo Hòa thượng Thiện Đạo, kinh này nói đến bốn nguyện Niệm Phật vãng sinh của Đức A Di Đà, Đức Thích Ca vì lòng từ bi, muốn lưu lại pháp Niệm Phật, cho nên đặc biệt lưu lại kinh này. Các kinh khác, không nói đến bốn nguyện Niệm Phật vãng sinh của Đức A Di Đà, cho nên Đức Thích Ca tuy từ bi, vẫn không lưu lại các kinh khác. Hơn nữa, tuy bốn mươi tám nguyện đều là bốn nguyện,

đặc biệt dùng *Niệm Phật* làm quy định cho sự vãng sinh. Hòa thượng Thiện Đạo giải thích như sau:

*Hoàng thệ nhiều môn, bốn mươi tám
Chỉ riêng Niệm Phật rất là thân,
Phật nhớ người thường hay niệm Phật
Phật biết người tưởng Phật chuyên tâm*

Nên biết, trong bốn mươi tám nguyện, bốn nguyện "Niệm Phật vãng sinh" là ***vua trong các bốn nguyện***, bởi thế, Đức Thích Ca từ bi đặc biệt lưu lại kinh này trên thế gian một trăm năm. Lại như, trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Đức Thích Ca không phó chúc ông A Nan các công hạnh định thiện, tán thiện, mà phó chúc ***công hạnh Niệm Phật***, tức là Ngài thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà, cho nên chỉ phó chúc một hạnh Niệm Phật.

Hỏi: Đặc biệt lưu lại Niệm Phật một trăm năm sau khi kinh pháp diệt tận, ý nghĩa này đã rõ ràng. Công hạnh Niệm Phật chỉ thích ứng riêng cho chúng sinh thời đó, hay là chung cho cả ba thời chánh, tượng và mạt pháp?

Đáp: Thích ứng chung cho cả ba thời chánh, tượng và mạt pháp. Phải nên biết đây có nghĩa là *nêu lợi ích mai sau để khuyên dạy người hiện đời*.

Chương Bảy

Thâu Nhiếp

Ánh sáng của Đức A Di Đà không chiếu hành giả khác, mà chỉ thâu nhiếp hành giả Niệm Phật.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: Đức Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp, trong mỗi vẻ đẹp có tám vạn bốn ngàn tia sáng, mỗi tia sáng đều chiếu khắp mười phương thế giới, thâu nhiếp tất cả chúng sinh Niệm Phật.

Quán Kinh Sớ nói: Từ câu "Đức Phật Vô Lượng Thọ", đến câu "thâu nhiếp tất cả", chánh thức nói rõ sự quán sát các tướng riêng biệt của thân Phật A Di Đà. Ánh sáng này làm lợi ích cho người hữu duyên, chia làm năm phần: (1) Nói rõ bao nhiêu tướng (2) Nói rõ bao nhiêu vẻ đẹp (3) Nói rõ bao nhiêu ánh sáng (4) Nói rõ ánh sáng chiếu bao xa (5) Nói rõ chỗ mà ánh sáng chiếu đến đều được lợi ích.

Hỏi: Tu đầy đủ các công hạnh, chỉ cần hồi hướng đều được vãng sinh, tại sao ánh sáng của Phật chiếu khắp, lại chỉ thâu nhiếp những người niệm Phật, nghĩa này như thế nào?

Đáp: Ở đây có ba nghĩa:

a) Duyên thân thiết : Chúng sinh khởi tâm tu hành, miệng thường niệm Phật, Phật ắt nghe thấy, thân thường lạy Phật, Phật ắt nhìn thấy, tâm thường nhớ Phật, Phật ắt biết rõ, chúng sinh nhớ Phật, niệm Phật, Phật cũng nhớ chúng sinh, niệm chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên thường không xa lìa nhau, cho nên gọi là duyên thân thiết.

b) Duyên gần: Chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, Phật tức thời cảm ứng, hiện ra trước mặt họ, cho nên gọi là duyên gần.

c) Duyên tăng thượng: Chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật, tức là có thể diệt trừ nhiều kiếp tội chướng, đến lúc lâm chung, Phật và thánh chúng tự nhiên đến nghinh tiếp, những tà nghiệp trôi buộc không thể làm chướng ngại sự vãng sinh, cho nên gọi là duyên tăng thượng.

Các công hạnh khác, tuy cũng gọi là thiện, nhưng nếu so với niệm Phật, thì hoàn toàn không so sánh được, cho nên trong các kinh điển, chỗ nào cũng tán thán công đức Niệm Phật chẳng hạn như kinh Vô Lượng Thọ, trong bốn mươi tám nguyện chỉ nói rõ “chuyên niệm danh hiệu A Di Đà mà được vãng sinh Cực Lạc”, lại như trong kinh A Di Đà, một ngày cho đến bảy ngày, chuyên niệm danh hiệu A Di Đà được vãng sinh Cực Lạc. Hơn nữa, hằng sa chư Phật ở mười phương thế giới chúng

minh sự chân thực của bốn nguyện của Phật A Di Đà.

Phản định thiện và tán thiện trong kinh này cũng chỉ nêu rõ sự chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà được vãng sinh Cực Lạc; những trường hợp này không phải là duy nhất. Đến đây đã nói xong về Niệm Phật Tam Muội.

Quán Niệm Phật Môn nói: *“N hư phân trước nói về ánh sáng của thân, tướng v v . . . mỗi một tia sáng của thân tướng v v mỗi một tia sáng chiếu khắp mười phương thế giới, thế nhưng tâm quang của Đức A Di Đà thường soi chiếu những chúng sinh chuyên niệm danh hiệu của Ngài, nhiếp hộ không rời mà hoàn toàn không nói đến sự soi chiếu nhiếp hộ các chúng sinh tu các tạp hạnh khác”*.

Hỏi: Ánh sáng của Phật chỉ chiếu người niệm Phật mà không chiếu người tu hạnh khác là có ý gì?

Đáp: Có hai nghĩa: (1) Ba duyên: duyên thân thiết, duyên gần, duyên tăng thượng, vừa đề cập ở trên. (2) Bốn nguyện: Các công hạnh khác không phải là bốn nguyện, cho nên không soi chiếu nhiếp hộ, Niệm Phật là bốn nguyện cho nên soi chiếu nhiếp hộ. Bởi thế Hòa thượng Thận Đạo trong Lục Thời Lễ Tán có nói:

*Thân sắc Di Đà như kim sơn,
Tướng hảo quang minh chiếu mười phương.*

*Riêng người Niệm Phật được soi nhiếp,
Nén biết Bốn nguyện rất kiên cường.*

Lại nữa, trong đoạn kinh đã dẫn nói: "*Các hạnh lành khác, tuy gọi là thiện, nếu so với Niệm Phật thì hoàn toàn không so sánh được*". Ý nghĩa ở đây là muốn so sánh các công hạnh của môn Tịnh Độ. Niệm Phật là *diệu hạnh* được chọn, còn các hạnh khác là *thô hạnh* bị bỏ, cho nên nói "*hoàn toàn không thể so sánh*". Hơn nữa niệm Phật là *hạnh bốn nguyện*, còn các hạnh khác không phải, cho nên nói *hoàn toàn không thể so sánh*.

Chương Tám

Ba Tâm

Ngươi niệm Phật nhất định đầy đủ ba Tâm.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: "Nếu có chúng sinh nguyện sinh Cực Lạc, nên phát ba tâm, ắt được vãng sinh. Một là tâm chí thành, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Ngươi đầy đủ ba tâm, ắt sẽ sinh Cực Lạc.

I. Chí Thành Tâm: Quán Kinh Sớ nói: Kinh dạy: “Một là chí thành tâm. Chí tức là chân, thành tức là thực. Ý muốn nói tất cả chúng sinh, ba nghiệp thân khẩu ý tu tập giải môn, hoặc hành môn, đều phải tu tâm chân thật xuất phát, không thể bên ngoài hiện tướng hiền thiện, tinh tiến, mà trong tâm thì giả dối, tham lam, tà ngụy, gian trá đa đoan, hung ác dữ dằn, mưu mô nham hiểm; tuy cũng hành trì ba nghiệp, nhưng gọi là việc lành pha chất độc, cũng gọi là hành trì giả dối, không được gọi là nghiệp thiện chân thật. Nếu như dùng tâm như vậy mà tu hành, dù có thân tâm lao nhọc, tinh tiến hành trì như cứu đầu đang bị cháy cũng chỉ là việc thiện pha chất độc. Muốn dùng công hạnh trọn vẹn này để cầu sinh Cực Lạc; đây là điều không thể được! Vì sao? Bởi vì Đức Phật A Di Đà, trong lúc tu nhân, dù trong một niệm, một sát na, ba nghiệp mà Ngài tu tập đều phát xuất từ tâm chân thực và

những sự việc Ngài tạo tác, nguyện cầu, cũng đều là chân thực.

Lại nữa, chân thực có hai loại: một là tư lợi chân thực, hai là lợi tha chân thực.

1) Tư lợi chân thực lại có hai loại:

a/ Dùng tâm chân thực, chế phục, xả bỏ những ác hạnh của mình và người, cùng những cõi nước thô ác; trong tất cả mọi thời, nghĩ tưởng các vị Bồ tát chế phục, xả bỏ ác hạnh, mình cũng phải nên như vậy.

b/ Dùng tâm chân thực, siêng tu tất cả pháp thiện, dung tâm chân thực, tán thán Đức A Di Đà cùng y báo và chánh báo của cõi Cực Lạc..

Lại từ tâm chân thực, dùng khẩu nghiệp quả trách, nhằm chán tất cả y báo, chánh báo thô ác của mình và người trong ba cõi sáu đường, lại tán thán những thiện hạnh của ba nghiệp thân khẩu ý của tất cả chúng sinh, còn đối với những chúng sinh không làm thiện, kính nhi viễn chi, mà cũng chẳng tùy hỷ việc làm của họ.

Lại từ tâm chân thực, dùng thân nghiệp chấp tay lễ kính, cúng dường y phục, thức ăn . . . đến Đức Phật A Di Đà, cùng y báo chánh báo của cõi Cực Lạc.

Lại từ tâm chân thực, dùng thân nghiệp, xem thường, nhằm chán y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sinh tử này.

Lại từ tâm chân thực, dùng ý nghiệp xem thường, nhằm chán y báo, chánh báo của mình và người trong ba cõi sinh tử này.

Phải từ tâm chân thực, xả bỏ ba nghiệp bất thiện và cũng phải từ tâm chân thực khỏi ba nghiệp thiện thân khẩu ý.

Bất luận trong ngoài, ngày, đêm, đều phải một lòng chân thực, cho nên gọi là chí thành tâm.

II. Thâm tâm: Thâm tâm tức là lòng tin sâu có hai loại:

a/ Quyết định tin sâu rằng thân hiện tại của mình là phạm phu tội ác, từ vô thủy đến nay, chìm đắm, trôi lăn trong sinh tử, không có nhân duyên để xuất ly.

b/ Quyết định tin sâu, không còn nghi ngờ đắn đo, rằng Đức A Di Đà có bốn mươi tám lời nguyện, nghiệp thọ chúng sinh, nương vào nguyện lực của Ngàiắt được vãng sinh.

Lại quyết định tin sâu rằng Đức Phật Thích Ca giảng nói Quán Kinh về ba phước, chín phẩm, định

thiện, tán thiện, cùng chứng minh, tán thán y báo chánh báo của cõi Cực Lạc là để cho chúng sinh ham mộ.

Lại quyết định tin sâu rằng trong kinh A Di Đà, mười phương chư Phật khuyến khích, chứng minh tất cả phàm phu quyết định được vãng sinh.

Đối với lòng tin sâu này, ngưỡng nguyện tất cả các hành giả, một lòng chỉ tin lời Phật, không luyến tiếc thân mạng, quyết định phụng hành. Phật bảo xả bỏ, nhất định phải xả bỏ, Phật bảo hành trì, nhất định phải hành trì, Phật bảo vãng sinh, nhất định phải vãng sinh, đây gọi là tùy thuận lời Phật dạy, tùy thuận ý muốn của Phật, tùy thuận bốn nguyện của Phật. Đây gọi là Phật tử chân thực.

Tất cả hành giả, chỉ cần y theo kinh này, tin tưởng hành trì, chắc chắn sẽ không bị sai lầm. Vì sao? Đức Phật là Bạc đầy đủ tâm đại bi, là Bạc đầy đủ tâm đại bi, là Bạc nói lời thật. Từ Phật trở xuống, tất cả phàm thánh khác, trí hạnh chưa đầy đủ, vẫn còn trong giai đoạn học tập, chưa trừ sạch phiền não chướng và sở tri chướng, nguyện hạnh chưa tròn, những người như vậy, giả sử muốn suy lường trí của Phật cũng chưa chắc suy lường nổi, tuy có bình luận, phán đoán, nhưng phải qua sự ấn chứng của Phật mới trở thành định án. Nếu như xứng ý của Phật, Ngài sẽ ấn khả: *"Đúng vậy! Đúng vậy!, nếu không xứng y Phật, Ngài sẽ bảo: "Lời của ông*

nói ý nghĩa không phải như vậy!". Không được ăn khả thì bị xem như lời nói không đáng ghi chép, hoàn toàn không lợi ích. Những điều Phật ăn khả, tức là tùy thuận chánh giáo của Phật, còn những lời Phật nói, thì tức là chánh giáo, chánh nghĩa, chánh hành, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí, dù ít dù nhiều, cũng không cần hỏi Bồ tát, trời người là đúng hay sai! Nếu những lời Phật nói là liễu nghĩa, thì những lời của chư Bồ tát nói đều không liễu nghĩa. Phải nên biết như vậy!

Hiện nay ngưỡng mong quý vị có duyên với pháp Vãng sinh, chỉ nên tin sâu lời Phật, chuyên chú phụng hành, không nên tin những lời dạy không tương ưng của chư vị Bồ tát, khởi tâm nghi ngờ, tự làm chướng ngại, cố chấp mê mờ, mà đánh mất sự lợi ích lớn lao của sự vãng sinh.

Người có lòng tin sâu thiết, quyết định kiến lập tự tâm, thuận theo giáo pháp tu hành, vĩnh viễn dứt trừ nghi hoặc, lầm lẫn, quyết không vì tất cả giải ngộ khác biệt, hành trì khác biệt, sở học khác biệt, kiến giải khác biệt, sở thích khác biệt, mà làm cho mình thoái thất dao động.

Hỏi: Phạm phu trí huệ nông cạn, tội chướng sâu dày, nêu gặp phải những người tu pháp môn khác đem những kinh luận khác ra dẫn chứng rằng: "*Tất cả phạm phu tội chướng không thể vãng sinh*", làm

thế nào để đôi phó, hồng giữ vững lòng tin, quyết định tiến bước, không sinh khiếp nhược?

Đáp: Nếu có người đem kinh luận ra dẫn chứng rằng không có sự vãng sinh, hành giả nên trả lời với họ rằng: *"Ông tuy đem kinh luận ra dẫn chứng sự không thể vãng sinh, nhưng theo thiên ý của tôi, quyết không tiếp thọ lời nói của ông. Vì sao? Tôi không phải không tin những lời ông nói, thực sự, tôi tin tưởng tất cả kinh luận đó, thế nhưng lúc Đức Phật giảng nói những kinh đó, xứ sở khác, thời gian khác, đối tượng thuyết pháp khác, sự lợi ích cũng khác; lại nữa, lúc Đức Phật giảng nói những kinh đó, không phải lúc Ngài nói Quán Kinh, A Di Đà Kinh v.v. Và lại, Đức Phật nói pháp thích ứng cơ nghi, thời tiết không đồng, những kinh luận đó là nói chung về các giải hạnh cho hàng trời người và chư Bồ tát, còn hiện nay nói hai công hạnh định thiện và tán thiện trong Quán Kinh là cho hoàng hậu Vi Đề Hy, cùng cho tất cả chúng sinh ở trong đời ác trược sau khi Đức Phật diệt độ, xác chứng cho sự vãng sanh. Do nhân duyên này, hiện nay tôi nguyện một lòng y theo lời dạy của Phật, quyết định phụng hành. Giả sử ông dẫn chứng trăm ngàn vạn ức kinh luận nói không vãng sanh, điều này chỉ làm tăng trưởng, thành tựu lòng tin của tôi đối với sự vãng sinh Cực Lạc".*

Hành giả nên nói với đối phương: *" Ông hãy lắng nghe, tôi nay nói thêm cho ông biết về lòng tin*

quyết định của tôi. Giả sử địa tiên Bồ tát, La hán, Bích chi Phật, dù một hay nhiều người đầy khắp mười phương, đều dẫn chứng kinh luận nói không có sự vãng sinh, tôi cũng không khởi một niệm nghi ngờ, và điều đó cũng chỉ làm tăng trưởng thành tựu lòng tin thanh tịnh của tôi đối với sự vãng sinh. Vì sao? Vì lời Phật là quyết định thành tựu liễu nghĩa, tất cả thế gian đều không thể phá hoại được.

Ông nên nghe cho kỹ, giả sử chư Bồ tát từ Sơ địa đến Thập địa, dù một hay nhiều người đầy khắp mười phương, cùng nhau nói rằng: “Đức Phật Thích Ca tán thán Phật A Di Đà, quả trách ba cõi sáu đường, khuyến khích chúng sinh chuyên tâm niệm Phật và tu tập các công hạnh lành khác, sau khi lâm chung nhất định sẽ vãng sinh Cực Lạc, đây quyết là lời hư dối, không thể tin được”.

Tôi tuy nghe những lời như thế, cũng không hề sinh khởi một niệm nghi ngờ, mà chỉ làm tăng trưởng thành tựu lòng tin quyết định bậc thượng thượng của tôi. Vì sao? Bởi vì lời của Phật là quyết định liễu nghĩa. Phật là Đấng Thực trí, Thực giải, Thực kiến, Thực chứng, không phải là người dùng tâm nghi hoặc mà nói; lại nữa, lời dạy của Ngài không thể bị những dị kiến, dị giải của các vị Bồ tát phá hoại, nếu như thật là Bồ tát, những vị ấy quyết không đi ngược lời Phật dạy.

Hành giả nên biết, giả sử như Hóa thân Phật, Báo thân Phật, hoặc một hoặc nhiều vị, đầy khắp mười phương, mỗi vị đều phóng ánh sáng, hiện tướng lưới rộng dài biến khắp mười phương, đều nói rằng: “Đức Phật Thích Ca tán thán Cực Lạc, khuyến phát tất cả phàm phu chuyên tâm niệm Phật, cùng tu hành các hạnh khác để được vãng sinh Cực Lạc, đây là điều hư dối, quyết định không có việc này”. Hành giả tuy nghe chư Phật nói lời như vậy, nhất định không nổi một niệm nghi ngờ, thoái chuyển, sợ rằng không vãng sinh Cực Lạc. Vì sao? Bởi vì một vị Phật, hay tất cả các vị Phật, các Ngài có cùng tri kiến, giải hạnh, chứng ngộ, quả vị, đại bi v v, hoàn toàn giống nhau, không một chút sai biệt, cho nên điều mà một vị Phật chế định, tất cả các vị Phật khác cũng đều chế định. Chẳng hạn như vị Phật trước cấm chế mười điều ác như sát sanh v v; nếu rốt ráo không làm ác, không phạm ác, thì gọi là thập thiện, thập hạnh, và có nghĩa là tùy thuận lục độ, nếu có vị Phật sau ra đời, chẳng lẽ ngài lại sửa đổi mười điều thiện, khiến chúng sinh làm mười điều ác hay sao? Dựa vào đạo lý này để suy nghiệm có thể biết rõ rằng lời nói, hành động của chư Phật không trái nghịch nhau. Nếu như Đức Thích Ca chỉ dẫn, khuyến khích tất cả phàm phu, trọn cuộc đời họ, chuyên niệm danh hiệu Phật, siêng tu các công hạnh, sau khi mạng chung, quyết định vãng sinh Cực Lạc, tức là các Đức Phật khác ở mười phương ắt cũng phải tán thán, khuyến khích, chứng minh cho sự

giáo hóa này. Vì sao? Vì các ngài đều chứng đắc **đồng thể đại bi!** Lời dạy của một Đức Phật tức là lời dạy của tất cả chư Phật, lời dạy của tất cả chư Phật, lời dạy của tất cả tất cả chư Phật cũng tức là lời dạy của một Đức Phật, chẳng hạn như Kinh A Di Đà nói: *"Đức Thích Ca tán thán cảnh giới trang nghiêm của cõi Cực Lạc, lại khuyến khích tất cả phàm phu, một ngày cho đến bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu của Đức A Di Đà, quyết định sẽ vãng sinh"* kể đó đoạn dưới nói *"Trong mười phương thế giới, mỗi phương có hằng sa chư Phật, đồng lên tiếng tán thán Đức Phật Thích Ca ở cõi ngũ trược, ác thời, ác thế giới, ác chúng sinh, ác kiến, ác tà, lúc chúng sinh không có lòng tin, mà có thể chỉ dẫn, tán thán danh hiệu Đức Phật A Di Đà, khuyến chúng sinh xưng niệm quyết được vãng sinh . . ."* Đây là một chứng minh cho sự nhất trí của chư Phật.

Mười phương chư Phật, e rằng chúng sinh không tin lời dạy của Phật Thích Ca, các Ngài bèn đồng tâm, đồng thời, hiện tướng lưỡi rộng dài bao trùm các cõi tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: *"Tất cả chúng sinh đều phải nên tin nhận lời dạy dỗ, tán thán, chứng tín của Phật Thích Ca. tất cả phàm phu, bất luận tội phước nhiều ít, căn cơ cao thấp, chỉ cần trọn cả một đời, hoặc ít nhất là một ngày cho đến bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, quyết định sẽ được vãng sinh, chắc chắn không còn nghi ngờ."* Bởi thế, lời

dạy của một Đức Phật ắt sẽ là được tất cả chư Phật chứng thành. Đây gọi là **từ người mà thiết lập lòng tin**.

Kế đến, **từ công hạnh thiết lập lòng tin**. Công hạnh có hai loại: Một là chánh hạnh, hai là tạp hạnh v v, như phẩm Hai Hạnh ở trên đã nói, sợ phiền toái nên không ghi ra, xin người đọc hiểu ý

III. Hồi hướng phát nguyện tâm: Nghĩa là đem tất cả thiện căn thế gian, xuất thế gian, hoặc do thân khẩu ý nghiệp tùy hỷ công đức tu tập của tất cả phàm thánh, từ đời quá khứ cho đến hiện nay, dùng lòng tin thâm sâu chân thực, hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc, đây gọi là hồi hướng phát nguyện tâm. Lại nữa, sự hồi hướng phát nguyện vãng sinh này, phải là do tâm chân thực quyết định, hồi hướng phát nguyện cầu sinh; lòng tin thâm sâu chân thực này, cứng chắc như kim cương, quyết không bị những người dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, làm động loạn phá hoại. Chỉ nên một lòng quyết định, thẳng đường tiến bước, không được nghe lời kẻ khác, rồi phân vân lưỡng lự, sinh lòng sợ hãi, làm mất đi lợi ích lớn của sự vãng sinh.

Hỏi: Nếu như có người tu tạp hạnh, tà hạnh, không cùng kiến giải, hạnh nguyện, đến làm mê hoặc, náo loạn, hoặc dùng đủ thứ luận điệu cho rằng không có sự vãng sinh, hoặc nói rằng chúng sinh từ vô thủy

đến nay, ba nghiệp thân khẩu ý, đối với tất cả phạm thánh, đã tạo đủ các tội, như thập ác, ngũ nghịch, phạm bốn giới trọng, hủy báng chánh pháp, làm nhất xiển đề, phá giới, phá kiến v v chưa thể diệt hết, quả báo của những tội ác này là ác đạo trong ba cõi, làm sao có thể trong một đời tu phước, niệm Phật, mà có thể tức khắc chứng nhập vào cõi vô lậu vô sinh, vĩnh viễn chứng đắc bất thoái chuyển.

Đáp: Giáo lý, hành giải của chư Phật, số lượng nhiều hơn hằng sa, tất cả tùy theo cơ duyên, tình cảnh của chúng sanh mà thiết lập. Những điều có thể thấy có thể tin trên thế gian, chẳng hạn như ánh sáng có thể phá trừ bóng tối, không gian có thể bao hàm vạn hữu, đất có thể chuyên chở, nuôi dưỡng vạn vật, nước đem đến sự tươi nhuận, lửa đem đến sự thành hoại của vạn vật, tất cả những sự việc này là pháp đối đãi, mà còn có thể đem đến ngàn muôn sự lợi ích khác nhau, huống là thần lực không thể nghĩ bàn của Phật pháp, lẽ nào không có ngàn ngàn sự lợi ích?

Nếu như tạo một nghiệp, thì sẽ tự đem đến cho mình một phiền não, nếu như tu một pháp môn, thì sẽ bước vào một cửa trí tuệ giải thoát. Mọi người đều tùy theo nhân duyên của mình mà khởi hạnh tu tập, cầu mong sự giải thoát, ông vì có gì đem những pháp tu mà tôi không có duyên đến làm chướng ngại sự tu tập của tôi. Pháp môn mà tôi ưa

thích, tức là pháp môn mà tôi có duyên, đây không phải là chỗ ông mong cầu; còn pháp môn mà ông ưa thích, tức là pháp môn ông có duyên, nó cũng không là chỗ tôi mong cầu như vậy, mỗi người tùy theo ý thích của mình mà tu tập, ắt sẽ mau gặt được quả giải thoát.

Hành giả nên biết, nếu muốn tu tập giải môn, thì từ phàm phu đến bậc thánh, nhĩn đến thành Phật, tất cả pháp môn đều phải học, còn muốn tu tập hành môn, cần phải nương vào pháp môn mà mình có duyên, ít dùng sức, ít lao nhọc, mà được nhiều lợi ích.

Xin bản bạch cùng các hành giả tu hạnh vãng sinh, hiện nay xin đưa ra một ví dụ, giúp cho hành giả giữ vững lòng tin của mình, không để cho bọn tà ma, ngoại đạo dị kiến lung lạc.

Ví như có người đi về hướng tây, trăm ngàn dặm đường, khoảng giữa lộ trình có hai dòng sông chắn ngang, dòng sông lửa ở phía nam, dòng sông nước ở phía bắc, mỗi dòng sông rộng độ một trăm bước, sâu không đáy, hai phía nam bắc không thấy ngần mé. Băng qua hai dòng sông nước và lửa, có một con đường trắng rộng độ hơn một tấc, từ bờ sông phía đông sang bờ phía tây dài độ hai trăm bước. Bên phía dòng sông nước sóng vỗ ào ạt làm mặt đường trở thành trơn tuộc, còn phía dòng sông lửa, lửa bốc mù mịt, làm cho mặt đường trở thành nóng bỏng, hai bên nước lửa tung tóe, không lúc nào

ngừng. Người đó đến gần bờ sông, chung quang đồng không mông quạnh, thốt nhiên có lũ đạo tặc và ác thú, thấy người đó đơn độc bèn đuổi theo muốn sát hại, người đó sợ chết bèn bỏ chạy về hướng tây, thấy hai dòng sông lớn này, trong lòng tự nghĩ: *"Dòng sông này dài không thấy đầu đuôi, băng ngang là một con đường trắng nhỏ hẹp, hai bờ tuy cách nhau không xa, nhưng làm sao qua được. Hôm nay chắc bị chết ở chón này!"* Vừa muốn quay đầu, liền thấy lũ đạo tặc và ác thú ở phía sau đã đến gần kề, nếu muốn đi về phía nam hoặc bắc thì lại bị ác thú, rắn độc đón đầu, muốn theo con đường chạy về phương tây, lại sợ hai con sông nước lửa. Trong lúc bàng hoàng sợ hãi bèn tự nghĩ thầm: *"Bây giờ quay lại cũng chết, đứng lại cũng chết, đường nào cũng chết chi bằng cứ theo phía trước mà tiến bước, nếu đã có con đường này, ắt sẽ thoát hiểm!"* Vừa nghĩ như vậy, bỗng nghe bên bờ phía đông (phía sau) có tiếng người khuyến khích: *"Ông nên kiên quyết đi về hướng tây, ắt không còn nguy hiểm, nếu đứng lại sẽ chết."* Lại nghe bên bờ phía tây (trước mặt) có tiếng người gọi: *"Ông nên một lòng chánh niệm đi thẳng qua đây, ta sẽ bảo vệ cho ông, không nên sợ bị rơi xuống nước, lửa."* Người đó nghe tiếng hai phía, bên khuyên, bên gọi, tức thời chấn chỉnh thân tâm, quyết định không còn rụt rè nghi ngại, đi thẳng theo con đường trước mặt. Vừa mới đi được một đoạn, bỗng nghe bọn đạo tặc bên bờ phía đông kêu réo: *"Ông hãy qua lại, con đường trước mặt rất*

hiềm nghèo không qua được, chắc chắn sẽ bị chết, chúng tôi không có ác ý gì với ông!” Người đó tuy nghe tiếng kêu réo, vẫn nhất quyết không quay đầu, một lòng lần theo con đường đi thẳng tới trước, không bao lâu đã qua đến bờ bên kia, vĩnh viễn lìa xa ách nạn, gặp lại bạn bè, vô cùng hạnh phúc.

Ở đây, bờ phía đông ví cho cõi nhà lửa Ta bà, bờ phía tây ví cho cõi nước báu Cực Lạc, lũ đạo tặc và ác thú giả vờ thân thiện ví cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, ngũ ấm, tứ đại v v, đồng không mông quạnh ví cho sự việc thường theo bọn ác tri thức, không gặp được thiện tri thức chân thực; hai con sông nước, lửa ví cho chúng sanh tham ái giống như nước, sân ghét giống như lửa, con đường trắng rộng độ hơn một tấc ví cho trong sự tham sân phiền não cũng chúng sanh có thể sinh khởi tâm nguyện vãng sinh thanh tịnh. Lại như tâm tham sân si hỷ hưng, nên ví với nước lửa, còn tâm thiện yếu ớt, nên ví con đường trắng nhỏ hẹp. Lại nữa “*sóng vỗ ào ạt làm mất đường trở nên trơn tuột*” ví cho tâm tham ái thường khởi động làm nhiễm ô thiện căn; “*lửa bốc mịt mù làm mất đường trở thành nóng bỏng*”, ví cho tâm hiềm hận có thể thiêu đốt công đức pháp tài; “*người đi về phía tây*”, ví cho sự hồi hướng các công hạnh tu tập để vãng sinh Cực Lạc; “*nghe bên bờ phía đông có tiếng người khuyến khích, bèn đi về phía tây*”, ví cho sau khi Đức Thích Ca diệt độ, người đời sau

tuy không còn thấy được Ngài, nhưng vẫn còn giáo pháp để lại, giống như âm thanh (lời dạy); “*vừa đi một đoạn, nghe bọn đạo tặc kêu réo*”; ví cho những người biệt giải, biệt hành, hoặc những kẻ ác kiến v v, dùng những luận điệu mê hoặc não loạn, làm cho hành giả thoát thất đạo tâm; “*bờ phía tây có tiếng người gọi*”; ví cho nguyện ý của Đức A Di Đà; “*không bao lâu qua đến bờ bên kia, gặp lại bạn bè*”, ví cho chúng sinh đắm chìm trong sinh tử, luân hồi dài lâu, mê hoặc điên đảo, tự trói tự buộc, không được giải thoát, nhờ ơn Đức Thích Ca chỉ dạy pháp môn Tây Phương Tịnh Độ, lại nhờ ơn Đức A Di Đà thiết tha mời gọi, hiện nay tin tưởng, thuận theo ý nguyện của hai Ngài, không quan tâm đến hai dòng sông nước lửa, tâm tâm niệm niệm hướng về Tây Phương, nương theo con đường nguyện lực của Phật, sau khi mệnh chung vãng sinh Cực Lạc, được diện kiến Đức A Di Đà, vui mừng không tả xiết.

Lại nữa, tất cả hành giả, trong lúc đi đứng nằm ngồi, ba nghiệp tu tập, bất luận ngày đêm sang tối, thường phải nên hiểu như vậy, nghĩ như vậy, cho nên gọi là “*hồi hướng phát nguyện tâm*”.

Lại nữa, hồi hướng còn có nghĩa là sau khi vãng sinh Cực Lạc, khởi tâm đại bi, quay trở lại cõi sinh tử, giáo hóa chúng sinh, đây cũng gọi là hồi hướng.

Ba tâm đầy đủ, không hạnh nào không thành tựu, nguyện hạnh đã thành tựu, không thể nào không vãng sinh Cực Lạc. Lại nữa, phải nên biết rằng tâm này bao hàm tất cả ý nghĩa của hai hạnh định thiện và tán thiện.

Vãng Sinh Lễ Tán nói:

Hỏi: *Nay muốn khuyên người khác vãng sinh, không biết ba pháp an tâm, khởi hạnh và tác nghiệp, pháp nào giúp hành giả nhất định sẽ được vãng sinh?*

Đáp: *Muốn vãng sinh Cực Lạc, như Quán Kinh có nói, phải đầy đủ ba tâm mới được vãng sinh, ba tâm đó là:*

1/ Chí thành tâm: nghĩa là thân nghiệp lễ bái Phật A Di Đà, khẩu nghiệp tán thán xưng dương Phật A Di Đà, ý nghiệp chuyên niệm quán sát Phật A Di Đà. Lúc khởi ba nghiệp, cần phải chân thật, nên gọi là chí thành tâm

2/ Thâm tâm: nghĩa là lòng tin chân thực. Tin hiểu rằng tự thân mình là một phàm phu đầy phiền não, thiện căn mỏng ít, trôi lăn ba cõi, không ra khỏi nhà lửa, hiện nay tin bốn nguyện hoằng thệ của Phật A Di Đà, xưng niệm danh hiệu, ít nhất là mười tiếng, một tiếng v v, quyết định sẽ được vãng sinh, trong tâm không còn một niệm nghi ngờ, nên gọi là thâm tâm.

3/ Hồi hướng phát nguyện tâm: tất cả thiện căn tu tập được, đều hồi hướng cầu vãng sinh Cực Lạc, nên gọi là hồi hướng phát nguyện tâm.

Đầy đủ ba tâm này, ắt sẽ được vãng sinh, nếu như thiếu một, thì không được vãng sinh, như Quán Kinh đã nói rõ, phải nên biết như vậy.”

Lời bàn: Ba tâm được dẫn giải ở trên là ba điều trọng yếu cho hành giả. Vì sao? Quán Kinh nói: *“Đầy đủ ba tâm ắt sinh Cực Lạc”*, rõ ràng là đầy đủ ba tâm chắc chắn sẽ được vãng sinh. Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói: *“Nếu thiếu một tâm không được vãng sinh”*, rõ ràng là nếu thiếu một tâm càng không được vãng sinh. Nhân đây, người muốn vãng sinh Cực Lạc phải có đầy đủ ba tâm.

Trong đây, chí thành tức là tâm chân thật, tướng trạng như vừa được mô tả ở trên. Thế nhưng *“bên ngoài hiện tướng hiền thiện tinh tấn, còn bên trong thì giả dối hư ngụy”* bên trong và bên ngoài tương phản, nghĩa là nên ngoài có vẻ trí tuệ mà bên trong thì ngu si, hiền là trái với ngu, nghĩa là ngoài thì hiền mà trong thì ngu; thiện là trái với ác, tinh tấn là trái với biếng nhác, nghĩa là bên ngoài hiện tướng tinh tiến, bên trong lòng lại biếng lười. *“Bên trong giả dối hư ngụy, v v ”* bên trong là đối với bên ngoài mà nói, nghĩa là sự nghĩ ngợi trong lòng và tướng trạng hiện ra bên ngoài hoàn toàn trái ngược nhau.

Kể đến, thâm tâm, tức là lòng tin sâu xa. Nên biết:

Nghi ngờ là nguyên nhân giữ chúng sinh trong nhà sinh tử.

Lòng tin là động lực đưa hữu tình vào thành Niết Bàn.

Bởi thế, hiện nay kiến lập hai loại tín tâm, để quyết định vãng sinh chín phẩm liên hoa. Lại nữa, trong đây nói tất cả biệt giải, biệt hành, dị học, dị kiến v v, là chỉ cho giải, hành, học, kiến của Thánh Đạo Môn, còn những công hạnh khác là chỉ cho Tịnh Độ Môn. Điều này có thể thấy rõ trong kinh. Như vậy, bốn ý của ngài Thiện Đạo cũng không ra ngoài phạm vi của hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ.

Ngoài ra, nên biết rằng ý nghĩa của “*hồi hướng phát nguyện tâm*”, cũng không thể giải thích cách khác được.

Ba tâm này, nếu nói tổng quát, là chỉ chung cho tất cả pháp hành, còn nói nói riêng rẽ, là chỉ riêng cho công hạnh vãng sinh. Nay nêu ra “*chung*” để bao quát “*riêng*”, ý nghĩa ắt sẽ đầy đủ. Hành giả phải nên để ý, không được sơ suất.

Chương Chín

Tứ Tu

Hành giả Niệm Phật, nên thực hành pháp tứ tu.

Vãng Sinh Lễ Tán của ngài Thiện Đạo nói: Lại khuyên thực hành pháp tứ tu. Tứ tu là gì?

- Một là **cung kính tu**, nghĩa là cung kính lễ bái Đức Phật A Di Đà và chư thánh ở cõi Cực Lạc nên gọi là cung kính tu; thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là **trường thời tu**.

- Hai là **vô đur tu**, nghĩa là chuyên tâm xưng danh hiệu Phật A Di Đà, chuyên tâm ức niệm, chuyên tâm quán tưởng, chuyên tâm lễ bái, chuyên tâm tán thán Đức Phật A Di Đà và chư thánh ở cõi Cực Lạc, không tu hạnh nào khác, nên gọi là **vô đur tu**; thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là **trường thời tu**.

- Ba là **vô gián tu**, nghĩa là cung kính, lễ bái, xưng danh, tán thán, tưởng nghĩ, quán sát, hồi hướng, phát nguyện, niệm niệm tương tục, không để các hành nghiệp khác làm cho gián đoạn, cho nên gọi là vô gián tu. Hơn nữa, không để các phiền não tham sân làm gián đoạn, nếu vi phạm lời Phật dạy, liền phải sám hối, không nên trì hoãn, dù là một niệm, một khoảng thời gian ngắn, hoặc một ngày, thường giữ cho thanh tịnh, đây cũng gọi là vô gián tu, thệ

nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là **trường thời tu**.

Tây Phương Yếu Quyết nói: Chuyên tu pháp Tứ tu, dùng đây làm chánh niệm.

- Một là **trường thời tu**: từ lúc sơ phát tâm, cho đến lúc thành Phật, thường tu tịnh nghiệp, quyết định không thoái chuyển.

- Hai là cung kính tu, có năm phần:

a/ Cung kính bậc thánh có duyên với mình, nghĩa là bất cứ lúc nào, dù đi đứng nằm ngồi đều không nên quay lưng về hướng tây, còn những lúc khạc nhổ, thì lại không được quay mặt về hướng tây.

b/ Cung kính tôn tượng, giáo pháp có duyên với mình, nghĩa là tạo lập thánh tượng của Đức A Di Đà và cõi Cực Lạc; nếu không thể tạo nhiều chỉ cần tạo lập tượng của Đức A Di Đà và hai vị Bồ tát cũng được; giáo pháp tức là kinh A Di Đà, Vô Lượng Thọ v v, nên dùng túi ngũ sắc bọc lại, tự mình đọc tụng, đồng thời chỉ bảo người khác; đặt để kính, tượng trong phòng ốc trang nghiêm, sáu thời lễ bái, sám hối, dùng hương hoa cúng dường, đặc biệt sanh lòng tôn trọng.

c/ Cung kính thiện tri thức có duyên với mình, nghĩa là đối với những bậc tuyên giảng giáo pháp

Tịnh Độ, trong vòng ngàn do tuần, cho đến mười do tuần trở lại, đều phải kính trọng, tìm đến gần gũi, cúng dường, đối với những vị thuộc về giáo phái khác, cũng phải giữ lòng kính trọng; đối với người không đồng pháp tu với mình, cũng phải kính trọng sâu xa, nếu như sinh lòng khinh mạn, sẽ bị tội vô cùng, cho nên cần phải cung kính để diệt trừ chướng ngại cho sự tu hành.

d/ Cung kính bạn đồng tu có duyên với mình, nghĩa là tự mình tội chướng sâu nặng, đạo nghiệp chưa thành, cần phải nhờ vào bạn đạo mới có thể tu tập, cứu giúp nhau trong những lúc nguy khốn, hoạn nạn, trợ lực cho nhau trong sự nghiệp tu hành, do đây đồng bạn thiện duyên phải nên lo lắng, chăm sóc cho nhau.

e/ Cung kính Tam bảo, đối với Đồng thể Tam bảo và Biệt tướng Tam bảo đều phải thâm tâm kính trọng, ở đây không nói nhiều. Các hành giả trình độ nông cạn, chưa thể y vào đây (Đồng thể, Biệt tướng) mà tu tập được, hiện nay chỉ có Trụ trì Tam bảo là có thể làm đại nhân duyên cho những hành giả sơ cơ mà thôi. Ở đây xin nói sơ lược: Phật bảo, tức là những hình tượng tạc bằng gỗ chiên đàn, hoặc thêu trên gấm, trên lụa, hoặc dũa ngọc, đúc vàng, hoặc mài đá, hoặc vẽ trên lụa, hoặc nặn bằng đất v v. Những hình tượng này phải nên đặc biệt tôn kính, cúng dường. Tạm thời quán tưởng hình tượng sẽ diệt tội chướng tăng phước báo, còn nếu

sinh lòng khinh mạn sẽ tăng ác nghiệp, mất thiện căn. Chỉ cần quán tưởng hình tượng, ắt thường được thấy Phật thật. Pháp bảo tức giáo pháp tông chỉ của ba thừa lưu xuất từ pháp giới, những điều được giảng giải có thể sinh khởi nhân duyên giải thoát, bởi thế phải nên kính ngưỡng, cầu mong trở thành trở thành cơ sở phát sinh trí tuệ. Kinh điển được sao chép, phải nên an trí trong phòng ốc sạch sẽ, dùng hộp rương cất chứa, tôn trọng kính tin. Lúc đem ra đọc tụng thân thể, y phục đều phải sạch sẽ, khiết tịnh. Tăng bảo, tức là các bậc Thánh tăng, Bồ tát, nhấn đến những kẻ phá giới phạm trai, đều phải dùng tâm bình đẳng tôn kính, không nên sinh lòng kiêu mạn.

Ba là vô gián tu, nghĩa là thường niệm Phật, nghĩ đến sự vãng sinh, trong tất cả mọi thời, tâm thường tưởng niệm, ví như có người bị kẻ khác cướp đoạt hết tài sản, trở thành người bần hàn hạ tiện, chịu nhiều gian khổ, bỗng nhiên nhớ đến cha mẹ, lòng muốn trở về quê hương, tuy chưa chuẩn bị hành lý, than còn ở xứ người, nhưng ngày đêm tưởng nhớ, sầu não muôn phần, không lúc nào mà không tưởng nghĩ đến cha mẹ, sau đó, khi thực hiện được nguyện vọng, trở về cố hương, gần gũi cha mẹ, vô cùng khoái lạc. Người tu Tịnh Độ cũng thế, bị nhân duyên phiền não đời quá khứ, phá hoại động loạn thân tâm, tài sản phước trí trần bảo thấy đều mất hết, trôi lăn dài lâu trong sinh tử, không được tự do, thường làm nô bộc cho ma vương (phiền

não), bị xô dạt vào sáu nẻo, thông khổ thân tâm, nay gặp được thiện duyên, hốt nhiên được nghe đến Đức Từ Phụ A Di Đà không quên bốn nguyện cứu độ chúng sinh bèn ngày đêm bàng hoàng, phát tâm cầu sinh Cực Lạc; bởi thế phải nên tinh tiến, cần mẫn, quên cả mệt nhọc, thường nghĩ đến ơn của Phật, nguyện báo ơn sâu, tâm thường nghĩ nhớ.

Bốn là vô dư tu, nghĩa là chuyên tâm cầu sinh Cực Lạc, lễ bái, tưởng niệm Đức A Di Đà, không tu tập hạnh khác, nếu như đã tu, cũng nên hoãn lại, còn việc niệm Phật, tụng kinh, thì không nên xao lãng.

Lời bàn:

Hỏi: Chúng ta đã thấy đoạn văn của ngài Thiện Đạo về Tứ tu, thế nhưng, tựa đề tuy nói tứ tu, đoạn văn chỉ giải thích tam tu, đây là do đoạn văn thiếu sót, hay là có thâm ý khác.

Đáp: Đây không phải do đoạn văn thiếu sót, mà thực sự có thâm ý. Vì sao biết được? Tứ tu, tức là (a) trường thời tu, (b) ân trọng tu (cung kính tu), (c) vô dư tu, và (d) vô gián tu, nhưng ở đây dùng pháp tu đầu (trường thời) làm hạnh chung cho ba pháp tu kia, ví như pháp ân trọng (cung kính) tu, nếu thoái hạnh ân trọng, ắt không thể thành tựu, pháp vô dư tu nếu thoái hạnh vô dư, ắt không thể hành tựu, pháp vô gián tu, nếu thoái hạnh vô gián, ắt không thể thành tựu; vì muốn thành tựu ba hạnh

này, cho nên đem trường thời tu thêm vào ba pháp trên, làm pháp tu chung, cho nên phần dưới của pháp tu đều có đoạn “*thệ nguyện suốt đời tu tập, quyết không bỏ cuộc giữa chừng, tức là trường thời tu*”, giống như tinh tiến ba la mật là chung cho các ba la mật kia vậy!

Hóa Phật Tán Thán

Hóa thân của Đức A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, không tán thán hạnh lành nghe kinh, mà chỉ tán thán công hạnh Niệm Phật.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Hoặc có chúng sinh, tuy không phỉ báng kinh điển Phương đẳng, nhưng tạo nhiều ác nghiệp không biết hổ thẹn, kể ấy khi lâm chung gặp thiện tri thức nói cho nghe danh đề của mười hai loại kinh Đại thừa, liền được trừ nghiệp ác rất nặng trong một ngàn kiếp, bậc thiện tri thức lại bảo phải chấp tay niệm: Nam Mô A Di Đà Phật, do đương nhơn thành tâm xưng danh hiệu niệm Phật, nên tiêu trừ tội trong năm mươi ức kiếp sanh tử, ngay khi ấy, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cảm biết, liền sai Hóa Phật, Hóa Quan Thế Âm, Hóa Đại Thế Chí hiện đến trước mặt hành giả khen rằng: "Lành thay thiện nhân! Ông đã xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đây để rước ông"*.

Quán Kinh Sớ nói: *Đức Hóa Phật tán thán, chỉ nói do công hạnh xưng danh Niệm Phật mà đến tiếp dẫn, chứ không đề cập đến công hạnh nghe kinh. Xét nguyện ý của Phật, chỉ là khuyến khích chánh niệm xưng danh, mau được vãng sanh, không đồng với các công hạnh tạp thiện hoặc tán thiện. Quán Kinh và các bộ kinh Tịnh Độ khác, chỗ nào cũng*

khen ngợi, khuyến khích hành giả xưng danh hiệu Phật, và đó là sự ích lợi trọng yếu. Phải nên nhớ điều này!

Lời bàn:

Hạnh lành nghe kinh không phải là bốn nguyện của Phật, vì là tạp nghiệp cho nên Hóa Phật không tán thán. Công hạnh Niệm Phật là bốn nguyện của Phật, vì là chánh nghiệp cho nên Hóa Phật tán thán, hơn nữa, nghe kinh và niệm Phật, sự diệt tội ít nhiều cũng không giống nhau.

Quán Kinh Sớ nói:

Hỏi: *Vì sao đề kinh của mười hai phân giáo, chỉ tiêu trừ ngàn kiếp tội chướng, trong khi chỉ cần niệm một danh hiệu Phật, liền có thể diệt trừ năm trăm vạn kiếp tội chướng, ý này thế nào?*

Đáp: *Nghiệp chướng của người tạo tội rất sâu dày, hơn nữa, nỗi khổ của sự chết đến bức bách, bậc thiện tri thức tuy nói nhiều đề kinh, tâm lãnh thọ của người nghe phù động tán loạn, do tâm phù động tán loạn, nên sự diệt tội tương đối ít, còn danh hiệu Phật là một, cho nên có thể thu nhiếp sự tán loạn làm tâm an trụ, vả lại, bậc thiện tri thức lại bảo người sắp chết chánh niệm xưng danh hiệu Phật, do tâm tha thiết trân trọng, cho nên có thể diệt trừ nhiều kiếp tội chướng.*

Tán Thán Niệm Phật

Đối với các hạnh tạp thiện mà khen ngợi công hạnh Niệm Phật

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: "Nếu có người niệm Phật, nên biết người đó là hoa Phân đà lợi trong loài người, các vị Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là bạn lành của người đó, người đó sẽ ngòl đạo tràng, sinh vào nhà Phật.

Quán Kinh Sớ nói: Từ câu "Nếu có người niệm Phật" cho đến câu "sinh vào nhà Phật", chánh thức nói rõ công năng siêu tuyệt của Niệm Phật Tam Muội. Trên thực tế, không phải những công hạnh tạp thiện có thể so sánh được. Có năm phần:

a) Chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà

b) Tán thán hành giả niệm Phật.

c) Người nào có thể niệm Phật không gián đoạn, người đó rất là hiếm có, cho nên ví như hoa Phân Đà Lợi (sen trắng). Phân Đà Lợi là hoa đẹp trong loài người, là hoa hiếm có, là hoa bậc thượng thượng, là hoa diệu hảo trong loài người. Nếu người nào niệm Phật, người đó là người tốt trong loài người, người diệu hảo, người bậc thượng thượng, người hiếm có, người thù thắng nhất trong loài người.

d) Người chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thì các ngài Quán Âm, Thế Chí thường theo bảo hộ như bóng với hình, cũng giống như bạn thân, hoặc thiện tri thức.

e) Đời này được lợi ích như vậy, sau khi mệnh chung sẽ sinh vào nhà Phật, tức là vãng sinh Tịnh Độ, đến đó thường được nghe pháp, phụng sự chư Phật, nhân viên quả mãn, ngày ngôi đạo tràng đâu còn xa xăm gì nữa?

Hỏi: Quán Kinh nói: “Nếu có người niệm Phật, nên biết người đó v v”, đây tuy là khen ngợi hành giả Niệm Phật, thế nhưng nhà chú giải lại nói: “Trên thực tế, không phải những hạnh tạp thiện có thể so sánh được”, đem Niệm Phật so sánh với tạp thiện để đặc biệt khen ngợi Niệm Phật là có ý gì?

Đáp: Lời Kinh tuy tàng ẩn, nhưng ý nghĩa lại rất rõ ràng. Lý do biết được là vì Kinh này đã nói đến các công hạnh định thiện, tán thiện, cùng công hạnh Niệm Phật thế nhưng lại đặc biệt nêu lên pháp Niệm Phật để ví với hoa Phân Đà Lợi. Nếu như không so sánh với tạp thiện, làm sao có thể nêu lên công đức Niệm Phật vượt hơn các hạnh lành khác. Và lại, nói “người niệm Phật là người tốt trong loài người” là so với cái “xấu” mà nêu cái “tốt” nói “người diệu hảo trong loài người” là so với cái “thô ác” mà nêu cái “diệu hảo”, nói “người bậc thượng thượng trong loài người” là so với cái “hạ hạ” mà nói cái “thượng thượng”, nói

“*người hiếm có trong loài người*”, là so với cái “*thông thường*” mà nói cái “*hiếm có*”, nói “*người thù thắng trong loài người*” là so với cái “*hạ liệt nhất*” mà khen cái “*thù thắng nhất*”.

Hỏi: Nếu đã cho rằng xưng danh hiệu Phật là bậc “*thượng thượng*”, tại sao trong phẩm thượng thượng lại không nói đến, mà phải đợi đến phẩm hạ hạ mới nói đến niệm Phật?

Đáp: Phần trên đã chẳng nói *công hạnh Niệm Phật là chung cho chín phẩm* hay sao? Như phần trên đã dẫn. Vãng Sinh Yếu Tập nói: “*Tùy theo sự thắng, liệt mà phân làm chín phẩm*”. Và lại, hạ phẩm hạ sinh là kẻ phạm tội nặng ngũ nghịch, các công hạnh khác không thể trừ diệt tội nghịch, chỉ có công lực Niệm Phật mới có thể trừ diệt những tội nặng đó, do đó, vì kẻ cực ác thấp hèn nhất mà nói pháp cực thiện cao quý nhất, ví như căn bệnh vô minh sâu dày, nếu không có liều thuốc *Trung đạo*, thì không thể trừ diệt được. Hiện nay, căn bệnh ngũ nghịch sâu nặng này, nếu không có *liều thuốc Niệm Phật linh ứng*, thì làm sao trị liệu được? Bởi thế, ngài Hoằng Pháp Đại Sư trong Nhi Giáo Luận đã dẫn Lục Ba La Mật Kinh nói: “*Pháp bảo thứ ba, nghĩa là chánh pháp mà vô lượng chư Phật đời quá khứ đã nói, cũng như ta hiện nay đang nói, tức là tám vạn bốn ngàn diệu pháp, dùng để điều phục, thuần thục các chúng sinh có duyên, làm cho các đệ tử lớn của ta, như A Nan Đà v v, nghe qua một*

lân, đều có thể ghi nhớ, hành trì. Các pháp có thể phân làm năm tạng: (1) tổ đất lã (kinh) (2) tù nại da (luật) (3) a tỳ đạt ma (luận) (4) bát nhã ba la mật, (5) đà la ni môn. Năm tạng này giáo hóa hữu tình, tùy theo căn cơ mà giảng nói. Nếu như chúng sinh đó ưa ở núi rừng, thích sống nhàn nhã tĩnh mịch, tu tập thiền định thì nên vì họ mà giảng nói tạng tổ đất lã. Nếu chúng sinh đó ưa thích tu tập uy nghi, hộ trì chánh pháp, tu pháp lục hòa, làm cho chánh pháp trụ thế dài lâu, thì nên vì họ giảng nói tạng tù nại da. Nếu chúng sinh đó ưa thích giảng nói chánh pháp, phân biệt tính tướng, nghiên cứu truy tầm cứu cánh thâm sâu, thì nên vì họ giảng nói a tỳ đạt ma. Nếu chúng sinh ưa thích học tập trí tuệ chân thực của Đại thừa, xa lìa sự chấp trước phân biệt về ngã và pháp, thế nên vì họ giảng nói tạng bát nhã ba la mật. Nếu chúng sinh đó không thể thọ trì khế kinh, điều phục (luật), đối pháp (luận), bát nhã, hoặc có chúng sinh tạo các nghiệp ác, phạm bốn giới trọng, tám giới trọng, năm tội vô gián, phỉ báng Đại thừa, hoặc là nhất xiển đề v v, nếu muốn tiêu diệt tất cả tội nặng, mau được giải thoát, đốn ngộ Niết bàn, thì nên vì họ mà giảng nói tạng đà la ni. Năm pháp tạng này, ví như nhũ (sữa), lạc, sinh tô, thực tô và diệu đề hồ. Khế kinh như nhũ, điều phục như lạc, đối pháp như sinh tô, Đại thừa Bát nhã như thực tô, còn tông trì (đà la ni) môn như đề hồ. Trong các mùi vị của nhũ, lạc v v, mùi vị của đề hồ là vị diệu đệ nhất, có thể trừ diệt bệnh tật, làm cho thân tâm của hữu

tình được an lạc. Trong các loại như khế kinh v v tổng trì môn là đệ nhất, có thể trừ diệt tội nặng, làm cho chúng sinh được giải thoát khỏi sinh tử, mau chứng Niết bàn, an lạc pháp thân.”

Trong đây, năm tội vô gián tức là năm tội nghịch, nếu như không có thuốc thần diệu đề hồ thì năm bệnh vô gián này khó mà trị liệu. Niệm Phật cũng như thế, trong các giáo pháp vãng sinh, Niệm Phật Tam Muội, cũng giống như tổng trì và cũng giống như đề hồ. Nên biết, nếu không có thuốc đề hồ Niệm Phật Tam Muội, thì năm bệnh nặng vô gián, khó lòng mà trị liệu.

Hỏi: Nếu vậy, hạ phẩm thượng sinh là người phạm mười tội ác nhẹ, tại sao lại nói Niệm Phật?

Đáp: Niệm Phật Tam Muội còn trừ diệt tội nặng, huống là tội nhẹ! Các công hạnh khác không được như thế, hoặc là t diệt một tội nhẹ mà không diệt được tội nặng, hoặc trừ diệt một tội mà không thể trừ diệt hai tội. Niệm Phật không giống như vậy, trừ diệt tội nặng lẫn tội nhẹ, đối trị tất cả, ví như thuốc a già đà có thể trị lành tất cả bệnh, cho nên Niệm Phật Tam muội là vua trong các tam muội. Chín phẩm hợp lại, chỉ có một nghĩa. Nếu như kẻ phạm ngũ nghịch hồi tâm, có thể vãng sinh bậc thượng thượng. Công hạnh đọc tụng Đại thừa vẫn có chỉ vãng sinh hạ phẩm hạ sinh. Tội thập ác bậc hạ, tội phạm giới bậc trung, mỗi việc đều có thể vãng sinh phẩm thượng lẫn phẩm hạ. Các công

hạnh Hiếu đê nhất nghĩa, phát Bồ đề tâm, cũng đều có thể vãng sinh thượng phẩm lẫn hạ phẩm. Mỗi pháp đều có chín phẩm, tính ra tổng cộng có tám mươi một phẩm, hơn nữa, ngài Ca Tài nói: “Chúng sinh tu tập công hạnh, có ngàn loại khác nhau đến lúc vãng sinh thấy cõi Cực Lạc, thì cũng có vạn sự sai khác. *"Hành giả không nên chấp trước vào mặt chữ!"*

Trong đây, Niệm Phật là công hạnh thù thắng, cho nên ví với hoa Phân Đà Lợi, hơn nữa các ngài Quán Âm, Thế Chí theo bên bảo hộ như bóng theo hình, không tạm xa lìa, các công hạnh khác không được như vậy, lại nữa, hành giả niệm Phật sau khi mạng chung quyết định vãng sinh Cực Lạc thế giới. Tu các công hạnh khác thì không nhất định.

Người tu Tịnh Độ được năm điều vinh hạnh, lại được hai vị Đại Bồ tát thường theo bên hộ trì, đây là lợi ích hiện đời, lại được vãng sinh Tịnh Độ, cho đến lúc thành Phật đây là lợi ích tương lai.

Lại nữa, ngài Đạo Xước đối với công hạnh Niệm Phật, cũng đã thiết lập **hai sự lợi ích hiện đời và lợi ích rất ráo**. An Lạc Tập nói: *"Chúng sinh niệm Phật, được Phật nhiếp thọ, thủ hộ không gián đoạn, khi mệnh chung được vãng sinh, đây gọi là lợi ích hiện đời"*. Còn **lợi ích rất ráo** là như Quán Âm Thọ Ký Kinh nói: *"Phật A Di Đà trụ thế lâu dài, hằng sa vô số lượng kiếp, cũng có lúc diệt độ,*

lúc nhập Niết bàn chỉ còn hai ngài Quán Âm, Thế Chí trụ trì cõi An Lạc, tiếp dẫn mười phương chúng sinh. Sau khi Đức Phật A Di Đà diệt độ, hoàn cảnh cũng giống như ngài trụ thế, thế nhưng, tất cả chúng sinh ở cõi Cực Lạc không ai thấy ngài, chỉ riêng những người chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà vãng sinh, thường thấy Đức A Di Đà, hiện trụ thế, không hề diệt độ.” Đây tức là lợi ích rất ráo.

Như vậy, Niệm Phật có những sự lợi ích hiện tại, vị lai, cùng lợi ích hiện đời và lợi ích rất ráo.

Phó Chúc Niệm Phật

Đức Thế Tôn không phó chúc ngài A Nan các chánh định thiện và tán thiện, mà chỉ riêng phó chúc công hạnh Niệm Phật.

Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: *Đức Phật bảo ngài A Nan: “Ông nên khéo hộ trì kinh này, hộ trì kinh này tức là trì niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật”.*

Quán Kinh Sớ nói: Từ câu: *“Đức Phật bảo ngài A Nan: Ông nên khéo hộ trì . . .”*, chính thức nêu rõ sự phó chúc “danh hiệu Phật A Di Đà”, khiến lưu truyền dài lâu đời sau. Từ trước đến nay, tuy nói sự lợi ích của hai môn định thiện và tán thiện, xét kỹ bổn nguyện của Phật là muốn chúng sinh một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà.

Lời bàn:

Đoạn văn trong Quán Sớ có hai phần (a) công hạnh định thiện và tán thiện, (b) công hạnh Niệm Phật. Trong phần định thiện tán thiện lại chia làm hai phần (i) định thiện (ii) tán thiện.

i) Định thiện: có mười ba phần (1) quán mặt trời, (2) quán nước (3) quán đất, (4) quán cây báu, (5) quán ao báu, (6) quán đèn đài báu, (7) quán tòa

sen, (8) quán tượng, (9) quán thân đức Phật A Di Đà, (10) quán thân Đức Quán Thế Âm (11) quán thân đức Đại Thế Chí, (12) quán vãng sinh tổng quát, (13) quán tạp tướng. Những pháp quán này, Quán Kinh đều có nói đầy đủ. Dù không tu các công hạnh nào khác, mười ba pháp quán này, tùy theo sức mình, tu một hoặc tu nhiều pháp quán, đều được vãng sinh. Ý chỉ này trong Quán Kinh đã nói rõ, không nên nghi ngờ lưỡng lự.

ii) Tán thiện: có hai phần (1) ba phước, (2) chín phẩm.

1) Ba phước: Quán Vô lượng nói: *“Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp lành, hai là thọ trì Tam quy, đầy đủ giới hạnh, không phạm uy nghi, ba là phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến tá*

1/ Ba phước: Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói: *“Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu mười điều lành. Hai là thọ trì Tam quy, đầy đủ giới hạnh, không phạm uy nghi. Ba là phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyến tấn hành giả.”*⁴

⁴ Câu này chia làm ba phần: phần một là "phước thế gian", gồm bốn điều, phần hai là "phước trì giới" gồm ba điều và phần ba là "phước hành trì" gồm bốn điều.

Hiếu dưỡng cha mẹ có hai trường hợp, một là hiếu dưỡng thế gian, hai là hiếu dưỡng xuất thế gian, Hiếu dưỡng thế gian như trong Hiếu Kinh v v đã nói; hiếu dưỡng xuất thế gian như trong luật tạng đã nói.

Phụng sự sư trưởng, cũng có hai trường hợp: một là sư trưởng thế gian, hai là sư trưởng xuất thế gian. Sư trưởng thế gian là những bậc thầy dạy về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín v v, sư trưởng xuất thế gian là những bậc thầy dạy về hai môn Thánh đạo và Tịnh độ. Dù không tu tập những công hạnh khác, có thể dùng tu tập hiếu dưỡng làm nghiệp vãng sinh.

Từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp lành: Ở đây có hai nghĩa: (1) "**Từ tâm không giết hại**", tức là tâm từ vô lượng trong tứ vô lượng tâm. Đây là nêu riêng một tâm để nói chung bốn tâm. Dù không tu tập những công hạnh khác, có thể dùng sự tu tập tứ vô lượng tâm làm nghiệp vãng sinh. (2) "**Tu mười nghiệp lành**", tức là (i) không sát hại (ii) không trộm cắp (iii) không tà dâm (iv) không nố dối (v) không nói lời vô nghĩa (vi) không nói lời ác, (vii) không nói lời đâm thọc (viii) không tham lam (ix) không sân hận (x) không tà kiến. Ở đây, hợp hai câu "từ tâm không giết hại" và "tu mười nghiệp lành" làm một câu, điều này có nghĩa "**từ tâm không giết hại**" không phải là tâm từ trong tứ vô lượng tâm, mà chỉ là điều thiện "không giết

hại” trong pháp thập thiện. Dù không tu các công hạnh khác, có thể dùng sự tu mười nghiệp lành làm nghiệp vãng sinh.

Thọ trì Tam Quy Y: tức là quy y Phật, Pháp, Tăng. Ở đây cũng có hai phần: Tam quy y Đại thừa và Tam quy y Tiểu thừa.

Đầy đủ giới luật: đây cũng có hai phần: giới luật Đại thừa và giới luật Tiểu thừa.

Không phạm uy nghi: đây cũng có hai phần: (a) Đại thừa có tám vạn uy nghi, (b) Tiểu thừa có ba ngàn uy nghi.

Phát Bồ đề tâm: Ở đây, chủ trương của các nhà chú giải không giống nhau, chẳng hạn như Thiên Thai Tông chủ trương có bốn loại Bồ đề tâm của bốn giáo tức là tạng giáo, thông giáo, biệt giáo và viên giáo. Điều này được nói rõ trong quyển Ma Ha Chỉ Quán. Chân Ngôn Tông thì chủ trương có ba loại Bồ đề tâm tức là hạnh nguyện, thắng nghĩa và tam ma địa. Điều này được nói đầy đủ trong quyển Bồ Đề Tâm Luận. Hoa Nghiêm Tông cũng nói đến Bồ đề tâm như trong phần giải thích ý nghĩa Bồ đề tâm của tông phái họ, hoặc trong quyển Du Tâm An Lạc Đạo của ngài Nguyên Hiểu v.v. Những tông khác như Tam Luận, Pháp Tướng cũng đều đề cập đến Bồ đề tâm như trong các chú sớ của tông phái họ có nói rõ. Hơn nữa, ngài Thiện

Đạo trong Quán Kinh Sớ cũng có giải thích. Phát Bồ đề tâm tên tuy giống nhau, tùy sự giải thích của các tông phái mà có ý nghĩa không đồng. Thế nhưng câu “phát Bồ đề tâm” có thể thấy khắp trong các kinh luận Hiền thừa và Mật thừa, ý khí bao la, nghĩa lý thâm thúy. Nguyên các vị hành giả, không nên chấp trước vào một khía cạnh mà bài xích tất cả. Tỉnh cầu các vị tu hạnh vắng sanh, hãy phát Bồ đề tâm theo tông phái của mình. Dù không tu tập các công hạnh khác, có thể dùng sự phát Bồ đề tâm làm nghiệp vắng sanh.

Tin sâu nhân quả: Đây cũng có hai phần: Một là nhân quả thế gian, hai là nhân quả xuất thế gian, tức là nhân quả của sáu nẻo như Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh có nói: Nhân quả xuất thế gian tức là nhân quả của bốn quả Thánh như các kinh Đại, Tiểu thừa có nói.

Về việc dùng hai pháp nhân quả này để thâm nhiếp các kinh điển, lập trường của các tông phái cũng không hoàn toàn tương đồng. Thiên Thai Tông cho rằng kinh Hoa Nghiêm nói về hai loại nhân quả của Phật và Bồ tát. Kinh A Hàm nói về nhân quả của Nhị thừa (Thanh văn, Duyên giác). Các kinh Phương Đẳng nói về nhân quả của bốn Thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật). Các kinh Bát Nhã nói về nhân quả của ba giáo (thông giáo, biệt giáo, viên giáo). Kinh Pháp Hoa nói về nhân quả của Phật. Kinh Niết Bàn nói về nhân quả của

bốn Thừa. Như vậy câu “*tin sâu nhân quả*” phổ biến bao trùm tất cả giáo pháp của Đức Phật. Các hành giả nguyện cầu vãng sinh dù không tu tập một công hạnh nào khác, có thể dùng sự *tin sâu nhân quả* làm nghiệp vãng sinh.

Đọc tụng kinh điển Đại thừa: Đây cũng chia làm hai phần: Một là đọc tụng, hai là Đại thừa.

a) Đọc tụng: Tức là nằm trong năm loại pháp sư⁵, liệt kê hai loại pháp sư: đọc kinh và phúng tụng, để hiển lộ ba loại pháp sư: thọ trì v v. Nếu nói về mười loại pháp hành⁶, thì ở đây liệt kê hai loại pháp hành: chuyển đọc và phúng tụng để hiển lộ tám loại pháp hành: biên chép, cúng dường v v.

b) Đại thừa là để phân biệt với Tiểu thừa. Ở đây không chỉ riêng một bộ kinh nào, à chỉ chung cho tất cả các kinh Đại thừa. Bản ý Đức Phật là chỉ chung cho tất cả các kinh điển Đại thừa mà Ngài đã giảng nói, thế nhưng trong các kinh điển này, có những kinh điển đã được kết tập và cũng có những kinh điển chưa được kết tập. Trong các kinh điển đã được kết tập, hoặc có những kinh điển còn ẩn tàng ở Long cung chưa được lưu bố trong nhân gian, hoặc có những kinh điển còn lưu

⁵ Năm loại pháp sư: 1. pháp sư thọ trì. 2. pháp sư đọc kinh. 3. pháp sư tụng kinh. 4. pháp sư giải thuyết. 5. pháp sư biên chép.

⁶ Mười loại pháp hành: 1. biên chép. 2. cúng dường. 3. bố thí. 4. thỉnh cầu. 5. chuyển đọc. 6. thọ trì. 7. khai diễn. 8. phúng tụng. 9. tư duy. 10. tu tập.

tạo Ấn Độ chưa được lưu truyền đến Trung Quốc. Hiện nay chúng ta chỉ bàn đến các kinh điển đã được phiên dịch. Trong bộ Trinh Nguyên Nhập Tạng Lục, bắt đầu từ bộ Đại Bát Nhã Kinh sáu trăm quyển, cho đến phần cuối là các bộ Pháp Thường Trụ Kinh, Hiền Mật Đại Thừa Kinh tổng cộng sáu trăm ba bảy bộ (hai ngàn tám trăm tám mươi ba quyển), tất cả đều được bao hàm trong câu “đọc tụng kinh điển Đại thừa”. Xin nguyện các hành giả Tịnh Độ, mỗi người tùy theo ý thích của mình, hoặc đọc tụng Pháp Hoa làm nghiệp vãng sanh, hoặc đọc tụng Hoa Nghiêm làm nghiệp vãng sanh, hoặc đọc tụng Giá Na Giáo Vương Kinh, cùng dùng các giáo pháp khác làm nghiệp vãng sanh, hoặc là dùng sự thuyết giảng, biên chép các kinh Bát Nhã, Phương Đẳng nhẫn đến kinh Niết Bàn làm nghiệp vãng sanh. Đây là bốn ý của kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Hỏi: Ý chỉ của Hiền thừa và Mật thừa khác nhau, làm sao Hiền thừa lại bao hàm Mật giáo?

Đáp: Đây không có nghĩa là Hiền giáo bao hàm Mật giáo, mà muốn nói rằng cả hai loại kinh điển Hiền Mật đều được ghi chép trong Trinh Nguyên Thập Tạng Lục, đều được thấu và trong tạng kinh Đại thừa, cho nên được bao hàm trong câu “đọc tụng kinh điển Đại thừa”.

Hỏi: Nếu vậy, các kinh trước Quán Kinh làm sao có thể bao hàm kinh Pháp Hoa?

Đáp: Ở đây, nói “bao hàm” không bàn luận đến các ý nghĩa quyền, thực, thiên, viên v.v. Câu **đọc tụng Đại thừa** là chỉ chung cho các kinh điển Đại thừa trước và sau. “Trước” nghĩa là các kinh điển Đại thừa có trước Quán Kinh, “sau” nghĩa là các kinh điển Đại thừa có sau Quán Kinh. Ở đây chỉ nói Đại thừa mà không chọn lựa quyền, thực, cho nên bao hàm tất cả các kinh điển Đại thừa như Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn v.v.

Khuyến tấn hành giả: nghĩa là khuyến tấn các công hạnh định thiện, tán thiện và Niệm Phật Tam Muội v.v.

2) Chín phẩm: Khai triển ba phước của phần trên thành nghiệp của chín phẩm:

a) Thượng phẩm thượng sinh: “từ tâm không giết hại” tức là câu thứ ba trong phần “phước ở thế gian” ở trên, kể đến “đầy đủ giới hạnh”, tức là câu thứ hai “đầy đủ giới hạnh” trong phần phước trì giới ở trên; kể đến “đọc tụng Đại thừa” tức là câu thứ ba “đọc tụng Đại thừa” trong phần “phước hành trì” ở trên, kể đến “tu hành lục niệm”, tức là ý

nghĩa của phần thứ ba trong phần “Ba phước ở trên”⁷

- b) Thượng phẩm trung sinh: “khéo giải nghĩa thứ v v.” tức là ý nghĩa thứ hai (tin sâu nhân quả) và thứ ba (đọc tụng kinh điển Đại thừa) trong phước thứ ba (phước hành trì) ở trên.
- c) Thượng phẩm hạ sinh: “Tin sâu nhân quả, phát đạo tâm v v”, tức là ý nghĩa thứ nhất (phát Bồ đề tâm) và thứ hai (tin sâu nhân quả) trong phước thứ ba ở trên.
- d) Trung phẩm thượng sinh: “thọ trì ngũ giới v v”, tức là ý nghĩa của câu thứ hai (đầu đủ giới hạnh) trong phước thứ hai (phước trì giới) ở trên.
- e) Trung phẩm trung sinh: “hoặc một ngày một đêm, trì bát quan trai giới v v”. ý nghĩa giống như phước thứ hai (phước trì giới) ở trên.
- f) Trung phẩm hạ sinh: “hiếu dưỡng cha mẹ, tu hạnh nhân từ thế gian v v”, tức là ý nghĩa của câu thứ nhất (hiếu dưỡng cha mẹ) và thứ hai (từ tâm không giết hại) trong phước thứ nhất (phước thế gian) ở trên.
- g) Hạ phẩm thượng sinh: đây là người tội làm mười điều ác, lúc lâm chung nhờ một niệm mà được vãng sinh.

⁷ Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, phần thượng phẩm thượng sinh nói: “Có ba hạng chúng sinh được sinh Cực Lạc: Một là có lòng thương xót, không giết hại, giữ tròn các giới hạnh . . ., ba là tu hạnh lục niệm, hồi hướng phát nguyện sanh về Cực Lạc.” Ở đây, theo ngài Phát Nhiên, tu hành lục niệm là công hạnh trong phần “phước hành trì” ở trên, chứ không phải là tu lục niệm theo ý nghĩa thông thường là “niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên”.

- h) Hạ phẩm trung sinh: đây là người phạm tội phá giới lúc lâm chung nghe công đức của y báo và chánh báo của cõi Phật mà được vãng sinh
- i) Hạ phẩm hạ sinh, đây là người phạm tội ngũ nghịch, lúc lâm chung nhờ mười niệm mà được vãng sinh. Ba hạng người này, lúc bình thời, chỉ biết tạo nghiệp ác, tuy không cầu sinh, nhưng lúc lâm chung gặp thiện tri thức, liền được vãng sinh. Nếu căn cứ ba phước trên, phước thứ ba có ý nghĩa Đại thừa. Định thiện, tán thiện, đại khái như đoạn văn trên, tức là câu “*Từ trước đến nay, tuy nói sự lợi ích của hai môn định thiện và tán thiện*”.

Kể đến, “**Niệm Phật**”, tức là “*chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà*”, ý nghĩa Niệm Phật ở đây, là theo ý nghĩa thông thường. Thế nhưng, hiện nay nói “*chánh thức nêu rõ sự phó chúc danh hiệu Phật A Di Đà, lưu truyền lâu xa về sau*”, nghĩa là trong kinh này, tuy nói rộng về các hạnh định thiện tán thiện, nhưng không phó chúc ngài A Nan lưu truyền các công hạnh đó, mà chỉ phó chúc ngài A Nan lưu truyền **Niệm Phật Tam Muội** đến đời lâu xa về sau.

Hỏi: Tại sao không phó chúc lưu truyền các hạnh định thiện, tán thiện? Nếu y vào sự tạo nghiệp dày mỏng, thì trong ba phước, có dày

có mỏng, nghiệp mỏng tức là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, còn nghiệp dày tức là đầy đủ giới hạnh, phát Bồ đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa. Phải nên xả bỏ nghiệp mỏng mà phó chúc nghiệp dày. Nếu y vào pháp quán sâu cạn, thì trong mười ba pháp quán có sâu có cạn, pháp quán cạn tức là quán mặt trời và quán nước, còn pháp quán sâu tức là từ pháp quán đất, cho đến pháp quán tạp tướng, tổng cộng có mười một pháp. Phải nên xả bỏ pháp quán cạn mà phó chúc pháp quán sâu. Trong đây, pháp quán thứ chín, quán thân Đức A Di Đà tức là Quán Phật Tam Muội. Cần phải xả bỏ mười hai pháp quán kia, mà phó chúc Quán Phật Tam Muội. Lại nữa, điều này giống như trong phần Huyền Nghĩa của Quán Kinh Sớ nói: “*Kinh này Quán Phật Tam Muội làm tông, đồng thời, Niệm Phật Tam Muội làm tông*”. Nếu đã dùng hai hạnh làm tông cho một bộ kinh, tại sao lại phế bỏ Quán Phật Tam Muội mà phó chúc Niệm Phật Tam Muội?

Đáp: Đã nói “*xét bốn nguyện của Phật, ý muốn chúng sinh, một lòng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà*”, các công hạnh định thiện tán thiện không phải bốn nguyện cho nên không phó chúc. Quán Phật Tam Muội, tuy là công hạnh thù thắng, nhưng vẫn không phải là bốn nguyện của Phật, cho nên

phó chúc. Nói **“xét bốn nguyện của Phật”**, là chỉ cho nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện trong Vô Lượng Thọ Kinh, còn nói **“một lòng chuyên xưng danh hiệu”**, là chỉ cho câu **“một lòng chuyên niệm”** trong phần ba hạng người vãng sinh của kinh Vô Lượng Thọ. Ý nghĩa của bốn nguyện, phần trên đã nói rõ.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao không nói trực tiếp công hạnh bốn nguyện (Niệm Phật), mà lại nói vòng vo các công hạnh không phải bốn nguyện (như định thiện, tán thiện v v)?

Đáp: Vô Lượng Thọ Kinh đã nói rõ về công hạnh bốn nguyện Niệm Phật, ở đây không cần lập lại. Và lại, nói về định thiện, tán thiện, là muốn nêu rõ công hạnh Niệm Phật vượt hơn các công hạnh khác. Nếu như không nói về định thiện, tán thiện, thì làm sao nêu rõ Niệm Phật là đặc biệt ưu việt. Chẳng hạn như trong kinh Pháp Hoa ngài Xá Lợi Phất ba lần khai thỉnh, nếu không có ba lần khai thỉnh này, làm sao hiển bày kinh Pháp Hoa là đệ nhất. Bởi thế, hiện nay nêu ra các công hạnh định thiện, tán thiện, là để phé bỏ chúng, còn nêu ra Niệm Phật Tam Muội là để xác lập công hạnh này. Thế nhưng, các công hạnh định thiện, tán thiện, khó mà trắc lượng, chẳng hạn các công hạnh

định thiện, như các pháp quán y báo, chánh báo, nếu như thành tựu, thệ nguyện vãng sinh dễ dàng như trở bàn tay. Hoặc là do uy lực của một pháp quán mà có thể tiêu trừ tội khiên nhiều kiếp, hoặc là do công đức của sự nhớ tưởng đến Phật mà chứng được Quán Phật Tam Muội. Như vậy, người tu Tịnh Độ phải nên tu hành định quán, mà ở đây *pháp quán thứ chín, quán chân thân của Phật, chính là pháp tu Quán Phật Tam Muội*. Nếu công hạnh này thành tựu, hành giả sẽ thấy được chân thân của Đức A Di Đà. Thấy được Đức A Di thì sẽ thấy được chư Phật, và được chư Phật hiện tiền thọ ký, đây là sự lợi ích thâm sâu nhất của sự tu quán. Thế nhưng hiện nay đến phần lưu thông của Quán Kinh, khi Đức Phật phó chúc ngài A Nan pháp tu trọng yếu để vãng sinh. Ngài không đem pháp Quán Phật, mà lại đem pháp Niệm Phật phó chúc. Ngay cả pháp Quán Phật Tam Muội còn không được phó chúc, huống là các pháp quán mặt trời, quán nước, v v ! Như vậy, cả mười pháp định quán đều không được phó chúc. Nếu như có người ưa tu pháp Quán Phật, mà không tu Niệm Phật, đây không những đi ngược bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, mà còn đi ngược với lời dặn dò của Đức Phật Thích Ca. Hành giả hãy nên tự thẩm xét.

Kể đến, trong phân tán thiện, có công hạnh “**trì giới**” Đại thừa, Tiểu thừa. Người đời đều cho rằng người trì giới là người nắm chìa khóa cho sự vãng sinh, còn kẻ phá giới thì không được vãng sinh.

Lại có công hạnh “**phát Bồ đề tâm**”. Mọi người đều cho rằng Bồ đề tâm là cương yếu của Tịnh Độ, nếu không có Bồ đề tâm thì không thể vãng sinh.

Lại có công hạnh “**giải đệ nhất nghĩa**”. Đây là lý quán. Mọi người đều cho rằng lý là căn nguyên của quả Phật, không thể bỏ lý mà mong cầu cõi Tịnh Độ, nếu không có lý quán thì không thể vãng sinh.

Lại có công hạnh “**đọc tụng Đại thừa**”. Mọi người đều cho rằng đọc tụng kinh điển Đại thừa ắt sẽ được vãng sinh, nếu không đọc tụng thì không được vãng sinh. Ở đây có hai trường hợp: (1) trì kinh, (2) trì chú. Trì kinh tức là thọ trì các kinh điển Đại thừa như Bát Nhã, Pháp Hoa v v, còn trì chú tức là thọ trì các thần chú như Tùy Cầu, Tôn Thắng, Quang Minh, A Di Đà v v.

Tuy mọi người đều ưa thích mười một loại công hạnh tán thiện, thế nhưng họ đều đặc biệt ưa thích hành trì bốn loại công hạnh vừa đề cập phía trên và thường đem bốn loại công hạnh đó để chèn ép công hạnh Niệm Phật. Kính thỉnh hành giả thâm xét sẽ thấy

bổn ý kinh này không phải là phó chúc các công hạnh khác mà chỉ phó chúc công hạnh Niệm Phật lưu truyền đời sau. Chúng ta phải nên hiểu như vậy. Đức Thế Tôn sở dĩ không phó chúc các công hạnh khác bởi vì chúng không phải là bổn nguyện của Phật A Di Đà và Ngài sở dĩ phó chúc công hạnh Niệm Phật vì đây là bổn nguyện của Đức A Di Đà. Hiện nay, Thiện Đạo Hòa Thượng bỏ các công hạnh khác mà quay về Niệm Phật bởi vì đây không những là công hạnh bổn nguyện của Đức A Di Đà, mà còn là công hạnh mà Đức Thích Ca phó chúc. Nên biết, các công hạnh khác không thích ứng căn cơ, thời tiết, còn công hạnh Niệm Phật vãng sinh thì lại thích ứng căn cơ, thời tiết. Sự cảm ứng giữa Phật và chúng sinh lẽ nào lại để cho luông uổng!

Nên biết, lúc đầu Đức Phật tùy thuận căn cơ chúng sanh tuy tạm thời mở ra những pháp môn định thiện tán thiện, thế nhưng, sau đó Ngài lại tùy thuận bổn hoài của mình, bèn đóng những pháp môn đó lại. Chỉ có một pháp môn duy nhất được mở ra mà không bao giờ bị đóng lại, đó là pháp môn Niệm Phật. Bổn nguyện của Đức A Di Đà, sự phó chúc của Đức Thích Ca, bổn ý là tại chỗ này. Hành giả phải nên biết như vậy!

Lại nữa, câu “đời lâu xa về sau”, căn cứ bản ý kinh Vô Lượng Thọ, là muốn chỉ thời kỳ một trăm năm sau thời mạt pháp, đây là nêu cái xa để bao quát cái gần. Như vậy, sau thời mạt pháp còn được phó chúc, huống là thời mạt pháp! Thời mạt pháp còn vậy, huống là thời mạt pháp! Thời mạt pháp còn vậy, huống là thời chánh pháp và tượng pháp. Nên biết, pháp Niệm Phật vãng sinh là chung cho cả ba thời (chánh, tượng và mạt pháp) và cả thời kỳ một trăm năm sau khi kinh đạo tận!

Nhiều Thiện Căn

Niệm Phật là nhiều thiện căn, các tạp thiện khác là ít thiện căn.

A Di Đà kinh nói: “Không thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được vãng sanh Cực Lạc. Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe đến Đức Phật A Di Đà, bèn chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không loạn, người đó đến lúc mạng chung, Phật A Di Đà cùng các thánh chúng hiện đến trước mặt. Người đó lúc mất, tâm không điên đảo, liền được vãng sinh cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà”.

Ngài Thiện Đạo giải thích đoạn văn này như sau:

*Cực Lạc vô vi cõi Niết Bàn
Tùy duyên, tạp niệm khó vãng sanh
Nên Đức Như Lai lựa pháp yếu
Khuyên niệm Di Đà, chuyên thật chuyên
Bảy ngày bảy đêm không gián đoạn
Khởi hạnh lâu dài lại gắng thêm
Lâm chung, thánh chúng cầm hoa đến
Thân tâm phấn khởi, sinh sen vàng*

*Ngôi lên chứng đắc vô sinh nhân
Liên được đưa đến trước Pháp Vương
Bồ tát tranh nhau đắp y pháp
Chứng ngôi bất thoái, nhập Tam Hiền.*

Lời bàn:

Không thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được vãng sinh Cực Lạc, nghĩa là các hành giả tu tập thiện khó được vãng sinh cho nên mới nói “*tùy duyên tạp niệm khó vãng sinh*”. Ít thiện căn nghĩa là đối với nhiều thiện căn mà nói. Như vậy, các tạp niệm là ít thiện căn, cho nên trong Long Thư Tịnh Độ Văn có nói: “*Bản đá khắc kinh A Di Đà ở Tương Dương do ông Dương Nhân Lăng ở đời Tùy viết, nét chữ thanh thoát, uyển chuyển được nhiều người hâm mộ, phía dưới câu một lòng không loạn có câu Chuyên trì danh hiệu, do xưng danh hiệu, tội chướng tiêu diệt, tức là nhiều thiện căn, phước đức nhân duyên. Hiện nay các bản kinh đều được lưu hành thiếu mất hai mươi một chữ này.*

Không những có nghĩa nhiều, ít, mà còn có nghĩa lớn, nhỏ, nghĩa là các tạp thiện là thiện căn nhỏ, còn niệm Phật là thiện căn lớn. Lại còn có nghĩa thẳng, liệt, nghĩa là các tạp thiện là thiện căn liệt (kém cõi), còn niệm Phật là thiện căn thẳng (thù thẳng). Phải biết như thế!

Chương Mười Bốn

Chư Phật Chứng Thành

Hằng sa chư Phật ở sáu phương, không chứng thành các công hạnh khác, mà chỉ chứng thành công hạnh Niệm Phật.

Quán Niệm Pháp Môn của ngài Thiện Đạo nói: Lại như A Di Đà kinh có nói: “Ở sáu phương, ở mỗi phương có hằng hà sa chư Phật, đều hiện tướng lưỡi rộng dài, biến khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực như vậy: Dù Phật còn tại thế, hoặc sau khi Phật diệt độ, tất cả phàm phu tội chướng, chỉ cần hồi tâm niệm Phật A Di Đà, nguyện sinh Tịnh Độ, hoặc trọn một đời, hoặc chỉ trong bảy ngày, mười tiếng, ba tiếng, một tiếng v v đều được vãng sinh ”. Như vậy sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài nhất định chứng minh rằng phàm phu niệm Phật tội diệt được vãng sinh. Nếu như không y vào điều này mà chứng minh sự vãng sinh, thì sáu phương chư Phật, sau khi hiện tướng lưỡi rộng dài, rốt ráo sẽ không thu lưỡi lại được, mà lưỡi tự nhiên sẽ bị rữa nát.

Vãng Sinh Lễ Tán của Ngài cũng dẫn A Di Đà Kinh nói: Hằng sa chư Phật ở phương đông, các phương nam, tây, bắc, cùng phương trên dưới, mỗi phương cũng đều có hằng sa chư Phật, mỗi vị đều

ở cõi nước của mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, biến tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực như sau: Tất cả chúng sinh phải nên tin tưởng kính tất cả Chư Phật Hộ Niệm này. Vì sao gọi là hộ niệm? Nếu có chúng sinh xưng niệm Phật A Di Đà, hoặc bảy , ngày, một ngày, nhẫn đến mười tiếng, hoặc một niệm v v, ắt được vãng sanh, chư Phật chứng thành sự việc này, nên gọi là Hộ Niệm Kinh.

Lại nói:

*Sáu phương Phật, tướng lưỡi chứng minh
Chuyên xưng danh hiệu, sinh Tây Phương
Đến đó, hoa nở, nghe diệu pháp
Thập địa hạnh nguyện, tự nhiên thành*

Lại nữa, Quán Kinh Sớ của Ngài cũng dẫn A Di Đà Kinh nói: Thập phương chư Phật v v e rằng chúng sinh không tin lời dạy của Phật Thích Ca, các Ngài bèn đồng tâm, đồng thời, mỗi vị hiện tướng lưỡi, biến khắp tam thiên đại thiên thế giới nói lời thành thực như sau: Nay các chúng sinh phải nên tin nhận lời dạy dỗ, khen ngợi, chứng minh của Đức Phật Thích Ca: ***"Tất cả phàm phu, bất luận tội phước nhiều ít, thời cơ gần xa, hoặc trọn một đời, hoặc chỉ một ngày, bảy ngày, một lòng chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, nhất định sẽ được vãng sinh, chắc chắn không nghi"***.

Pháp Sư Tán của Ngài cũng nói:

*Tâm tâm niệm Phật chớ sinh nghi,
Sáu phương Phật chứng, thực không nghi
Ba nghiệp chuyên tâm không tạp loạn
Bách bảo liên hoa sẽ hiện tiền*

Tịnh Độ Ngũ Hội Pháp Sư Tán của ngài Pháp
Chiếu cũng nói:

*Điều cấp yếu trong muôn công hạnh
Không gì nhanh hơn Tịnh Độ Môn
Không những Bốn Sư kim khẩu nói
Mười phương chư Phật cũng chứng thành*

Hỏi: Tại sao sáu phương chư Phật chứng thành,
chỉ hạn định một công hạnh Niệm Phật?

Đáp: Theo ý của Hòa Thượng Thiện Đạo, Niệm
Phật là bốn nguyện của Đức A Di Đà, cho nên
chứng thành các công hạnh khác không phải, cho
nên không chứng thành.

Hỏi: Nếu chân cứ bốn nguyện để chứng thành
Niệm Phật, Vô Lượng Kinh và Quán Kinh lúc nói
về Niệm Phật, tại sao lại không có chư Phật chứng
thành?

Đáp: Giải thích có hai nghĩa:
(Một) Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh tuy nói
đến bốn nguyện Niệm Phật nhưng cũng nói đến

các hạnh khác, cho nên không chứng thành, còn quyển A Di Đà Kinh này chỉ nói về Niệm Phật cho nên chứng thành.

(Hai) Trong hai quyển kinh kia, tuy không có lời chứng thành, nhưng trong quyển kinh này đã có sự chứng thành, dùng đây mà suy ngẫm trong hai quyển kinh kia lúc nói về Niệm Phật, ắt cũng có ý nghĩa chứng thành. Lời văn ở kinh này, ý nghĩa chung cho hai kinh kia, bởi thế Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai có nói: "*A Di Đà Kinh, Đại Vô Lượng Thọ Kinh, Cổ Âm Thanh Đà La Ni Kinh* v v nói: *Lúc Đức Thích Ca Phật nói kinh này trong mười phương, mỗi phương có hằng hà sa chú Phật, hiện tướng lưới biển khắp tam thiên đại thiên thế giới, chứng thành tất cả chúng sinh niệm A Di Đà Phật, nương vào bốn nguyện đại bi nguyện lực quyết định vãng sinh thế giới Cực Lạc.*"

Chương Mười Lăm

Hộ Niệm

Sáu phương chư Phật hộ niệm hành giả Niệm Phật

Quán Niệm Pháp Môn nói A Di Đà Kinh dạy: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, bảy ngày, bảy đêm, nhẫn đến trọn đời, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, nguyện được vãng sanh, người đó thường được hằng sa chư Phật ở sáu phương hộ niệm, cho nên gọi là Hộ Niệm Kinh. Ý nghĩa của Hộ Niệm Kinh là khiến cho các quỷ thần ác không có cơ hội xâm hại hành giả, người đó không gặp hoạnh bệnh, hoạnh tử, hoạnh nạn, tất cả tai chướng, tự nhiên tiêu diệt, trừ những người không có tâm chí thành.

Vãng Sinh Sự Tán nói: Nếu xưng hiệu Phật cầu vãng sinh, thì thường được hàng hà sa chư Phật ở sáu phương hộ niệm, nên gọi là hộ niệm kinh. Hiện nay đã có lời thệ nguyện tăng thượng để nương tựa, như vậy, tại sao các vị Phật tử còn chưa chịu nỗ lực phấn ý niệm Phật cầu vãng sinh?

Hỏi: Chỉ có sáu phương Phật hộ niệm hành giả sao?

Đáp: Không chỉ hạn cục sáu phương chư Phật, mà các ngài A Di Đà, Quán Âm v v cũng đều hộ niệm, cho nên Vãng Sinh Lễ Tán Dẫn Thập Vãng Sinh Kinh nói: *Nếu có chúng sinh niệm Phật A Di Đà, cầu nguyện vãng sinh, Phật A Di Đà từ thời phái hai mươi lăm vị Bồ Tát đến ủng hộ trong tất cả mọi thời, hoặc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc ngày hoặc đêm, không để cho các quỷ thần ác có cơ hội xâm hại hành giả.*

Quán Kinh nói: *“Nếu có người xưng tán, lễ bái, nhớ tưởng Phật A Di Đà, nguyện sinh Cực Lạc, Phật A Di Đà sẽ phái vô số Hóa Phật, Hóa Quan Thế Âm Bồ Tát, Hóa Đại Thế Chí Bồ Tát hộ niệm hành giả, lại cùng hai mươi lăm vị Bồ Tát vây quanh hành giả trăm ngàn vòng, bất luận đi đứng nằm ngồi, tất cả thời xứ, hoặc ngày hoặc đêm, thường không xa lìa hành giả niệm Phật. Hiện nay có những lợi ích thù thắng như thế có thể nương tựa, nguyện các hành giả mỗi người nên chí tâm cầu vãng sinh”.*

Quán Niệm Phật Môn nói: Phần cuối của Quán kinh dạy: *“Nếu có người thường chí tâm niệm Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát, các ngài Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, hóa hiện làm bạn lành hoặc làm thiện tri thức của người đó, thường theo ủng hộ như bóng theo hình”.*

Phẩm Hành trong Bát Chu Tam Muội Kinh có nói:
*“Nếu có người thường tu pháp Niệm Phật tam
muội này, sẽ thường được chư thiên, cùng Tứ thiên
vương, tám bộ long thiên theo bên ủng hộ, ưa
muốn gần gũi, vĩnh viễn không còn các quỷ thần
ác, hoặc tai chướng ách nạn đến làm não loạn.
trong phẩm Hộ Trì sẽ nói chi tiết”.*

Ngoài lúc vào đạo trường tu tam muội ra, mỗi ngày nên niệm một vạn câu A Di Đà Phật suốt đời không gián đoạn, sẽ được hộ niệm của Đức Phật A Di Đà tội chướng tiêu trừ. Lại được Phật và chư thánh chúng thường đến hộ niệm tức thời sẽ được tăng trưởng thọ mệnh.

Ân Cần Phó Chúc

Thích Ca Như Lai đem danh hiệu Phật A Di Đà ân cần phó chúc các Ngài Xá Lợi Phất v v A Di Đà Phật Kinh nói: Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phất cùng các vị tỳ kheo, tất cả trời người, a tu la v v nghe theo lời Phật dạy, vui mừng tin nhận, đánh lễ mà lui ra.

Pháp Sư Tán của ngài Thiện Đạo giải thích đoạn kinh này như sau:

*Lúc Thế Tôn nói pháp sắp xong
Ân cần phó chúc Di Đà danh
Trong thời năm trước, nhiều nghi, báng
Tăng, tục kỳ hiềm, không chịu nghe
Thấy người tu hành khởi sân độc
Tìm cách phá hoại, sinh thù hận
Bọn nhất xiển đề đui mù này
Hủy diệt đốn giáo, vĩnh trầm luân
Quá số kiếp như số vi trần
Cũng chưa ra khỏi ba đường ác
Đại chúng đều đồng tâm sám hối
Tất cả tội phá pháp nhân duyên*

Lời bàn:

Theo bốn ý của ba kinh, trong các công hạnh, tuyển chọn pháp Niệm Phật làm chỗ quay về (Hán: Chỉ quy)

Trước tiên, trong Vô Lượng Thọ Kinh có ba sự (1) tuyển chọn bốn nguyện, (2) tuyển chọn tán thán, (3) tuyển chọn lưu lại giáo pháp.

1. *Tuyển chọn bốn nguyện*: Niệm Phật là công hạnh vĩnh sinh do ngày tỳ kheo Pháp Tạng tuyển chọn từ hai trăm mười ức cõi Phật, ý chỉ vì tề đã trình bày ở trên, nên gọi là tuyển chọn bốn nguyện.

2. *Tuyển chọn tán thán*: Trong ba bậc thượng phẩm vĩnh sinh, tuy nêu ra các công hạnh khác như phát Bồ đề tâm v v thế nhưng Đức Thích Ca không tán thán các công hạnh đó, mà chỉ tán thán Niệm Phật như sau: “*Nên biết một niệm niệm Phật là công đức vô thượng*”, nên gọi là tuyển chọn tán thán.

3. *Tuyển chọn lưu lại giáo pháp*: Lại như phần trên, tuy nêu ra các công hạnh khác, Đức Bổn Sư chỉ lưu lại một pháp Niệm Phật, nên gọi là tuyển chọn lưu lại giáo pháp.

Kế đến, trong Quán Kinh cũng có ba sự tuyển chọn: (1) tuyển chọn nhiếp thủ, (2) tuyển chọn Hóa Phật tán thán, (3) tuyển chọn phó chúc.

1. *Tuyển chọn nhiếp thủ*: Trong Quán Kinh tuy nói rõ các công hạnh định thiện, tán thiện, thế nhưng ánh sáng của đức A Di Đà chỉ chiếu soi những chúng sinh niệm Phật, nhiếp thủ không rời nên gọi là tuyển chọn nhiếp thủ.

2. *Tuyển chọn Hóa Phật tán thán*: Người hạ phẩm thượng sinh, tuy có hai công hạnh nghe kinh và Niệm Phật, Hóa Phật của Đức A Di Đà tuyển chọn Niệm Phật rằng: *“Vì ông xưng danh hiệu Phật, chư tội tiêu diệt, ta đến rước ông”*, nên gọi là tuyển chọn Hóa Phật tán thán

3. *Tuyển chọn phó chúc*: Lại nữa, tuy nói rõ các công hạnh định thiện, tán thiện, nhưng chỉ riêng phó chúc một công hạnh Niệm Phật, nên gọi là tuyển chọn phó chúc.

Kể đến trong Kinh A Di Đà có một sự tuyển chọn, đó là sự tuyển chọn chứng thành. Trong các kinh điển, tuy nói nhiều đến các công hạnh vãng sinh, nhưng sáu phương chư Phật không chứng thành các công hạnh này, đến kinh A Di Đà nói về Niệm Phật vãng sinh, thì hằng hà sa sa chư Phật ở sáu phương, mỗi vị đều hiện tướng lưỡi biếm khắp tam thiên đại thiên thế giới để chứng thành, cho nên gọi là tuyển chọn chứng thành.

Hơn nữa, trong Bát Chu Tam Muội Kinh cũng có một tuyển chọn, gọi là tuyển chọn trì danh. Chính Đức Phật A Di Đà nói rằng: ***Muốn vãng sinh cõi nước ta, phải thường niệm danh hiệu ta, không được gián đoạn***, cho nên gọi là tuyển chọn trì danh.

Bốn điều: (1) bốn nguyện, (2) nhiếp thủ, (3) danh hiệu và (4) Hóa Phật tán thán là sự tuyển chọn của Đức A Di Đà.

Ba điều: (5) tán thán, (6) lưu lại giáo pháp và (7) phó chúc, là sự tuyển chọn của Đức Thích Ca.

Còn điều (8) chứng thành là sự tuyển chọn của hằng hà sa chư Phật ở mười phương.

Như vậy Đức Thích Ca, Đức A Di Đà, và hằng sa chư Phật mười phương đồng tâm tuyển chọn công hạnh Niệm Phật. Các công hạnh khác thì không được như vậy, cho nên ba bộ kinh Tịnh Độ đều tuyển chọn Niệm Phật làm tông chỉ.

*Muốn mau thoát sinh tử
Trong hai loại thắng pháp
Nên bỏ Thánh Đạo Môn
Mà chọn Tịnh Độ Môn
Trong hai hạnh chánh, tạp
Nên bỏ các tạp hạnh
Mà tuyển chọn chánh hạnh
Nếu muốn tu chánh hạnh
Trong hai nghiệp chánh, phụ,
Nên gạt bỏ nghiệp phụ
Mà chuyên tu chánh định
Tức là xưng danh Phật
Xưng danh ắt vãng sinh
Vì nương bốn nguyện Phật*

Hỏi: Các nhà chú giải trong các tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Chân Ngôn, Thiền, Pháp Tướng, mỗi vị đều có biên soạn chương sớ về pháp môn Tịnh Độ, tại sao không y cứ vào các nhà chú giải đó mà chỉ riêng y cứ vào ngài Thiện Đạo?

Đáp: Các nhà chú giải đó, tuy biên soạn chương sớ về Tịnh Độ, nhưng không dùng Tịnh Độ làm tông, mà lại dùng Thánh Đạo làm tông, cho nên không y cứ vào họ, còn ngài Thiện Đạo chỉ lấy Tịnh Độ làm tông, cho nên y cứ vào ngài.

Hỏi: Các vị tổ sư Tịnh Độ rất nhiều chẳng hạn như ngài Ca Tài ở chùa Hoàng Pháp, ngài Từ Mẫn Tam Tạng v v. Tại sao không y cứ vào các vị ấy mà chỉ riêng y cứ vào ngài Thiện Đạo?

Đáp: Các vị thiện tri thức đó, tuy cũng đề xướng Tịnh Độ pháp môn, nhưng chưa chứng Tam muội, còn Hòa Thượng Thiện Đạo là người chứng đắc tam muội. Vì ngài có chỗ chứng đắc, cho nên y cứ vào ngài.

Hỏi: Nếu y cứ vào người chứng đắc Tam muội thì Hoài Cảm Thiền Sư cũng chứng đắc Tam muội tại sao không y cứ?

Đáp: Ngài Thiện Đạo là thầy, ngài Hoài Cảm là trò, cho nên y cứ vào thầy mà không y cứ vào đệ tử. Huống chi sự giải thích của hai thầy trò có

nhiều điếm trái nghịch, cho nên không y cứ vào ngài Hoài Cẩm.

Hỏi: Nếu y cứ vào thầy, thì ngài Đạo Xước Thiền Sư là thầy của ngài Thiện Đạo, tại sao không y cứ vào ngài Đạo Xước?

Đáp: Ngài Đạo Xước tuy là thầy, nhưng vẫn chưa chứng được Tam muội, không tự biết mình có được vãng sinh hay không, cho nên đã hỏi ngài Thiện Đạo: “Đạo Xước niệm Phật, được vãng sinh hay không?” Ngài Thiện Đạo bèn thưa với ngài Đạo Xước nên đem một cành hoa sen đặt trước bàn Phật, sau đó dụng công bảy ngày, nếu hoa sen không héo, ắt được vãng sinh. Ngài Đạo Xước y lời, sau đó bảy ngày, quả nhiên hoa sen không héo, bèn rất khen ngợi. Kế đó thỉnh ngài Thiện Đạo nhập định quán sát, xem mình có được vãng sinh hay không. Ngài Thiện Đạo bèn nhập định, giây lát sau nói với ngài Đạo Xước: *“Thầy phải sám hối ba tội mới được vãng sinh. Thứ nhất, thầy đặt tượng Phật ở góc phòng, còn mình ở giữa phòng; thứ hai sai bảo người xuất gia phục dịch cho mình; thứ ba xây dựng phòng ốc làm tổn thương sinh mệnh côn trùng. Thầy phải đối trước mười phương Phật sám hối tội thứ nhất, đối trước bốn phương tăng sám hối tội thứ hai, đối với tất cả chúng sinh sám hối tội thứ ba.”* Ngài Đạo Xước suy ngẫm những lỗi lầm quá khứ, thấy lời ngài Thiện Đạo quả thật không sai bèn chí thành sám hối, Sám hối xong,

đến gặp ngài Thiện Đạo, ngài Thiện Đạo bèn nói:
“Tội của thầy đã diệt, sau này sẽ có ánh sáng chiếu thân, đó là điềm vãng sinh của thầy.”

Do đây biết rằng Hòa Thượng Thiện Đạo tu đắc Tam muội, xứng đáng làm bậc thầy, giải hạnh đều phi phạm, điều này thật rõ ràng. Huống chi, người cùng thời với ngài đều tương truyền rằng: *“Từ lúc Phật pháp truyền vào Trung Hoa đến nay, chưa có ai được thanh đức như ngài Thiện Đạo.”* Lời xưng tán tuyệt luân, khó diễn tả được, Hơn nữa, lúc ngài viết sớ giải của Quán Kinh, có nhiều điềm lành, thường được Đức A Di Đà đến chỉ dẫn. Vì đã được sự gia bị của chư Phật, Bồ tát, cho nên quyển Quán Kinh Sớ của ngài được xưng dương là **Chứng Định Sớ**, mọi người đều quý trọng như chính lời dạy của Đức Phật.

Như trong Quán Kinh Sớ quyển thứ tư có viết:

“Kính bạch tất cả thiện tri thức hữu duyên, tôi là một phàm phu sinh tử, trí huệ cạn cợt, lời dạy của Phật sâu xa vi tế, tôi không dám tự chuyên, bèn thành tâm phát nguyện, thỉnh cầu sự linh nghiệm, sau đó mới dám biên soạn sớ giải: Nam Mô quy mạng tận hư không pháp giới, tất cả Tam Bảo, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, Quan Âm, Thế Chí, chư bồ tát đại hải chúng của cõi Cực Lạc, cùng tất cả cảnh tượng trang nghiêm. Con nay muốn đề xuất yếu nghĩa Quán Kinh, khái định cổ

kim. Nếu như xứng đáng với ý nguyện Đại Bi của chư Phật ba đời, Đức Phật Thích Ca, Đức Phật A Di Đà v v, xin trong tương mộng thấy được tướng trạng của cảnh giới giống như lời nguyện của con, Sau khi phát nguyện trước tượng Phật, tôi bèn tụng kinh A Di Đà ba biến, niệm danh hiệu Phật A Di Đà ba vạn biến, chí tâm phát nguyện. Ngay đêm hôm đó, thấy trên không trung ở phía tây, các cảnh giới như trong lời nguyện đều hiện trước mắt, các núi báu nhiều màu trùng trùng điệp, đủ loại quang minh, chiếu xuống mặt đất, mặt đất màu vàng ròng, trên chư không có chư Phật Bồ tát, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc nói hoặc im lặng, hoặc cử động tay chân, hoặc đứng yên bất động. Thấy những cảnh giới ấy rồi, tôi bèn chấp tay đứng quan sát một rất lâu mới chợt tỉnh, trong lòng vui mừng khôn tả, và sau đó mới bắt đầu biên soạn phần nghĩa môn của Quán Kinh Sớ. Từ đó về sau mỗi đêm trong mộng thường thấy một vị tăng chỉ dạy về khoa văn của phần huyền nghĩa, sau khi phần này hoàn tất thì không còn thấy nữa.

Sau khi bản thảo của Quán Kinh Sớ hoàn thành, tôi lại chí tâm cầu trong bảy ngày bảy đêm thấy được điềm lành chứng minh. Mỗi ngày tôi tụng kinh A Di Đà mười biến, niệm danh hiệu Phật A Di Đà vạn biến, và cuối đêm thứ nhất, trong lúc thành tâm quy mệnh, quán tưởng cảnh tượng trang nghiêm của cõi Cực Lạc, thấy bên vệ đường, ba cối xay đá tự nhiên chuyển động, hốt nhiên lại thấy

một người cỡi lạc đà trắng đến trước mặt khuyến tán: “Thầy phải nên nỗ lực, quyết định sẽ vãng sinh, chớ nên thoái chuyển, cõi này trước ác nhiều khổ, đừng nên tham luyến v.v.” Tôi trả lời: “Nay nhờ hiền quả của lòng tốt chỉ bảo, nguyện trọn đời không dám sinh tâm giải đãi, kiêu mạn v.v.” Đêm thứ hai thấy Đức A Di Đà, thân màu vàng ròng, ngồi trên tòa sen vàng dưới cây thất bảo, mười vị tăng vây quanh, mỗi vị ngồi dưới một cây báu. Trên cành cây chỗ Phật ngồi, có treo nhiều thiên y, tôi ngồi xoay mặt hướng tây, chấp tay quán sát. Đêm thứ ba, thấy có hai cây bảo tràng cao to chát ngát, trên có treo tràng phan ngũ sắc, đường xá ngang dọc, xa tít ngoài tầm mắt. Sau khi thấy những điềm lành này, tôi bèn đình chỉ, tuy là chưa hết thời hạn bảy ngày.

Những điềm lành tuật lại trên đây, vốn là vì chúng sinh chứ không phải vì chính mình. Tôi thấy được điềm lành, không dám dấu diếm, xin cung kính ghi lại phía sau quyển Quán Kinh Sớ, để cho đời sau được nghe biết. Nguyện chư chúng sinh nghe xong, sinh khởi lòng tin, những người thấy biết đều sinh Tịnh Độ, đồng thành Phật đạo. Nghĩa lý này đã thỉnh cầu sự chứng minh xong, mỗi câu mỗi chữ, không thêm không bớt. Vị nào muốn sao chép, phải nên y theo phương pháp sao chép kinh điển!”

Quán Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo là kim chỉ nam cho sự vãng sinh Tây Phương, là mắt, là chân cho

hành giả, bởi vậy hành giả tu hạnh vãng sinh Tây Phương phải nên trân kính.

Trong đây mỗi đêm mộng thấy một vị tăng đến chỉ dạy phần Huyền Nghĩa, vị tăng đó có thể là Đức Phật A Di Đà. Nếu vậy, quyển Sớ này có thể gọi là ***A Di Đà Truyền Sớ***. Và lại, đời đương tương truyền rằng ngài Thiện Đạo là hóa thân của Đức A Di Đà, nếu vậy, quyển Sớ này có thể gọi là ***A Di Đà Trực Thuyết Sớ***. Ở trên nói: “*Muốn sao chép, phải nên y theo phương pháp sao chép kinh điển*”. Đây là lời thành thực.

Ngược tìm bốn địa, Ngài là Pháp Vương của Bốn mươi tám nguyện, nói mười kiếp thành Phật, quyết định nương tựa câu Niệm Phật.

Cúi hỏi thù tích, Ngài là Đạo Sư của chuyên tu Niệm Phật, giảng tám môn chánh thọ, không chút nghi ngờ sự vãng sinh.

Pháp Nhiên Thượng Nhân: Bốn nguyện Niệm Phật Tập.

Bốn môn, tích môn⁸ tuy khác, nhưng sự giáo hóa dẫn đạo thì giống nhau.

⁸ Bốn tích: tức là bốn địa và thù tích, Bồ tát từ sơ địa trở lên và chư Phật đều có chân thân và hóa thân, chân thân gọi là bốn địa, còn hóa thân gọi là thù tích (ứng hiện để hóa độ chúng sinh)

Bốn địa, tích môn (còn gọi là bốn địa môn và thù tích môn): các nhà chú giải kinh Pháp Hoa đều chia kinh này ra làm hai môn là bốn và tích. *Tích*

Bần đạo (Pháp Nhiên) đã đọc kỹ quyển Quán Kinh Sớ tuy chỉ hiểu sơ sài vài ý chính, cũng đã vội vàng xả bỏ các tạp hạnh khác, quy tâm niệm Phật. Từ đó đến nay, hoặc tự mình tu tập, hoặc dạy bảo người khác, cũng đều là một hạnh Niệm Phật. Đối với người đến hỏi đạo, chỉ bày cho họ tu hạnh vắng sinh, còn đối với người khế cơ, dạy bảo cho họ công hạnh Niệm Phật. Phần đông đều tin theo, nhưng vẫn có một số ít không tin.

Nên biết:

Giáo lý Tịnh Độ, thích ứng thời cơ mà phát triển Công hạnh Niệm Phật, tùy theo căn tánh mà đổi thay.

Bần đạo tuy không cần sự cung kính, nhưng cũng không có cách nào chối từ sự yêu cầu của đại chúng, bèn gom góp, chỉnh lý những lời dạy quan trọng, soạn thành tập sách này, thuật lại một cách dư thừa những yếu nghĩa Niệm Phật. Và lại, bần đạo do vì chỉ quan tâm đến lời dạy bảo của hai Đức Như Lai, mà quên đi kiến thức hủ lậu của mình, đây quả thật là “không biết tự thẹn”. Cúi xin các bậc cao nhân sau khi xem xong, đem chôn vào

môn là chỉ cho việc Đức Thích Ca sau khi thành đạo cho đến hội Pháp Hoa, những điều thuyết giảng về Tam thừa giáo trong hơn bốn mươi năm chỉ là phương tiện (tích), chỉ có Nhất thừa giáo mới là chân thực (bổn). *Bốn môn* là nói về việc Đức Thích Ca sinh tại Vương cung thành Phật chẳng phải là chân thực, mà ngài đã thực sự đã thành Phật rất lâu xa về trước (bổn), nay vì để tế độ chúng sinh cho nên mới thị hiện ứng thân mà thôi (tích).

góc tường, dùng để rơi rớt trước sân, e rằng những kẻ phá pháp, nhân vì hủy báng tập sách này, sẽ bị đọa vào ác đạo.

Tập 2

Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn



Đời Đường Tỳ kheo Thiện Đạo tập ký **Thích Pháp Chánh dịch**

1. Ý vào Quán Kinh nói rõ Quán Phật Tam Muội.
 2. Ý vào Bát Chu Tam Muội nói rõ pháp Niệm Phật Tam Muội.
 3. Ý vào kinh nói rõ pháp Niệm Phật Tam Muội.
 4. Ý vào kinh nói rõ pháp sám hối phát nguyện trong đạo trường.
-
- 1. Ý vào Quán Kinh nói rõ Quán Phật Tam Muội.**

(xuất xứ từ Quán Kinh và Quán Phật Tam
Muội Hải Kinh)

Quán thân chân kim sắc của Phật A Di Đà, viên quang soi soi thấu khắp nơi, đoan chánh không thể so lường. Hành giả ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào cũng phải thường quán tưởng điều này. Hành giả lúc nằm lúc ngồi cũng phải quán tưởng, thường giữ ý tưởng hướng về phương tây và cũng phải quán tưởng sự trang nghiêm của chư thánh chúng và cõi Cực Lạc dường như trước mắt

Hành giả nếu muốn tọa thiền, trước tiên cần phải ngồi kiết già, chân trái đặt trên đùi phải, đùi để so le. Chân phải đặt lên đùi trái, đùi để so le, bàn tay phải đặt lên bàn tay trái, hao ngón tay cái chạm vào nhau. Kế đó ngồi ngay thẳng, ngậm miệng, nhắm mắt he hé, dường như nở mà không mở, nhắm mà không nhắm.

Trước, dùng tâm nhãn quán tưởng loa kế (búi tóc) trên đỉnh đầu Phật. Tướng da đầu màu vàng kim, còn tóc thì màu xanh đen (Hán: cảm thanh sắc), mỗi sợi tóc xoáy hình tròn ốc, xoắn tại đỉnh đầu. Xương đầu màu trắng như tuyết, sáng thấu trong ngoài; não màu như pha lê. Kế đến, quán tưởng có mười bốn đường mạch, mỗi mạch có hai mươi bốn luồng ánh sáng, đến xuất phát từ chân tóc, ánh sáng nhiễu quanh loa kế bảy vòng, sau đó trở lại nhập vào lỗ chân long. Kế đến, quán tưởng từ lỗ

chân lông mày phát ra luồng ánh sáng phóng ra phía trước, kế quán tướng trán Phật bằng phẳng, kế quán tướng tướng bạch hào (lông xoắn phía giữa chặng lông mày). Lông màu trắng, ngoài chắc trong rỗng, từ đầu lông phóng ánh sáng màu hoàng kim, chiếu sáng thân Phật.

Quán Phật Tam Muội Kinh dạy: *“Nếu có người quán tướng tướng bạch hào trong chùng khoảnh khắc, hoặc thành hoặc không thành, đều được trừ diệt tội nặng trong chín mươi ức na do tha hằng hà sa vi trần số kiếp sinh tử. Nếu thường tu pháp quán tướng này sẽ được trừ chướng diệt tội, lại được vô lượng công đức và chư Phật hoan hỷ”*.

Kế đến, quán tướng hai mắt dài rộng, đen trắng phân minh, quang minh chiếu khắp. Kế đến quán tướng tướng mũi cao thẳng. Kế đến, quán tướng khuôn mặt tròn đầy. Kế đến quán tướng đôi môi đỏ thắm phát ra ánh sáng. Kế đến quán tướng hàm răng đều đặn, khít khao, trắng sạch bóng ngời. Kế đến quán tướng lưỡi rộng dài mềm mại, phía cuống lưỡi có hai ống dẫn nước bọt vào cuống họng, thấm thẳng vào tâm vương.

Tâm đức Phật như đóa hoa sen đỏ, nở nhưng không mở, đóng nhưng chẳng đóng, có tám vạn bốn ngàn cánh sen, xếp thành tầng lớp, mỗi cánh sen có tám vạn bốn ngàn đường gân, mỗi đường gân có tám vạn bốn ngàn tia sáng, mỗi tia sáng

biến hiện một trăm hoa sen báu, trên mỗi hoa sen báu có một vị Bồ tát Thập địa, thân màu hoàng kim, tay cầm hương hoa cúng dường tâm vương, các ngài cùng nhau tán than tâm vương. Hành giả lúc quán tưởng như vậy, trừ diệt tội chướng, được vô lượng công đức. Chư Phật, Bồ tát đều vui mừng, chư thiên quý thần cũng đều hoan hỷ, phát tâm vô thượng.

Kế đến, quán tưởng cổ và hai vai của đức Phật tròn đầy. Kế đến quán tưởng hai tay dài đẹp. Kế đến quán tưởng hai lòng bàn tay có tướng vành bánh xe ngàn căm, mười ngón tay thon dài có mạng lưới, ngón tay màu đồng đỏ. Kế đến quán tưởng lồng ngực của đức Phật nở nang tròn trịa, trên có hình chữ Vạn sáng ngời. Kế đến quán tưởng bụng Phật thon đẹp. Kế đến quán tưởng rốn đức Phật tròn, lún sâu, thường phát ra ánh sáng. Kế đến quán tưởng tướng âm tang của Phật bằng phẳng, tròn đầy, giống như trăng rằm, và cũng bằng phẳng giống như phần bụng và lưng.

Đức Phật bảo: “*Nếu có người nam người nữ nào nhiều tâm tham dục, nếu quán tưởng âm tang của đức Như Lai, thì sẽ dứt trừ tâm tham dục, trừ diệt tội chướng, được vô lượng công đức. Chư Phật vui mừng, chư thiên quý thần đều đến hộ trì, người đó sẽ được sống lâu, ít bị bệnh tật*”.

Kế đến quán tướng hai mắt cá chân tròn trịa. Kế đến quán tướng hai vai vạm vỡ giống như ngực nai chúa. Kế đến quán tướng gót chân tròn như mũi voi chúa. Kế đến quán tướng hai mu bàn chân vung tròn như mu rùa chúa. Kế đến quán tướng các ngón chân dài và có mạng lưới, móng chân màu đồng đỏ. Kế đến quán tướng đức Phật ngồi kiết già, bàn chân trái đặt lên đùi phải, bàn chân phải đặt lên đùi bên trái, lòng chân ngang nhau. Kế đến quán tướng dưới lòng bàn chân có tướng bánh xe nghìn căm phóng ra ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Quán thân tướng Phật, từ đỉnh đầu cho đến lòng bàn chân, gọi là quán đầy đủ sắc thân trang nghiêm của đức Phật. Đây là phần quán theo chiều thuận. Kế đến quán tướng hoa tòa. Trước hết quán tướng tòa sen. Kế đến quán tướng cánh hoa sen. Mỗi cánh sen xếp chồng lên nhau đến tám vạn bốn ngàn lớp. Quán tướng trên mỗi cánh sen có trăm ức món trân bảo trang nghiêm. Mỗi món báu phóng ra tám vạn bốn ngàn tia sáng chiếu đến thân Phật. Kế đến quán tướng cọng sen có tám mặt, mỗi mặt có trăm ngàn món châu báu trang nghiêm, phóng ánh sáng rực rỡ khắp nơi. Kế đến quán tướng đất báu. Các món trân bảo trên mặt đất đều phóng tám vạn bốn ngàn tia sáng chiếu đến thân Phật và chúng sinh trong lục đạo ở khắp mười phương, đồng thời, hành giả cũng quán tướng tất cả tia sáng đều quay trở lại chiếu vào thân mình.

Pháp quán tướng này trừ diệt tội chướng và vô lượng công đức. Chư Phật Bồ tát vui mừng, chư thiện quỷ thần cũng đều hoan hỷ, ngày đêm gìn giữ hộ trì. Hành giả trong tất cả mọi thời đều được an ổn, sống lâu, phước lạc, không bị bệnh tật. Theo lời Phật dạy, hành giả trong khi tu tập, nếu thấy được cảnh giới Tịnh độ, chỉ nên tự nhận biết tuyệt đối không nên nói cho người khác, nếu không, sẽ bị quả báo bệnh dữ, chết yểu. Nếu như tu hành đúng pháp, đến lúc lâm chung sẽ được vãng sinh thượng phẩm.

Nếu y theo mười sáu pháp quán tu tập, sau đó chuyên tâm tu pháp quán tướng bạch hào, nhất tâm nhất ý, không được tán loạn, nếu tâm không định, tam muội khó thành. Đây gọi là Pháp Quán Phật Tam Muội. Trong tất cả mọi thời, đều nên hồi hướng cầu vãng sinh Tịnh độ. Chỉ cần y vào mười ba pháp quán đầu của Quán Kinh mà an tâm tu tập, không được hoài nghi. Kính bạch quý hành giả! Nếu muốn vãng sinh Tịnh độ chỉ cần trì giới, niệm Phật, tụng kinh A Di Đà Kinh. Mỗi ngày tụng mười lăm biến kinh, thì một năm sẽ được một vạn biến. Ngoài ra mỗi ngày nên niệm một vạn câu A Di Đà, lại còn tùy thời lạy Phật, tán thán công đức cõi Tịnh độ. Phải nên tinh tiến niệm Phật, mỗi ngày hoặc ba vạn câu, sáu vạn câu, mười vạn câu, đều sẽ được vãng sinh thượng phẩm thượng sinh.

Tất cả công đức tu hành đều nên hồi hướng Tịnh độ.

Phản trên đã nói rõ pháp tu Quán Phật Tam Muội.

2. Y vào Bát Chu Tam Muội nói rõ pháp Niệm Phật Tam Muội.

(Phương pháp bảy ngày bảy đêm vào đạo trường tu Niệm Phật Tam Muội của phẩm Thỉnh Văn trong kinh Bát Chu Tam Muội)

Phật bảo Bạt Đà Hòa: "*Có tam muội tên Chư Phật Mười Phương Đều Hiện Trước Mặt*¹. Nếu có thể tu pháp này, tất cả những điều mong cầu được thỏa mãn".

Bàn Đà Hòa bạch Phật: "*Nguyện Phật từ bi giảng nói để cho chúng sinh mười phương đều được thoát ly khổ não, hưởng sự an lạc.*"

Phật bảo Bạt Đà Hòa: "Có tâm muội tên Định Ý, người tu cần phải nhất tâm tu tập pháp môn khác, sẽ được công đức thù thắng đệ nhất".

Kể đến phẩm Hành (kinh Bát Chu Tam Muội) nói:

Phật bảo Bạt Đà Hòa: "Các Bồ tát nếu muốn mau đắc định, phải thường có lòng tin vững chắc, y theo pháp mà thực hành, thì có thể mau thành tựu. Không nên có sự nghi ngờ, dù nhỏ như cọng tóc.

Pháp tu Định Ý đó, còn có tên là Bồ Tát Siêu
Chúng Hạnh.

Lập một niệm
Tin pháp đó
Theo lời dạy
Nhờ phương đó
Phát nhất tâm
Đừng nghĩ khác
Tin vững chắc
Chớ hồ nghi
Phải tinh tiến
Không thoái chuyển
Không nghĩ trước
Không nghĩ sau
Không nghĩ trái
Không nghĩ phải
Không nghĩ không
Không nghĩ có
Không nghĩ xa
Không nghĩ gần
Không nghĩ đau
Không nghĩ ngứa
Không nghĩ đói
Không nghĩ khát
Không nghĩ lạnh
Không nghĩ nóng
Không nghĩ khổ
Không nghĩ sướng
Không nghĩ sinh

Không nghĩ già
Không nghĩ bệnh
Không nghĩ chết
Không nghĩ mệnh
Không nghĩ thọ
Không nghĩ nghèo
Không nghĩ giàu
Không nghĩ sang
Không nghĩ hèn
Không nghĩ sắc
Không nghĩ dục
Không nghĩ nhỏ
Không nghĩ lớn
Không nghĩ dài
Không nghĩ ngắn
Không nghĩ tốt
Không nghĩ xấu
Không nghĩ ác
Không nghĩ thiện
Không nghĩ buồn
Không nghĩ vui
Không nghĩ ngòi
Không nghĩ đứng
Không nghĩ đi
Không nghĩ ngừng
Không nghĩ Kinh
Không nghĩ Pháp
Không nghĩ thị
Không nghĩ phi
Không nghĩ bỏ

Không nghĩ giữ
Không nghĩ Tưởng
Không nghĩ Thức
Không nghĩ cái
Không nghĩ vương
Không nghĩ Không
Không nghĩ Thực
Không nghĩ nhẹ
Không nghĩ nặng
Không nghĩ khó
Không nghĩ dễ
Không nghĩ sâu
Không nghĩ cạn
Không nghĩ rộng
Không nghĩ hẹp
Không nghĩ cha
Không nghĩ mẹ
Không nghĩ vợ
Không nghĩ con
Không nghĩ thân
Không nghĩ sơ
Không nghĩ ghét
Không nghĩ thương
Không nghĩ được
Không nghĩ mất
Không nghĩ thành
Không nghĩ bại
Không nghĩ sạch
Không nghĩ dơ
Trừ vọng niệm

Chuyên một lòng
Tâm không loạn
Thường tinh tấn
Đừng vả vờ
Đừng lười biếng
Thường nhất tâm
Không hoảng hốt
Không ngủ nghỉ
Lạc tâm tưởng
Ở một mình
Không tụ họp
Tránh người ác
Gần người lành
Thờ thầy hiền
Kính như Phật
Giữ chí nguyện
Thường nhu hòa
Đối chúng sinh
Đều bình đẳng
Rời làng xóm
Lìa người thân
Bỏ ác dục
Ý thanh tịnh
Lòng thanh thản
Không ham muốn
Xả loạn tưởng
Tu thiền định
Học kinh điển
Tâm định tĩnh
Trừ ba độc

Đừng ham mê
Không tham tài
Đừng chắt chừa
Phải biết đủ
Chớ ham mùi
Đừng ăn thịt
Của chúng sinh
Quần áo thô
Chớ lòe loẹt
Đừng giỡn hót
Đừng kiêu mạn
Đừng tự đại
Đừng cống cao
Nếu giảng Kinh
Phải đúng pháp
Hiểu thân này
Vốn là huyền
Không “thọ, ẩm”
Không “nhập, giới”
Bốn loại này
Như giặc, rắn
Là vô thường
Là huyền hiệ
Không thường trụ
Rõ là không
Nhân duyên hợp
Nhân duyên diệt
Biết cả thấy
Vốn là không
Càng từ ái

Với tất cả
Cho người nghèo
Không cầu ơn
Đây là định
Bồ tát tu
Trí huệ này
Vượt tất cả

Phật bảo Bạt Đà Hòa: “Chuyên cần tu tập pháp này sẽ đắc tam muội, tất cả chư Phật hiện tại sẽ hiện diện trước mặt. Nếu có tỳ kheo, tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di tu tập đúng pháp, một mình ở nơi tịch tĩnh, niệm Tây Phương A Di Đà Phật, hiện nay đang ở cõi Cực Lạc. Thường thường nhớ nghĩ cách đây mười vạn ức cõi Phật, có thể giới Cực Lạc, nếu như một lòng chuyên nghĩ nhớ, một ngày một đêm cho đến bảy ngày bảy đêm. Sau bảy ngày sẽ thấy đức A Di Đà Phật, giống như trong mộng, không còn biết là ngày hay đêm, hoặc trong hay ngoài. Không phải do ở chỗ bị chướng ngại mà không thấy.

Này Bạt Đà Hòa! Nếu bốn chúng thường nghĩ nhớ như vậy, thì trong các cõi giới của chư Phật, những chỗ che chướng như núi Tu Di, hoặc những chỗ tăm tối, đều trở nên quang đảnh, rộng mở, không còn chướng ngại. Bốn chúng đó chẳng phải nhờ có thiên nhãn nhìn suốt, thiên nhĩ nghe thấu, thần túc vô ngại để đến cõi Phật ấy, cũng chẳng phải từ đây

mạng chúng sinh về cõi kia, mà ngay ở tòa ngồi của mình thấy cõi Phật ấy”.

Phật bảo: “Bốn chúng cõi này nhớ nghĩ Phật A Di Đà, chuyên tâm nghĩ nhớ cho nên thấy được ngài. Thấy rồi liền hỏi đức A Di Đà: “Tu hành pháp nào được vãng sinh Cực Lạc?” Đức Phật A Di Đà trả lời: “Ai muốn sinh cõi Cực Lạc nên niệm danh hiệu của ta, tương tục không gián đoạn, liền được sinh về cõi ấy.”

Phật bảo: “Chuyên tâm tưởng niệm nên được vãng sinh. Thường tưởng niệm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật, trăm ngàn tia sáng soi khắp, đoạn chánh không ai bằng. Đang trong chúng hội Bồ tát tăng giảng pháp “không phá hoại sắc”. Vì sao? Do vì không phá hoại sắc, tưởng niệm sắc thân Phật, sẽ chứng được tam muội.”

Phần trên là giảng rõ về pháp tu Niệm Phật Tam Muội.

3. Ý vào kinh nói rõ pháp Niệm Phật Tam Muội.

Nếu muốn vào đạo trường tu tam muội, trước tiên phải chuẩn bị đạo trường, an trí tượng Phật. Dùng nước thơm lau rửa. Nếu không có Phật đường, thì dùng một gian phòng sạch sẽ (để làm đạo trường) cũng được. Quét dọn sạch sẽ, bày một tượng Phật

ở bức tường phía tây (hướng về phía đông). Hành giả từ ngày mùng một đến mùng tám, hoặc từ mùng tám đến ngày rằm, hoặc từ ngày rằm đến ngày hai mươi ba, hoặc từ ngày hai mươi ba đến ngày ba mươi. Bốn thời này, thời nào cũng tốt. Hành giả nên xe xét hoàn cảnh sinh kế gia đình, để mỗi tháng một kỳ vào thất tu tập. Mỗi kỳ hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày, phải mặc quần áo sạch sẽ. Trong bảy ngày đó, phải nên chay tịnh, ăn mỗi ngày một bữa. Cơm bánh thuốc men tùy mùa, chỉ dùng vừa đủ. Trong lúc tu tập, ngày đêm buộc tâm tương tục, một lòng chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Buộc tâm vào tiếng Phật. Chỉ đứng hoặc ngồi, trong bảy ngày đêm không được ngủ nghỉ, cũng không cần phải chia thời lạy Phật tụng kinh, cũng không cần dùng chuỗi hạt mà chỉ một lòng chấp tay niệm Phật, trong mỗi niệm đều quán tưởng là đang thấy Phật.

Phật bảo: “Hành giả quán tưởng thân kim sắc của Phật A Di Đà, quang minh chiếu khắp, đoan chánh không tà, hiện ra trong tâm của mình. Nếu đứng, thì đứng một vạn thanh, hai vạn thanh, nếu ngồi, thì ngồi niệm một vạn thanh, hai vạn thanh. Trong đạo trường, không nên kể miệng thì thầm. Ngày đêm ba lần hoặc sáu lần, ngưỡng bạch tất cả chư Phật, chư hiền thánh mười phương, cùng tất cả nghiệp đạo, phát lộ sám hối, sau đó lại tiếp tục như pháp niệm Phật. Nếu thấy được cảnh giới, không nên vội nói cho người khác biết. Thấy cảnh giới

thiện thì ghi nhớ, thấy cảnh giới ác thì sám hối. Lại phải phát nguyện, đối với thịt cá, tay không sờ, miệng không ăn, hơn nữa, không neen ăn ngũ tân, không được uống rượu. Nếu như vi phạm, nguyện rằng thân miệng đều nổi nhọt độc. Hoặc sẽ tụng kinh A Di Đà mười vạn biến, hoặc nguyện mỗi ngày niệm Phật một vạn câu, hoặc mỗi ngày tụng kinh (A Di Đà) mười lăm bộ, ba mươi bộ. Tùy sức mà làm, nguyện vãng sinh Tịnh Độ, nguyện được Phật nhiếp thọ.

Lại nữa, hành giả hoặc có bệnh hoặc không bệnh, lúc sắp lâm chung, phải y theo phương pháp Niệm Phật Tam Muội vừa kể trên. Chân chính thân tâm, ngồi (hoặc nằm) quay mặt về hướng tây, tâm cũng nên chuyên chú, quán tưởng Phật A Di Đà. Tâm nghĩ miệng niệm, âm thanh liên tục không ngừng. Quán tưởng mình sẽ nhất định sẽ vãng sinh. Quán tưởng chư Phật Bồ tát đem kim đài đến tiếp dẫn. Người bệnh nếu thấy cảnh giới, phải nên nói liền cho người chăm sóc biết. Người ấy nghe xong, phải liền ghi lại chính xác. Nếu như người bệnh không thể nói ra tiếng, người chăm sóc phải thường xuyên hỏi thăm người bệnh thấy cảnh giới nào. Nếu nói thấy cảnh ác, những người xung quanh phải vì người bệnh niệm Phật, giúp cho người đó sám hối, làm cho tội chướng tiêu diệt. Nếu như tội diệt, thánh chúng hoa đài đều sẽ hiện ra trước mặt. Nếu theo đó mà ghi chép lại. Nếu như có thân nhân quyến thuộc của người bệnh đến

thăm, không nên cho những người ăn mặn uống rượu, hoặc ăn ngũ tân vào thăm, hoặc giả có cho vào, cũng không cho họ đến gần người bệnh. E rằng họ sẽ làm cho người bệnh mất chánh niệm, quý thân quý phá, làm cho người bệnh thất niệm mà chết, đọa vào ba đường ác. Nguyên các hành giả hãy nên cẩn thận phụng trì lời Phật dạy, cùng nhau tạo nhân duyên gặp Phật. Phần trên là chỉ dẫn cách vào đạo trường cùng phương pháp chăm sóc người bệnh.

4. Y vào kinh nói rõ pháp sám hối phát nguyện trong đạo trường.

(Y vào sáu bộ kinh: a) Vô Lượng Thọ Kinh, b) Thập Lục Quán Kinh, c) A Di Đà Kinh, d) Bát Chu Tam Muội Kinh, e) Thập Vãng Sinh Kinh, f) Tịnh Độ Tam Muội Kinh, nói rõ ý nghĩa năm loại tăng thượng duyên).

Kính cầu y vào sáu bộ kinh vãng sinh mà đức Bổn Sư Thích Ca giảng giải để nói rõ việc người xưng niệm A Di Đà Phật cầu nguyện vãng sinh, trong hiện đời được khỏe mạnh sống lâu, không bị chín nạn (Hán: cửu hoạnh), phần Ngũ Duyên phía dưới sẽ nói rõ ràng.

Hỏi: *Phật khuyên chúng sinh phát Bồ đề tâm, nguyện sinh cõi Tây Phương Cực Lạc. Lại khuyên tạo tượng Phật A Di Đà, xưng dương lễ bái, cúng*

dường hương hoa, ngày đêm quán tưởng không ngừng. Lại khuyên chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật, mỗi ngày từ một vạn, hai vạn, ba vạn, năm vạn cho đến mười vạn câu, hoặc khuyên tụng kinh A Di Đà, mỗi ngày từ mười lăm, hai chục, ba chục, năm chục cho đến một trăm bộ, cho đến đủ một vạn bộ, mười vạn bộ. Hiện đời được công đức gì? Sau khi mệnh chung có được lợi ích gì để vãng sinh Tịnh Độ hay không?

Trả lời: Hiện đời và sau khi mệnh chung, chắc chắn sẽ có được công đức lợi ích lớn. Y cứ vào lời Phật dạy, nói rõ có năm tầng thượng duyên lợi ích. Một là tầng thượng duyên diệt tội, hai là tầng thượng duyên hộ niệm được sống lâu, ba là tầng thượng duyên thấy Phật, bốn là tầng thượng duyên nhiếp sinh, năm là tầng thượng duyên chứng minh vãng sinh.

i) Tầng thượng duyên diệt tội, tức là hàng hạ phẩm thượng sinh trong Quán Kinh. Một đời tạo đủ mười loại tội ác. Người đó lúc mang bệnh sắp chết, gặp được thiện trí thức dạy niệm một câu A Di Đà Phật, liền được trừ diệt tất cả tội nặng trong năm mươi kiếp ức sinh tử. Đây tức là tầng thượng duyên diệt tội trong hiện đời.

Lại như hàng hạ phẩm trung sinh, một đời tạo đủ tội ác trong Phật pháp, phá trai, phá giới, tiêu dùng đồ vật của Phật pháp tăng, không biết hổ thẹn. Người đó mang bệnh sắp chết, lửa dữ địa ngục

hiện đến, (may mắn) gặp được thiện tri thức, nói cho nghe công đức của thân tướng Phật A Di Đà cùng sự trang nghiêm của cõi Cực Lạc. Người đó nghe xong liền được trừ diệt tất cả tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Tướng địa ngục biến mất. Đây cũng là tăng thượng duyên diệt tội trong hiện đời.

Lại như hàng hạ phẩm hạ sinh, một đời tạo đủ các tội cực nặng ngũ nghịch, chắc chắn sẽ phải bị đọa vào địa ngục dài lâu, chịu khổ vô cùng. Người đó mang bệnh sắp chết, lại may mắn gặp được thiện tri thức, dạy xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà mười câu. Mỗi câu trừ diệt tất cả tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Đây cũng là tăng thượng duyên diệt tội trong hiện đời.

Lại như có người y theo Quán Kinh tạo hình tượng của cõi Cực Lạc trang nghiêm, rồi ngày đêm quán tưởng tướng đất báu, trong hiện đời, mỗi niệm đều trừ diệt tất cả tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Lại y theo Quán Kinh tạo hình tượng cõi Cực Lạc trang nghiêm, rồi y theo đó quán tưởng trang nghiêm của cây báu, ao báu, lầu báu, v v trong hiện đời được trừ diệt tất cả tội nặng trong vô lượng ức a tăng tỷ kiếp. Lại như, y theo pháp quán tưởng hoa tòa trang nghiêm, ngày đêm quán tưởng, trong hiện đời, mỗi một niệm (quán tưởng) đều diệt trừ tất cả tội trong năm mươi ức kiếp sinh tử. Lại y theo pháp quán tưởng tượng Phật, quán

tướng chân thân Phật, quán tướng đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí v v , trong hiện đời, mỗi một niệm (quán tưởng) trừ diệt được tất cả tội nặng trong vô lượng ức kiếp sinh tử. Những điều dẫn chứng trên đều là tăng thượng duyên diệt tội trong hiện đời.

ii) Tăng thượng duyên hộ niệm, tức là như trong quán thứ mười hai có nói: *“Nếu có người trong tất cả mọi thời, ngày đêm chí tâm quán tưởng y báo chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc. Hoặc thấy hoặc không thấy, Phật Vô Lượng Thọ hóa ra vô lượng hóa thân, hai vị Bồ tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cũng hóa ra vô lượng hóa thân, thường đến nơi của người đó (để hộ trì).”* Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.

Lại như phần dưới của Quán Kinh nói: *“Nếu có người thường chí tâm niệm Phật và hai vị Bồ tát, thì hai ngài Quán Âm, Thế Chí thường làm thiện tri thức, thường đến bên cạnh hộ trì”*. Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.

Lại như quán thứ chín (Chân thân quán) nói: *“Ánh sáng bạch hào của thân sắc vàng của đức Phật A Di Đà chiếu khắp chúng sinh ở mười phương, ánh sáng từ lỗ chân lông cũng chiếu khắp chúng sinh mười phương. Ánh sáng của tám vạn bốn ngàn tướng hảo cũng chiếu khắp chúng sinh mười phương. Giống như phần trước nói về ánh sáng*

của ngài chiếu khắp mười phương thế giới, thế nhưng chỉ có những chúng sinh nào chuyên tâm tưởng niệm đức A Di Đà Phật thì ánh sáng của Phật mới thường chiếu đến họ, nhiếp hộ không rời. Ở đây không bàn về ánh sáng chiếu soi những chúng sinh tu các tạp hạnh khác”. Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.

Lại như Thập Vãng Sinh Kinh nói: “*Phật bảo Bồ tát Sơn Hải Tuệ và A Nan: “Nếu có người nào chuyên tâm tưởng niệm Tây Phương A Di Đà Phật cầu nguyện vãng sinh, từ ngày hôm nay, ta sẽ phái hai mươi lăm vị Bồ tát đến hộ trì, không cho bọ ác quỷ thần nào loạn người đó, làm cho người đó ngày đêm đều được an ổn”. Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.*

Lại như A Di Đà Kinh nói: “*Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, trong bảy ngày bảy đêm, nhẫn đến trọn đời, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu nguyện vãng sinh. Người này thường được hằng hà sa chư Phật ở sáu phương thường đến hộ niệm. Cho nên kinh này được gọi là Hộ Niệm Kinh”. Hộ Niệm Kinh cũng có nghĩa là không cho các quỷ thần ác có cơ hội nhiều hại, cũng không có các việc tai nạn tử vong bất ngờ xảy đến cho người đó. Tất cả mọi tai ách chướng nạn tự nhiên tiêu trừ. Ngoại trừ những kẻ không chí tâm. Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.*

Lại nữa trong phẩm Hành trong Bát Chu Tam Muội Kinh nói Phật bảo Bạt Đà Hòa: *"Nếu có người, bảy ngày bảy đêm vào đạo trường, xả tất cả sự duyên, bỏ việc ngủ nghỉ, một lòng chuyên tưởng niệm thân sắc vàng của đức A Di Đà Phật hoặc một ngày, hoặc ba ngày, hoặc hai tuần, năm, sáu, bảy tuần, hoặc cho đến trăm ngày, hoặc cho đến trọn đời, chỉ tâm quán tưởng đức Phật A Di Đà, cùng xưng niệm danh hiệu ngài, người đó sẽ được đức Phật nhiếp thọ, sau khi được Phật nhiếp thọ, người đó biết chắc tội chướng sẽ được tiêu diệt và được vãng sinh Tịnh độ."* Phật nói *"Nếu có người chuyên tâm tu tập pháp Niệm Phật Tam Muội này, người đó thường được tất cả chư thiên, bốn đại thiên vương cùng tất cả tám bộ quỷ thần thường theo bên cạnh ủng hộ, ưa thích gần gũi, vĩnh viễn không còn bị các quỷ thần ác gieo tai giáng họa, làm cho khổ não."* Trong phẩm Trì có nói đầy đủ. Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.

Lại như quyển thứ ba của Quán Đảnh Kinh có nói nếu có người thọ trì Tam quy Ngũ giới, đức Phật sẽ bảo trời Đế Thích: *"Ông nên sai sáu mươi một vị thiên thần, thường theo bên cạnh hộ trì người thọ giới, không để cho các ác quỷ thần lộng hành, gieo rắc tai họa đến người đó."* Trong phẩm Hộ Trì có nói tương tợ. Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.

Lại như Tịnh Độ Tam Muội Kinh nói Phật bảo Bình Sa Đại Vương: “*Nếu có thiện nam thiện nữ nào, trong mỗi tháng sáu ngày trai . . . hướng về tất cả nghiệp đạo như thiên tào, địa phủ v v thọ trì trai giới, đức Phật sẽ sai khiến hai mươi lăm vị thiện thần, thường gần gũi hộ trì người thọ trì trai giới đó khiến cho tất cả quỷ thần ác không đến gần nào hại hành giả, mà cũng khiến cho người đó thường được an ổn, không bị các bệnh tật, chết chóc, tai nạn v v*”. Đây cũng là tăng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.

Kính bạch các hành giả! Nếu các vị muốn trong đời này, ngày đêm chuyên niệm tương tục danh hiệu đức A Di Đà Phật, hoặc chuyên tụng A Di Đà Kinh, xưng dương lễ bái, tán thán chư thánh chúng trang nghiêm cầu nguyện vãng sinh, hoặc một ngày tụng kinh A Di Đà mười lăm biến, hai chục, ba chục biến trở lên, hoặc tụng bốn chục, năm chục, hoặc trăm biến trở lên, nguyện tụng đủ mười vạn biến, lại còn xưng dương, tán thán, lễ bái y báo, chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc. Ngoài việc vào đạo trường tu Niệm Phật Tam Muội, mỗi ngày nên niệm danh hiệu Phật A Di Đà một vạn câu, suốt một đời không gián đoạn, thì sẽ được đức A Di Đà gia bị, trừ diệt tội chướng. Lại còn được Phật A Di Đà và chư thánh chúng thường đến hộ niệm. Vì được hộ niệm cho nên hành giả phước thọ tăng long, đời sống bình yên an lạc. Những điều này được nói đầy đủ trong Thí Dụ

Kinh, chỉ có các kinh Tam Muội và Tịnh Độ Tam Muội là không nói đến. Đây cũng là tầng thượng duyên hộ niệm trong hiện đời.

iii) Tầng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật, tức là như Quán Kinh nói: Phu nhân nước Ma Kiệt Đà là bà Vi Đề Hy, lúc bị giam cầm trong cung nguyện thường được thấy Phật, trông về núi Kỳ Xà Quật khóc lóc đảnh lễ. Lúc ấy Phật biết rõ tâm niệm của bà, bèn ẩn thân tại núi Kỳ Xà Quật, hiện đến trong cung. Bà Vi Đề Hy đang lễ Phật, vừa ngẩng đầu lên liền thấy đức Thế Tôn, thân màu tử kim, ngồi đài liên hoa, hai ngài Mục Kiền Liên và A Nan đứng hầu hai bên. Các vị trời Đế Thích, Phạm Vương cùng chư thiên ở trên không rải hoa cúng dường. Bà Vi Đề Hy thấy Phật ghen ngào nước mắt, nắm tóc phủ phục xuống đất hướng về đức Phật cầu khẩn sám hối: “*Nguyện đức Như Lai chỉ dạy cho con phép quán để sanh về nơi nghiệp lành thanh tịnh.*”

Lại như Quán Kinh chứng minh rằng, phu nhân không những chí tâm thấy được Phật, mà còn vì các chúng sinh trong đời vị lai khai thỉnh giáo pháp, nếu như có người nào hết lòng chí thành tưởng nghĩ đến Phật, thì chắc chắn cũng sẽ thấy được Phật, không bị chướng ngại. Ba niệm nguyện lực của đức A Di Đà gia bị, cho nên hành giả mới thấy được ngài. Ba niệm nguyện lực tức là như trong Bát Chu Tam Muội Kinh có nói: “*Một là Đại*

Thệ Nguyễn Lục gia bị cho nên được thấy Phật, hai là Tam Muội Đỉnh Lục gia bị cho nên được thấy Phật, ba là Bốn Công Đức Lục gia bị cho nên được thấy Phật.” Phía dưới, trong phần nhân duyên thấy Phật cũng tương tự như ở đây. Cho nên gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Hỏi: Phu nhân có phước báu thù thắng được Phật gia bị cho nên thấy được Phật, còn các chúng sinh trong đời vị lai tội chướng sâu nặng, làm sao có thể so sánh với phu nhân được? Lại nữa, ý nghĩa ở đây thâm sâu rộng lớn, mỗi điều đều phải đem kinh Phật ra để dẫn chứng.

Trả lời: Đức Phật là bậc thánh nhân, tam minh, lục thông đều vô chướng ngại. Quán sát căn cơ mà nói pháp, không phân biệt sâu hay cạn. Chỉ cần quy hướng kiên thành, lo gì không thấy! Ví như Quán Kinh có nói: Phật khen Vi Đề Hy: *“Lành thay Vi Đề Hy! Hôm nay bà đã khéo hỏi việc này, Nay A Nan! Ông nên ghi nhớ và thọ trì pháp này, rồi tuyên thuyết cho mọi người cùng biết. Nay ta sắp dạy Vi Đề Hy và chúng sinh đời sau pháp quán thế giới Cực Lạc ở phương tây. Do nhờ sức Phật, hành giả sẽ được thấy cõi nước thanh tịnh kia, như người cầm gương sáng tự nhiên trông thấy mình”*.

Lại nữa Quán Kinh đã chứng minh rằng đây cũng là do ba lực của đức A Di Đà Phật gia trì, cho nên

hành giả được thấy Phật. Cho nên gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Tịnh Độ Phật.

Lại như Quán Kinh nói Phật bảo Vi Đề Hy: “*Bà là phàm phu, tâm nhãn yếu kém, chưa được thiên nhãn, không thể ở xa mà trông thấy cõi Cực Lạc. Chư Phật có phương tiện lạ khiến bà được thấy cõi kia*”. Phu nhân bạch Phật: “*Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con nhờ sức Phật được thấy quốc độ kia. Sau khi Thế Tôn tịch diệt, những chúng sinh trước ác không lành, bị ngũ khổ bức não, phải làm thế nào để được thấy Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc?*” Đức Phật bảo: “*Vi Đề Hy! Bà bà chúng sinh nên chuyên tâm, buộc niệm một chỗ, quán tưởng tất cả bảo tràng phía dưới mặt đất lưu ly, các thứ trân báu trên mặt đất, lầu các trang nghiêm, v v*”. Chuyên tâm chú ý, giống như phu nhân đã được thấy tức là: “*Quán tưởng thấy mỗi cảnh vật đều rõ ràng. Nhắm mắt mở mắt đều nhìn thấy được cõi ấy. Quán tưởng như thế thì gọi là thấy được cõi Cực Lạc về phần thô*”. Đây có nghĩa rằng thấy bằng giác tướng nên gọi là “*thấy phần thô*”, nếu như đắc được “*Định tâm tam muội*” và “*Khẩu xưng tam muội*”, tâm nhãn sẽ khai mở, sẽ thấy tất cả sự trang nghiêm vô cùng tận của cõi Cực Lạc.

Lại như Quán Kinh đã chứng tỏ rằng tất cả phàm phu, nếu như có tâm tha thiết, chắc chắn sẽ thấy được cõi Cực Lạc. Nên nhớ, nếu nghe có người thấy được cõi Cực Lạc cũng đừng lấy làm kinh

quái. Vì sao? Đây là do tam muội lực của đức A Di Đà gia bị cho nên được thấy, cho nên gọi là tăng thượng duyên “*Tam Muội Thấy Tịnh Độ*”.

Lại như phần Quán Hoa Tòa nói Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “*Ta sẽ vì các người mà giảng thuyết phân biệt pháp trừ khổ não. Các người nên ghi nhớ rồi giảng nói rành rẽ cho khắp trong đại chúng nghe.*” Khi đức Thế Tôn nói lời ấy xong, Phật Vô Lượng Thọ đã hiện thân đứng giữa hư không, hai vị Đại Sĩ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đứng hầu tả hữu. Phu nhân Vi Đề Hy được thấy Vô Lượng Thọ Như Lai liền cúi đầu đảnh lễ, sau đó bạch với đức Thích Tôn rằng: “*Bạch đức Thế Tôn! Con nay nhờ sức Phật được thấy Phật A Di Đà và hai vị Bồ tát. Chúng sinh đời sau phải làm thế nào để uán tưởng Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ tát.*” Phật bảo Vi Đề Hy: “*Bà và chúng sinh muốn quán đức Phật kia, trước tiên phải khởi tướng trên đất thật bảo có hoa sen . . .Sau khi quán thành, kế tiếp nên quán tướng (hình tượng) Phật, . . . khi tâm tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi tướng, tám mươi vẻ đẹp . . . Từ trên đầu cho đến kiết già, tất cả đều phải quán tưởng. Tùy vào sự quán tưởng, đức Phật sẽ hiện thân.*” Đây tức là ba lực của đức Phật A Di Đà gia bị, làm cho hành giả được thấy. Đây cũng gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Lại như Quán Kinh nói: “*Muốn quán Vô Lượng Thọ Phật, trước phải tưởng hình tượng, làm sao cho đến khi nhắm mắt mở mắt đều thấy một bảo tượng như sắc vàng diêm phù đàn ngồi trên tòa sen kia. Lúc thấy tượng Phật rồi, tâm nhãn tự nhiên được mở mang rõ ràng sáng suốt. Bây giờ hành giả thấy cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm.*” Đây cũng là do ba lực của đức A Di Đà gia bị cho nên được thấy Phật. Cho nên gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Lại như Quán Kinh nói: “*Kể tưởng hình tượng Quán Thế Âm ngồi tòa sen bên trái, tượng Đại Thế Chí ngồi tòa sen bên phải, thân tướng đều rực rỡ như sắc vàng diêm phù đàn . . . hành giả lại tưởng tiếng nước chảy, ánh sáng, các cây báu, những loài chim: phù nhận . . . đều nói pháp mầu, cho đến khi xuất định, nhập định hằng nghe thấy*”. Đây cũng là do ba lực của đức A Di Đà gia bị cho nên được thấy Phật. Cho nên gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Lại như trong phần Quán Chân Thân Phật có nói: Phật bảo A Nan: “*Sau khi quán tượng thành tựu, kể đó quán Vô Lượng Thọ Phật, thân chân kim sắc. Tướng bạch hào giữa đôi mày uyển chuyển xoay về bên hữu như năm núi Tu Di. . . Viên quang của Phật to rộng như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới. Trong ấy có trăm muôn ức na do tha hằng sa Hóa Phật, mỗi*

vị đều có vô số Hóa Bồ tát làm thị giả . . . Những tướng hảo quang minh cùng hóa Phật đó vô cùng, nói không thể xiết! Hành giả chỉ nên thành kính nhớ tưởng, khiến cho tâm nhãn được thấy. Thấy được tướng này, ắt thấy tất cả chư Phật mười phương. Vì thấy chư Phật, nên gọi là Niệm Phật Tam Muội”. Đoạn văn này chứng tỏ là do ba lực của đức A Di Đà Phật gia bị cho nên thấy được Phật, cho nên gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Cũng trong phần đó, Phật bảo: “Cho nên người trí phải hệ niệm quán kỹ Phật Vô Lượng Thọ. Muốn quán Phật Vô Lượng Thọ, phải từ một tướng hảo mà đi vào. Chỉ cần quán tướng lông trắng giữa đôi mày cho thật rõ ràng. Khi thấy được tướng bạch hào, tự nhiên tám muôn bốn ngàn tướng đều sẽ hiện. Và thấy được Phật A Di Đà tức thấy vô lượng chư Phật ở mười phương, nên được chư Phật tiền thọ ký.” Đây cũng là điều chứng tỏ do ba lực của đức A Di Đà gia bị, khiến cho các phàm phu chuyên tâm tưởng niệm được thấy Phật, cho nên gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Lại như các pháp quán Quán Âm, Thế Chí . . . cùng với chín phẩm vãng sinh, hành giả hoặc là một đời hành trì, hoặc bảy ngày . . . một ngày, nhẫn đến mười tiếng, một tiếng niệm Phật, đến lúc lâm chung nguyện được thấy Phật, nếu như trong

hiện đời gặp được thiện tri thức, khiến cho hành giả chí thành xưng niệm Phật A Di Đà, đức Phật sẽ cùng thánh chúng đem hoa đài đến tiếp dẫn. Đây cũng là điều dẫn chứng trong kinh, đức A Di Đà dùng ba lực gia trì khiến cho hành giả được thấy Phật, đây cũng gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Lại như, trong kinh nói tiếp: Phật bảo A Nan: *“Kinh này tên Quán Cực Lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát . . . Ông nên như thế mà thọ trì, chớ để quên mất. Người tu môn tam muội này, hiện đời sẽ được thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Đại sĩ.”* Đây là điều kinh này dẫn chứng là do ba lực của đức A Di Đà Phật, vì thế nên gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Lại như Bát Chu Tam Muội Kinh nói: *Phật bảo Bạt Đà Hòa: “Có tam muội tên Thập Phương Chư Phật Hiện Ra Trước Mặt.”* Nếu có người nào muốn mau đắc được tam muội này, trong bảy ngày bảy đêm, không được ngủ nghỉ, không được vọng niệm, ở chỗ tịch tĩnh, quán tướng chân thân sắc vàng của đức A Di Đà, ba mươi hai tướng, ánh sáng rực rỡ, đoan chánh trang nghiêm không thể so lường. Nhất tâm quán tưởng, tâm nhớ nghĩ, miệng xưng danh, niệm niệm không ngừng nghỉ. Phật nói rằng sau bảy ngày sẽ được thấy Phật. Ví như có người ban đêm nhìn sao trời, mỗi vì sao là

một vị Phật. Nếu như bốn chúng có người quán tưởng như vậy, thấy tất cả vì sao là thấy tất cả Phật. Nếu đem kinh này chứng cứ, thì đây cũng là do ba lực của đức A Di Đà Phật gia bị, cho nên được thấy Phật. Tam Muội có nghĩa là hành giả niệm Phật phải niệm với lòng chí thành tha thiết, không được tạp niệm, mỗi niệm đều an trụ trong câu niệm Phật, tiếng niệm không dứt, thì tâm nhãn sẽ được thông suốt, thấy được Phật A Di Đà rõ ràng. Đây gọi là định. Hành giả cũng thấy được chư thánh chúng và cõi báu trang nghiêm.” Đây gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Cõi Tịnh Độ của Phật.

Lại như Nguyệt Đăng Tam Muội Kinh nói: “Quán niệm tướng hảo và đức hạnh của Phật có thể làm các căn của hành giả không loạn động, tâm không mê hoặc tương ưng với pháp, được “vân đặc trí” to rộng như biển lớn. Người an trí an trụ trong tam muội đó, nhiếp niệm kinh hành, sẽ thấy được ngàn ức Như Lai, trong đời vị lai cũng sẽ gặp được vô lượng hằng sa chư Phật.”. Đây cũng là điều dẫn chứng của kinh, cũng gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Thấy Phật.

Lại như trong Văn Thù Bát Nhã Kinh, ngài Văn Thù bạch Phật: “Thế nào gọi là Nhất Hành Tam Muội?” Phật bảo: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, ở nơi tịch tĩnh, xả bỏ loạn tưởng quay nặt về hướng của đức Phật (mà mình quán tưởng), không

quán tướng hảo, chuyên xưng danh hiệu, niệm niệm không gián đoạn, thì có thể trong lúc niệm Phật thấy được chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai.” Đoạn văn này chứng minh rằng do lòng đại bi của tất cả chư Phật gia bị khiến hành giả được thấy Phật. Đây cũng là gọi là tăng thượng duyên Tam Muội Khiến Phạm Phu Được Thấy Phật.

iv) Tăng thượng duyên Nhiếp Thọ Chúng Sinh, tức là như trong phần bốn mươi tám nguyện của Vô Lượng Thọ Kinh đã có nói: Phật bảo: “*Khi ta thành Phật, nếu chúng sinh mười phương muốn sinh về nước ta, xưng danh hiệu ta, nhẫn đến tối thiểu là mười niệm, nương vào nguyện lực của ta, nếu như không được vãng sinh, ta thề không giữ ngôi chánh giác.”* Đây là điều nguyện rằng hành giả lúc lâm chung, do nguyện lực của Phật A Di Đà nhiếp thủ hộ trì cho nên được vãng sinh. Cho nên gọi là tăng thượng duyên Nhiếp Thọ Chúng Sinh.

Lại như quyền thượng của Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Nếu chúng sinh được vãng sinh được vãng sinh về cõi Cực Lạc, đây đều là do sức mạnh nguyện lực của đức Phật A Di Đà làm tăng thượng duyên Nhiếp Thọ Chúng Sinh.”*

Lại như quyền hạ của Vô Lượng Thọ Kinh nói: “*Đức Phật nói rằng căn tính của chúng sinh không đồng, có ba hạng thượng, trung và hạ. Tùy theo*

căn tính của họ, đức Phật đều khuyên chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Khi người ấy sắp lâm chung đức A Di Đà và các thánh chúng hiện đến tiếp dẫn, đều được vãng sinh.” Đây cũng là tăng thượng duyên Nhiếp Thọ Chúng Sinh.

Lại như pháp quán thứ mười một, cùng phần chín phẩm vãng sinh trong Quán Kinh, đều là do đức Phật tự nói rằng các hành giả tu tập hai hạnh tán thiện và định thiện, tất cả đều được tự thân đức Phật A Di Đà và các thánh chúng đem hoa đài đến tiếp dẫn vãng sinh. Đây cũng là tăng thượng duyên Nhiếp Thọ Chúng Sinh.

Lại như trong A Di Đà Kinh đức Phật bảo: *“Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc trong một ngày, hoặc đến bảy ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà người đó lúc mệnh chung, đức Phật A Di Đà và các thánh chúng hiện đến trước mặt, liền được vãng sinh về cõi Cực Lạc”* Đức Phật bảo tiếp: *“Ta thấy điều lợi như thế nên mới nói lời này.”* Đây cũng là điều chứng minh về tăng thượng duyên Nhiếp Thọ Chúng Sinh.

Lại như trong phần Bốn mươi tám nguyện nói: *“Nếu ta thành Phật, chúng sinh mười phương, phát Bồ đề tâm, tu các công đức, hết lòng phát nguyện, muốn sinh về cõi nước ta, lúc người đó mệnh chung, nếu ta không cùng các thánh chúng hiện*

đến tiếp dẫn, ta thệ không thành Chánh giác.” Đây cũng là tăng thượng duyên Nhiếp Thọ Chúng Sinh.

Lại như nguyện kể nói: *“Nếu ta thành Phật, mười phương, nghe danh hiệu ta, tưởng niệm cõi nước ta, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ta, nếu như không được toại nguyện, ta thệ không thành chánh giác. Đây cũng là tăng thượng duyên nhiếp thọ chúng sanh.”*

Lại như nguyện kể tiếp: *“ Nếu ta thành Phật, mười phương thế giới, nếu có người nữ nghe danh hiệu ta, vui mừng tin wa, phát Bồ đề tâm, nhằm chán thân nữ, sau khi mệnh chung, nếu còn thọ lại thân nữ, ta thệ không thành chánh giác.”* Nghĩa là do bốn nguyện lực của đức A Di Đà, cho nên người nữ xưng niệm danh hiệu Phật, đến lúc mệnh chung, lập tức chuyển thân nữ thành nam, đức A Di Đà đón tiếp, Bồ tát phù trì, ngồi tòa sen, theo Phật vãng sinh, gia nhập Liên trì hải hội, chứng ngộ Vô sinh pháp nhẫn. Lại nữa, phải nên biết rằng, tất cả người nữ nếu như không nhờ nguyện lực hồng danh của đức A Di Đà, thì trăm ngàn vạn hằng hà sa kiếp sẽ không bao giờ chuyển được thân nữ. Hiện nay có người cho rằng người nữ không thể vãng sinh Tịnh độ, đây là lời xàm, không nên tin nhận. Điều này chứng minh đâu là tăng thượng duyên Nhiếp Thọ Chúng Sinh.

v) Tăng thượng duyên chứng minh vãng sinh:

Hỏi: Đã biết rằng bốn mươi tám nguyện nhiếp thọ tất cả chúng sinh vãng sinh Tịnh Độ, nhưng chưa biết hàng chúng sinh nào sẽ được vãng sinh. Hơn nữa, người nào được bảo đảm chắc chắn vãng sinh?

Trả lời: Như Quán Kinh nói: Phật bảo phu nhân Vi Đề Hy: *“Phu nhân có biết chăng, Phật A Di Đà cách đây không xa. Phu nhân phải hộ niệm và quán sát kỹ coi Cực Lạc, ắt tịnh nghiệp sẽ thành tựu. Nay ta vì phu nhân nói rộng các thí dụ, cũng khiến cho đời vị lai, tất cả phàm phu tu tịnh nghiệp, được vãng sinh về thế giới Cực Lạc ở phương tây.”* Điều này chứng minh rằng sau khi đức Thế Tôn diệt độ, các phàm phu nương vào nguyện lực của Phật A Di Đà quyết định sẽ được vãng sinh. Đây là tạng thượng duyên Chứng Minh Vãng Sinh.

Hỏi: Đức Thích Ca giảng pháp với mục đích chỉ rõ cho chúng sinh ngộ Phật pháp, tại sao đối với giáo pháp, có người tin, có người không tin, hủy báng lẫn nhau. Tại sao như vậy?

Trả lời: Phàm phu có hai loại căn tính, một là căn tính thiện, hai là căn tính ác. Người có căn tính thiện là người nghe lời Phật dạy, liền bỏ ác làm thiện, bỏ tà theo chánh, bỏ dối theo thật, bỏ sai theo đúng, bỏ ngụy theo chân. Năm loại người này,

nếu quy y Phật pháp, thì có thể lợi mình lợi người. Trong thì hiếu thuận, ngoài thì lợi ích cho mọi người. Giữ lòng trung tín, phục vụ tận tụy cho nhà cho nước, cho nên gọi là người căn tính thiện. Người căn tính ác là người bỏ chân theo ngụy, bỏ chánh theo tà, bỏ đúng theo sai, bỏ thật làm dối, bỏ thiện làm ác. Năm loại căn tính này, nếu như quy y Phật pháp, chẳng thể làm lợi ích chính mình, cũng chẳng thể làm lợi cho người khác. Trong nhà thì bất hiếu, không giữ chữ tín, không nghĩ đến việc phục vụ cho nhà cho nước, bất trung, bất nghĩa, đua nịnh ghét ghen. Hơn nữa, những bọn người này chuyên hãm hại người hiền đức, đổi trắng thay đen, chỉ biết nhìn lỗi người khác, cho nên gọi là người căn tính ác. Lại nữa, những bọn người này, còn dám hủy báng, sỉ nhục tất cả những bậc lương thiện trời người, ngay cả chư Phật hiền thánh. Những người trí tuệ phải nên biết điều này. Hiện nay nói rõ hai loại căn tính thiện ác này là để trả lời câu hỏi vừa nêu trên.

Quán Kinh nói: Phật bảo Vi Đề Hy: “*Phu nhân và chúng sinh nên chuyên tâm buộc niệm vào một chỗ, để tương cảnh giới Tây Phương . . .*”, như tràng kim cương đỡ đất lưu ly, các thứ trân bảo trang nghiêm trên mặt đất, nhằm đến quán thứ mười ba, đều chứng minh cho lời giải đáp chi Vi Đề Hy mục đích là muốn cho phàm phu dù thiện hay ác đều hồi tâm tu hành, đều được vãng sinh.

Đây cũng là chứng minh cho tăng thượng duyên Chứng Minh Vãng Sinh.

Lại như Quán Kinh nói: *“Nơi cõi báu Cực Lạc mỗi khu vực có trăm ức bảo lầu. Trong những lầu các ấy có vô lượng chư thiên trời thiên nhạc . . . Những tiếng này đều diễn nói môn niệm Phật, niệm Pháp, niệm tăng . . . Nếu quán này thành, khi mạng chung, hành giả quyết định vãng sanh về cõi Cực Lạc.”* Đây cũng là chứng minh cho tăng thượng duyên Chứng Minh Vãng Sinh.

Lại như Quán Kinh nói: Lại: Phật bảo A Nan: *“Hoa sen màu nhiệm ấy do nguyện lực của Tỳ Kheo Pháp Tạng thành tựu. Muốn quán đức Phật kia, trước phải tưởng hoa tòa này. Khi tu môn tưởng đây, không được quán tạp, phải quán từ đài sen đến mỗi cánh . . . , đều cho rõ ràng, như người soi gương tự thấy mặt mình. Pháp tướng này nếu thành . . . quyết định sinh về thế giới Cực Lạc.”* Đoạn kinh này cũng chứng minh đây là tăng thượng duyên Chứng Minh Vãng Sinh.

Vô Lượng Thọ Kinh nói: Phật bảo A Nan: *“Nếu chúng sinh nào về cõi đó đều sẽ trụ trong chánh định. Chư Phật mười phương đều cùng nhau tán thán Phật A Di Đà. Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu Phật đó khởi lòng hoan hỷ tín ưa, nguyện sinh về cõi ấy, dù chỉ một niệm cũng đều được vãng sinh, trụ bất thoái chuyển.”* Đây cũng là điều

chứng minh đây là tăng thượng duyên Chứng Minh Vãng Sinh.

Trong Quán Kinh phần Chín phẩm vãng sinh, mỗi phẩm đều nói rõ: *“Hoặc lúc Phật còn tại thế, hay sau khi Phật diệt độ, phàm phu phiền não, gặp thiện tri thức, khuyến khích khiến sanh lòng tin, dù là trì giới, niệm Phật, tụng kinh, lễ bái, asn thân v v , nhất định đều được vãng sinh. Do nguyện lực của Phật, tất cả đều được vãng sinh.”* Đây cũng là điều chứng minh tăng thượng duyên Chứng Minh Vãng Sinh.

A Di Đà nói: Sáu phương đều có hằng hà sa số chư Phật, các ngài đều hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực như sau: *“Hoặc lúc Phật còn tại thế, hoặc sau khi Phật diệt độ, tất cả các phàm phu tội lỗi , chỉ cần hồi tâm niệm Phật A Di Đà, nguyện sinh Tịnh độ, nhẫn đến bảy ngày, hoặc một ngày, mười câu, ba câu, một câu, đến lúc mệnh chung, Phật A Di Đà và chư thánh chúng đều đến nghinh tiếp, liền được vãng sinh.”* Như phần trên đã nói về chư Phật sáu phương hiện tướng lưỡi rộng dài, chứng minh rằng phàm phu niệm Phật ắt sẽ được diệt tội vãng sinh. Nếu như không y vào đoạn kinh này chứng minh được vãng sinh, thì chư Phật sáu phương sau khi hiện tướng lưỡi rồi, ắt sẽ không rút lưỡi vào được, mà lưỡi còn sẽ bị rữa nát. Đây cũng

là điều minh chứng tăng thượng duyên Chứng Minh Vãng Sinh.

Kính bạch tất cả hành giả tu hạnh vãng sinh! Nếu nghe được những lời như vậy, liền phải nên cảm động rơi lệ nhiều đời nhiều kiếp tan xương nát thịt để báo đáp ơn sâu của chư Phật. Những lời dạy này xứng hợp với bốn tâm, tại sao lại còn nghi ngờ sợ hãi. Lại nữa kính bạch tất cả hành giả! Tất cả phạm phu tội ác, còn được sự gia bị khiến cho tội diệt được vãng sinh, huống hồ các bậc thánh nhân nguyện sinh mà không được vãng sinh hay sao?

Phần trên là lời giải đáp câu hỏi “*hàng chúng sinh nào sẽ được vãng sinh Tịnh Độ*”. Đến đây là xong phần ý nghĩa năm loại tăng thượng duyên.

Hỏi: Đức Thế Tôn xuất thế, vì muốn độ phạm phu trong cõi ngũ trược, ngài đem tâm từ khai thị cho bọn họ biết nhân của mười điều ác cùng quả khổ trong ba ác đạo. Lại còn dùng trí tuệ bình đẳng làm cho hàng trời người khai ngộ thể nhập Phật pháp, hồi tâm vãng sinh về cõi Cực Lạc. Các kinh điển giáo đều đã giải thích rõ ràng, có sao hiện nay có nhiều người không tin, lại còn công nhiên hủy báng. Không biết những người này trong hiện đời và sau khi mất bị những tội báo nào? Xin đem kinh điển ra dẫn chứng để cho bọn họ cải hối, khởi lòng tín ngưỡng Phật pháp Đại thừa, hồi đầu cầu xin

Tịnh độ, đây là điều lợi ích cho bọn họ.

Trả lời: Y vào kinh điển để trả lời. Bọn người ác này, như trong phần năm căn tính ác ở trên đã nói qua. Hiện nay đem kinh điển ra trực tiếp dẫn chứng. Như Thập Vãng Sinh Kinh nói: Phật bảo Sơn Hải Tuệ Bồ Tát: “Ông nay vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, phải nên thọ trì kinh này.” Phật lại bảo Sơn Hải Tuệ: “Kinh này tên là Quán A Di Đà Phật Sắc Thân Chánh Niệm Giải Thoát Tam Muội, cũng có tên là Độ Chư Hữu Lưu Sinh Từ Bát Nạn Hữu Duyên Chúng Sinh phải nên như vậy mà thọ trì. Chúng sinh nào chưa có duyên với Niệm Phật Tam Muội, kinh này có thể làm cửa đưa vào môn Đại Tam Muội, kinh này có thể đóng cửa địa ngục cho chúng sinh, kinh này có thể trừ diệt được bọn ác quỷ chuyên hãm hại người, bốn phương đều được an ổn.” Phật lại bảo Sơn Hải Tuệ: “Như lời ta nói ý nghĩa là như vậy.” Sơn Hải Tuệ bạch Phật: “Chúng sinh trong đời sau, thương hay phỉ báng kinh điển này, những người như vậy, đời sau sẽ ra sao?” Phật bảo: “Đời sau ở cõi Diêm Phù Đề, nếu có hoặc tà kheo, hoặc tà kheo ni, hoặc người nam, người nữ nào, thấy người đọc tụng kinh này, bèn hiện tướng sân hận, hoặc khởi tâm phỉ báng đó, trong hiện đời sẽ mắc những bệnh nặng, thân thể tàn khuyết, hoặc bị đui điếc . . . bọ ác quỷ thần quái phá, điên cuồng, bệnh lạnh, bệnh nóng, bệnh trĩ, phù thũng, mất trí v v . . . Các bệnh nặng dữ dội như vậy, đời đời sanh ra đều phải

chịu những khổ này, nằm ngời không yên. Việc đại, tiểu tiện đều không thông, muốn sống cũng không được, muốn chết cũng không được. Vì phỉ báng kinh điển nên phải chịu quả báo như vậy. Hoặc là sau khi chết bị đọa vào địa ngục, trong tám vạn kiếp thọ nhận sự khổ não dữ dội. trong trăm ngàn vạn đời không nghe đến tên thức ăn nước uống. Vì phỉ báng kinh điển nên phải chịu quả báo như vậy. Hoặc sinh vào các loài trâu, ngựa, heo, dê, vị loài người sát hại, nhận chịu sự khổ vô lượng. Vì phỉ báng kinh điển cho nên sau khi sinh lại cõi người thường sinh vào dòng dõi hạ tiện, trong trăm ngàn vạn đời không được tự tại, trăm ngàn vạn đời không nghe đến tên Tam bảo. Vì phỉ báng kinh điển nên phải chịu khổ như vậy. Cho nên đối với người không trí tuệ, không nên giảng nói kinh này. Đối với những người chánh quán, chánh niệm mới nên nói cho họ. Người nào coi thường kinh này sẽ bị đọa địa ngục, người trọng kinh này sẽ được giải thoát, sẽ được vãng sinh cõi Phật A Di Đà.”

Hiện nay dùng kinh này để chứng minh. Phải nên biết rằng lời Phật huyền ký cho người kính trọng, hoặc hủy báng kinh điển đều là sự thật không hư dối. Đến đây là trả lời xong câu hỏi trên.

Hỏi: Sau khi đức Phật diệt độ, tất cả các phàm phu hoặc thiện hoặc ác, phát Bồ đề tâm, nguyện sinh cõi Phật A Di Đà, ngày đêm buộc tâm, trọn cả cuộc đời, xưng danh quán tưởng, lễ bái, tán thán, cúng dường hương hoa đến lúc đức A Di Đà, đức

Quán Âm, Thế Chí cùng các thánh chúng, trang nghiêm Tịnh độ. Niệm niệm quán tưởng, hoặc thành tựu, hoặc chưa thành tựu tam muội, thì trong đời này được những công đức gì? Xin đừng kinh điển dẫn chứng rõ ràng để cho những người tu hành đời này đời sau, hoan hỷ tín ưa, tin tưởng phụng hành.

Trả lời: Câu hỏi thật là thích đáng. Đây chính là đóng bít nhân duyên sinh tử của sáu nẻo, khai mở cửa vào sự vui của Tịnh độ. Không những đức Phật A Di Đà khen ngợi, mà cả chư Phật mười phương cũng đều vui mừng. Hiện nay y vào kinh điển mà trả lời, như Bát Chu Tam Muội Kinh nói Phật bảo Bát Đà Hòa Bồ tát: *“Trong pháp tu Niệm Phật Tam Muội có bốn sự cúng dường giúp cho người tu hoan hỷ, đó là thức ăn uôn, quần áo, giường chiếu và thuốc men. Chư Phật trong đời quá khứ, nhờ tu pháp môn Niệm A Di Đà Phật Tam Muội, được bốn sự cúng dường hoan hỷ đều được thành Phật. Vị lai, mười phương chư Phật tu pháp môn Niệm A Di Đà Phật Tam Muội, được bốn sự cúng dường hoan hỷ, sẽ được thành Phật.”* Đức Phật bảo Bát Đà Hòa: *“Bây giờ ta nói một ít ví dụ về công đức của bốn sự cúng dường hoan hỷ cho những hành giả tu Niệm Phật Tam Muội. Ví như có người sống lâu trăm tuổi, lúc mới sinh ra thì liền biết đi liên tục không ngừng (cho đến khi chết) tốc độ của người đó nhanh hơn gió thổi mau. Xin hỏi ai đó có thể tính được chiều dài khoảng*

đường mà người đó đi qua hay không?” Bạt Đà Hòa thưa: “Dạ thưa, không cách nào tính nổi!” Phật bảo: “Nay ta nói cho ông và các Bồ tát biết. Nếu có người nam người nữ nào đem số trân bảo chất nhiều như khoảng không gian mà người đó đi qua ra bố thí, thì công đức của sự bố thí đó không bằng công đức của người nghe được công đức cúng dường bốn sự hoan hỷ cho người tu pháp Niệm Phật Tam Muội, trăm ngàn vạn lần, cũng không thể so sánh được.”

Phật bảo: “Trong thời quá khứ quá số kiếp vô số, không thể tính đếm về trước, có Phật hiệu là Tư Ha Ma Đề, cõi nước tên là Bạt Đà Hòa, có một vị chuyển luân vương tên là Duy Tư Cầm đến nơi đức Phật. Phật biết tâm ý của nhà vua bèn giảng về bốn sự cúng dường hoan hỷ cho pháp tu Niệm Phật Tam Muội. Nhà vua nghe xong rồi vui mừng, bèn đem nhiều loại trân bảo rải lên thân đức Phật để cúng dường.” Nhà vua nguyện rằng: “Nguyện đem công đức này, cầu cho người trời khắp mười phương đều được an ổn.” Phật bảo: “Sau khi nhà vua mệnh chung, bèn sinh trở lại hoàng cung làm thái tử tên Phạm Ma Đạt. Lúc đó có một vị tỳ kheo Trân Bảo, thường vì bốn chúng đệ tử giảng pháp Niệm Phật Tam Muội. Khi ấy, thái tử nghe giảng về bốn sự cúng dường hoan hỷ, bèn đem trân bảo rải lên tỳ kheo đồng thời đem ý phục đến cúng dường. Thái tử và một ngàn quần thần cùng nhau xuất gia với vị tỳ kheo đó, để cầu học Niệm Phật

Tam Muội. Thái tử và quân thần thường theo hầu hạ hai vị thầy mình, trải qua tám ngàn năm, ngày đêm tinh tấn, không hề biếng nhác. Chỉ một lần nghe qua Niệm Phật Tam Muội mà được trí huệ cao minh, những đời sau gặp thêm sáu vạn tám ngàn đức Phật, nơi mỗi đức Phật đều được nghe pháp Niệm Phật Tam Muội mãi cho đến khi thành Phật.”

Phật bảo: “Nếu có người muốn nghe pháp Niệm Phật Tam Muội, thì dù trăm dặm, ngàn dặm, bốn ngàn dặm còn phải đến nghe, hướng chi là ở gần bên mà không chịu cầu học.”

Kính bạch các hành giả tu pháp môn Vãng sinh, phần trên là đem những lời Phật dạy để chứng minh, còn phần chi tiết được nói rõ trong phẩm Tứ Sự Cúng Dường Công Đức.

Hỏi: Theo lời Phật dạy, siêng năng khổ hạnh, ngày đêm sáu thời thời, lễ lạy, niệm Phật, kính hành, quán tưởng, tụng kinh, nghiêm trì giới luật, nhằm chán sinh tử, sợ khổ ác đạo, tu tập như vậy trọn đời, nguyện sinh về Tịnh độ của Phật A Di Đà, nhưng e rằng tội chướng chưa hết, tập khí vẫn còn, có thể chướng ngại việc vãng sinh, làm sao để đoạn trừ nỗi lo sợ này. Xin đem kinh Phật dẫn chứng, chỉ cho phương pháp trừ diệt.

Trả lời: Y vào kinh Phật để giải đáp Quán Muội Hải Kinh nói Phật bảo phụ vương và mọi người: “*Đời quá khứ có Phật hiệu Không Vương. Trong thời tượng pháp có bốn vị tỳ kheo phá giới phạm trọng. Khi ấy trong đêm tối, đức Phật hiện ra trên không trung, nói với bốn tỳ kheo rằng: Các ông phạm giới trọng không thể cứu vớt được. Nếu muốn diệt tội, phải vào tháp Phật, quan sát hình tượng của ta, chí tâm sám hối, thì mới có thể trừ diệt tội này. Lúc đó bốn tỳ kheo nghe xong, buông bỏ mọi sự, một lòng tuân hành, vào trong tháp Phật, đến trước tượng, thành khẩn phủ phục sám hối, gào khóc bi ai, ngày đêm không ngừng, cho đến trọn đời. Sau khi mệnh chung lại sinh về cõi Phật Không Vương.*” Nay đem kinh này làm bằng chứng, hành giả muốn sám hối, cùng nên y lời dạy của kinh này. Phật bảo: “*Sau khi ta diệt độ, các đệ tử của ta phải nên tránh xa điều ác, lìa bỏ thị phi. Ngày đêm sáu thời, mỗi thời để một phần thời gian ngẩn, chừng trong khoảnh khắc, quán tưởng tượng bạch hào. Dù chưa thành tựu, người ấy cũng đã trừ được chín mươi sáu ức na do tha hằng hà sa vi trần số kiếp tội chướng sinh tử. Nếu lại có người, nghe được pháp tu quán tưởng bạch hào này, sinh lòng vui mừng tin tưởng, không chút nghi ngờ, người đó cũng đã diệt được tám mươi ức kiếp tội chướng sinh tử. Nếu có các tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di phạm bốn tội trọng, hoặc phạm mười điều ác, hoặc phạm năm tội nghịch, hoặc phạm tội phỉ báng Đại thừa, những người như vậy,*

nếu có thể sám hối, ngày đêm sáu thời, thân tâm thành khẩn, năm vóc gieo xuống đất, gào thét lăn lộn, nước mắt đầm đìa, chấp tay hướng về tôn tượng của Phật, quán tưởng bạch hào giữa chặng mày, từ một cho đến bảy ngày, thì bốn tội nặng vừa nói, sẽ giảm rất nhiều. Người nào quán tưởng bạch hào không thành, cần phải vào trong tháp Phật, một ngày cho đến ba ngày, chấp tay khấn thiết sám hối. Lại như, có người nghe thoáng qua pháp tu bạch hào tướng này, cũng trừ được ba kiếp tội chướng sinh tử.” Đức Phật bảo phụ vương và ngài A Nan: “Ta nay vì tất cả đại chúng mà hiện thân tướng quang minh, nếu người nào tâm bất thiện, hoặc hủy phạm giới cấm, sẽ thấy thân tướng khác nhau.” Lúc đó, năm trăm người dòng họ Thích, thấy thân Phật màu xám tro, một ngàn tỳ kheo thấy thân Phật màu như đất đỏ, mười sáu ưu bà tắc, hai mươi bốn ưu bà di thấy thân Phật màu đen như mực, còn các tỳ kheo ni thì thấy Phật màu bạc. Khi ấy, đại chúng đồng bạch Phật rằng: “Chúng con hôm nay không thấy hình tướng vi diệu của Phật.” Nói rồi bèn tự vò đầu bứt tóc, năm vóc nằm phủ phục xuống đất, gào khóc kêu la, lăn lộn trên mặt đất. Phật bảo: “Như Lai ra đời chính là vì muốn trừ diệt tội lỗi cho các người, Các người phải nên xưng niệm danh hiệu của bảy đức Phật quá khứ, cung kính đánh lễ, phát lộ tất cả tội lỗi đã tạo trong đời quá khứ. Các người phải nên đến trước đại tăng phát lộ tất cả tội lỗi, tuân theo lời Phật dạy. Ở trước chư Phật cúi đầu đánh lễ chí

thành khẩn thiết sám hối, sau khi sám hối xong, tám nhãn sẽ được khai mở, thấy được thân Phật trong lòng sẽ rất vui mừng.” Phật bảo các tỳ kheo: “Các ông trong vô lượng kiếp trong đời quá khứ, tà kiến điên đảo, nghi ngờ sư trưởng, phá giới phạm trai, ngang nhiên tiêu dùng của tín thí, do nhân duyên này đọa vào ngục quỷ, địa ngục tám vạn năm thọ khổ, sau đó tuy ra khỏi, nhưng trong vô lượng đời không thấy được chư Phật, mà chỉ nghe được danh hiệu của các ngài. Hiện nay thấy được thân Phật màu đất đỏ, chiều cao năm xích²”

Sau khi đức Phật nói lời ấy xong, một ngàn tỳ kheo cùng mọi người hướng về đức Phật sám hối, năm vóc sát đất, thành khẩn tha thiết, than thở khóc lóc, âm thanh vang động, giống như gió mạnh thổi tan mây mù, thấy được thân tướng của Phật. Sau khi thấy được thân Phật, các vị tỳ kheo vui mừng, phát Bồ đề tâm. Đức Phật bảo phụ vương: *“Một ngàn tỳ kheo này, ân cần cầu pháp, tâm không nhàm mỏi.”*

Đức Phật bèn thọ ký cho họ trong tương lai thành Phật, dòng hiệu là Quang Chiếu Như Lai. Phương pháp sám hối vừa trình bày ở trên là trích từ trong quyển hai và quyển ba của Quán Phật Tam Muội Hải Kinh.

Trong phẩm mười hai, Mật Hạnh, quyển thứ mười của Phật Thuyết Quán Phật Tam Muội Hải Kinh, đức Phật bảo A Nan: *“Chúng sinh đời vị lai, người nào đắc được Niệm Phật Tam Muội, hoặc đắc được Niệm Phật Tam Muội hoặc đắc được Quán*

Phật Tam Muội, hoặc đấng được Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội, nên bảo người ấy phải cẩn thận giữ gìn thân, khẩu, ý, đừng khởi tà mệnh, đừng sinh tâm cống cao. Nếu khởi tà mệnh, hoặc sinh tâm cống cao, nên biết người đó là kẻ tăng thượng mạn, phá diệt Phật pháp, làm cho nhiều chúng sinh khởi tâm bất thiện, phá hoại sự hòa hợp của tăng đoàn, hiện dị tướng để mê hoặc quần chúng, là bạn của ma. Những kẻ ác, tuy cũng niệm Phật, nhưng đã mất mùi vị cam lộ. Người này do vì cống cao cho nên sinh vào nơi nào, thân thể cũng đều thấp lùn, giọng dõng hạ tiện, bản cùng khổ sở, đầy dẫy ác nghiệp đeo đuổi bên mình. Vì thế nên phải đề phòng những sự ác như vậy không cho sinh khởi. Nếu sinh khởi những tà nghiệp như vậy, chúng sẽ bại hoại thiện căn, giống như voi điên hủy hoại ao sen.” Phật bảo A Nan: “Người tu pháp niệm Phật, phải tự gìn giữ, không nên phóng dật. Người tu pháp Niệm Phật Tam Muội nếu không giữ gìn tâm ý, khởi tâm cống cao, gió ác của tà mệnh thổi bùng lửa kiêu mạn, sẽ thiêu hủy tất cả thiện pháp. Thiện pháp tức là tất cả vô lượng thiện định. Các pháp niệm Phật đều từ tâm tướng sinh khởi gọi là tạng công đức.” Phật bảo A Nan: “Kinh này tên là Hệ Tướng Bất Động, còn có tên là Quán Phật Bạch Hào Tướng, nên như thế mà thọ trì, lại còn có tên là Nghịch Thuận Quán Như Lai Thân Phần, lại còn có tên là Phân Biệt Thân Như Lai Tỳng Lô Chân Lông, lại còn có tên là Quán Tam Thập Nhị Tướng Bát Thập Tùy Hình Hào Chư Trí

Tuệ Quang Minh, lại còn có tên là Quán Phật Tam Muội Hải, lại có tên là Niệm Phật Tam Muội Môn, lại có tên là Chư Phật Diệu Hoa Trang Nghiêm Sắc Thân Kinh. Ông nên khéo thọ trì cẩn thận đừng quên.” Lại như Tể Long Phẩm trong Đại Tập Kinh nói: *“Lúc bây giờ Sa Giả La Long Vương thỉnh Phật vào cung cúng dường, đức Phật nhận lời. Sau khi thọ trai xong, Đại Long Vương thỉnh Phật thuyết pháp, Khi ấy thái tử của Long Vương tên Hoa Diện đi đến trước Phật, cúi đầu đánh lễ, bùi ngùi sám hối bạch rằng không biết quá khứ đã tạo những ác nghiệp gì mà nay phải sinh vào loài rồng.”* Dùng kinh này làm chứng cứ, nên biết đây cũng là một phương pháp chí thành sám hối.

Trong tất cả kinh điển, đều có dẫn chứng những đoạn văn này, không thể ghi hết. Nay sao chép sơ lược từ ba bộ kinh để cho người đời sau xem thấy mà tu học, ngoài trừ những kẻ không tha thiết. Mọi người đều biết rõ đức Phật không bao giờ nói lời hư vọng. Mộc Hoạn Kinh nói: Lúc bây giờ, vua nước Nan Đà tên ba Lưu Ly sai sứ giả đến nơi đức Phật, đánh lễ dưới chân ngài xong bèn bạch rằng: *“Bạch đức Thế Tôn! Nước chúng con bé nhỏ, mọi năm thường bị giặc cướp, sinh hoạt mắc mớ, bệnh dịch lan tràn, nhân dân khốn khổ, con thường ăn ngủ không yên. Pháp tạng của đức Như Lai quảng đại thâm sâu, con bận rộn nhiều công vụ, không có thì giờ tu hành, xin nguyện đức Thế Tôn nhỏ lòng từ bi, dạy cho con pháp thiết yếu để con ngày đêm*

*dễ dàng tu hành. Trong đời mai sau lìa xa khổ
não.” Phật bảo sứ giả: “Ông về nói lại với nhà vua,
nếu muốn diệt trừ phiền não chướng, báo chướng,
nên ; làm một xâu chuỗi một trăm lẻ tám hạt, mang
theo bên mình, hoặc đi hoặc ngồi, hoặc nằm
thường phải chí tâm chuyên nhất, xưng niệm Phật,
Pháp, Tăng, hoặc niệm một chuỗi, nhân đến trăm
ngàn vạn. Nếu có thể thật lòng niệm đủ hai mươi
vạn chuỗi, thân tâm không loạn, sau khi mệnh
chung, sẽ được sanh về cõi trời Diệm Ma, y thực tự
nhiên, thường được an lạc, đoạn trừ một trăm lẻ
tám kiết phược. Ngược dòng sinh tử, quy hướng
Niết bàn, được quả Vô thượng.” Sứ giả về tâu lại,
nhà vua nghe xong lòng rất vui mừng, bèn từ xa
cúi đầu lễ tạ ơn Phật, bạch rằng: “Con xin dẫn lễ
phụng hành lời Phật dạy.” Bèn ra lệnh cho quần
thần chế tạo một ngàn xâu chuỗi hạt, phát cho lục
thần hoàng tộc mỗi người một xâu. Nhà vua
thường dùng chuỗi tụng niệm. Tuy bận việc triều
chánh, nhưng không bao giờ bỏ phé. Lại thường
suy ngẫm: “Lòng từ bi của đức Thế Tôn phổ cập
đến muôn loài. Nếu như việc tu tập của con chắc
chắn sẽ được thoát khỏi biển khổ triền miên, xin
đức Thế Tôn hiện thân thuyết pháp cho con nghe.”
Nhà vua ba ngày đêm không ăn không uống, đem
lòng chí thành khẩn thiết cầu xin, đức Phật cùng
các thánh chúng bèn hiện thân đến trong cung nói
pháp cho nhà vua. Đoạn kinh văn này chứng minh
rằng tâm của nhà vua chân thực, niệm niệm trừ
diệt được tội chướng, đức Phật biết tội của nhà vua*

đã được trừ diệt, bèn theo lời khẩn cầu hiện thân cho thấy.

Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn, một quyển. /.

Tập 3

PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT MAU ĐẾN TAM MUỘI



**Thích Phước Nghĩa sưu
tập**

I. Đôi lời bộc bạch.

Kính thưa quý độc giả;
Chúng tôi giống như bao nhiêu người bình thường, bởi những nhân duyên ràng buộc nên phải lăn lộn trong vòng thế tục. Dù vậy, chúng tôi lúc nào cũng ước mong được nôi bước các bậc tiên bối để tìm phương giải thoát. Mãi cho đến tuổi gần thất tuần

chúng tôi mới đủ thiện duyên trở thành người bán thế xuất gia. Trong lòng luôn mang nặng hoài bão trở về cội nguồn tâm linh, nên chúng tôi lúc nào cũng trăn trở tìm phương cách tu hành thích hợp cho hoàn cảnh riêng của mình. Nhận biết mình tuổi đã về chiều, tu muộn, nên sau khi thọ giới cụ túc chẳng bao lâu, chúng tôi liền kính bạch với giới sư được phép trở về tịnh thất để nỗ lực tu hành. Việc thỉnh cầu này được ngài từ bi hoan hỷ hứa khả. Từ đó hằng ngày chúng tôi đóng cửa, thúc liễm thân tâm, lễ lạy chư Phật, chư Bồ tát mười phương cùng chư hiền thánh nhân để cầu xin sám hối những tội nghiệp sâu nặng nhiều đời và ngay cả hiện đời. Chúng tôi thường xuyên đối trước tôn tượng đức Phật A Di Đà, niệm danh hiệu ngài, một lòng chí thành quán tưởng, cầu mong sao được thấy tướng hảo quang minh của ngài, cùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ tát và thế giới thù thắng Tây Phương Cực Lạc.

Biết rõ mình còn nghiệp chướng sâu nặng, sự tu học, hiểu biết còn kém cỏi và thô thiển; dù vậy vào năm 2007, chúng tôi đã cố gắng sưu tập làm thành một tập sách nhỏ chia xẻ cùng một số bạn đạo. Đó là phương pháp tu tập “*Chú tâm nhìn tôn tượng Phật A Di Đà trong khi niệm Phật, lạy sám hối nghiệp chướng trước tôn tượng đức Phật A Di Đà (Amitābha)*”. Mới đây chúng tôi hữu duyên đọc thêm được lời hướng dẫn pháp tu “Nhất Hạnh Tam Muội” trong quyển Vạn Thiện Đồng Quy Tập của

tổ Diên Thọ, Thích Minh Thành Việt dịch. Đồng thời chúng tôi cũng đọc được Sự Chứng Nghiệm Niệm Phật Tam Muội, trong chương Pháp Quán Tượng Phật A Di Đà của quyển Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, do Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cương Lương Gia Xá Hán dịch vào đời Lưu Tống, Hòa Thượng Thích Thiền Tâm dịch ra Việt ngữ, được Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 1986. Chúng tôi nhận thấy cách hành trì cùng sự chứng nghiệm của pháp tu trong tập sách nhỏ của mình trước kia có nhiều điểm tương đồng với lời hướng dẫn trong hai quyển sách này. Chúng tôi lại tiếp tục góp nhặt thêm những lời dạy của đức Bổn Sư Thích Ca cũng như của chư vị tổ sư và kết tập lại để tự thân ghi nhớ những lời vàng ngọc này. Tâm nguyện của chúng tôi là nếu hội đủ điều kiện thì chia xẻ tập sưu tập này đến quý bạn đồng tu cũng như pháp hữu duyên bốn phương. Nay tập sách này được thành hình, mong rằng nếu có ai đọc qua sẽ hiểu rõ ràng và phát khởi tín tâm tu hành để khi bỏ báo thân này sanh về cõi Cực Lạc.

Chúng ta nên hiểu rằng về mặt Sự, Niệm Phật Tam Muội⁹ là tên gọi khác của "Nhất Hạnh Tam Muội". Đặc biệt xin lưu ý: Khi thấy được hảo tướng và quang minh của đức Phật A Di Đà là chỉ mới đến cửa ngõ của Niệm Phật Tam Muội mà thôi. Hành

⁹ **Tam muội:** Phạn ngữ Samadhi, Hán phiên âm Tam-ma-đê, Hán dịch chánh định, nghĩa là an trụ tâm vào một chỗ, một cảnh. Người tu thực hành thiền định, trụ tâm vào một đối tượng Chánh pháp, không cho tán loạn, giữ gìn an tĩnh, trạng thái này gọi là Tam muội

giả cần phải tiếp tục gia công tu trì cho đến khi nào kiến hoặc, tư hoặc không còn làm ảnh hưởng tâm hành giả nữa. Giai đoạn này về mặt sự mới xem chúng được Niệm Phật Tam Muội (*theo HT Tịnh Không là tâm không còn chấp trước*). Đây còn được gọi là Sự Niệm Phật Nhất Tâm Bất Loạn (*theo kinh A Di Đà Yếu Giải của Ngài Linh Phong Ngẫu Ích Đại Sư soạn do Tuệ Nhuận dịch ra tiếng Việt, được nhà Hồng Đức xuất bản năm 2012*). Nếu bỏ việc công phu nửa đường hay giải đãi thì tâm sẽ không còn được định tĩnh, hành giả sẽ không còn được thấy hảo tướng và quang minh của đức Phật A Di Đà nữa. Nói cách khác là không được sự gia bị của đức Phật và chư thánh chúng nữa.

II - Lời dạy của đức Phật Thích Ca và trích giảng của tổ Diên Thọ và Thiện Đạo:

1) Lời dạy của đức Phật Thích Ca theo Tài Liệu Trích Dẫn 1 (TLTD1):

Trong kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa quyền hạ Ngài Văn Thù hỏi đức Phật: "*Làm sao nhanh chóng đạt được giác ngộ chân chánh*".

Đức Phật đáp: "*Có môn Nhất Hạnh Tam Muội giúp nhanh chóng đạt được đạo giác ngộ chân chánh. Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn vào Nhất Hạnh Tam Muội phải ở chỗ vắng vẻ, bỏ mọi*

ý tưởng tán loạn, chẳng nắm tướng mạo, buộc tâm nơi một đức Phật, thân trang nghiêm hướng về phía ấy, có thể niệm niệm nối tiếp nơi một đức Phật, tức là mỗi niệm thấy được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại".

2) Lời trích giảng của tổ Diên Thọ (TLTD 1).

"Muốn vào Nhất Hạnh Tam Muội cần phải ở nơi yên vắng, bỏ mọi loạn ý, chẳng chấp tướng mạo, buộc niệm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu, theo phương hướng của đức Phật ấy, mà ngòì ngay thẳng hướng về. Có thể ở nơi một đức Phật, niệm niệm tương tục, tức là ở trong tâm niệm được thấy chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại ngày đêm thường thuyết pháp, trí tuệ biện tài chẳng đoạn dứt.

Thế nên biết Phật lực khó nghĩ lường, diệu huyền không xét hết, như nam châm hút sắt, như nước chảy về sông. Do căn lực từ thiện nên thấy những việc như thế. Người chí tâm quy hướng thì linh cảm rõ ràng".*(tức là ở trong tâm niệm được thấy chư Phật quá khứ vị lai hiện tại ngày đêm thường thuyết pháp, trí tuệ biện tài chẳng đoạn dứt: đây là chân tâm Phật tánh hay ông Phật của chúng ta lưu lộ ra ngoài dưới các sinh hoạt hàng ngày như thấy, nghe, đi đứng, nói năng ăn uống, ngủ nghỉ . . .)*

3) Lời trích giảng của tổ Thiệu Đạo (TLTD 2).

Trong Văn Thù Bát Nhã Kinh, ngài Văn Thù bạch Phật: *"Thế nào gọi là Nhất Hạnh Tam Muội?"* Phật bảo: *"Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ở nơi tịch tĩnh, xả bỏ loạn tưởng, quay mặt về hướng đức Phật (mà mình quán tưởng), không quán tưởng hảo, chuyên xưng danh hiệu, niệm niệm không gián đoạn thì có thể trong lúc niệm Phật thấy chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai".*

Đoạn văn này chứng minh rằng do lòng đại bi của tất cả chư Phật gia bị khiến hành giả được thấy Phật. Đây cũng gọi là tăng thượng duyên Tam Muội khiến phàm phu được thấy Phật.

4) Lời dạy của đức Phật Thích Ca về chứng nghiệm Niệm Phật Tam Muội:

"Những tướng hảo, quang minh cùng Hóa Phật đó vô cùng nói không kể xiết. Hành giả chỉ nên thành kính nhớ tưởng, khiến cho tâm nhãn được thấy. Thấy được tướng này tất thấy tất cả chư Phật mười phương. Vì thấy chư Phật nên gọi là Niệm Phật Tam Muội".

III. Lời dạy của đức Phật, Chư tổ và các bậc thạc đức về pháp môn TRÌ DANH NIỆM PHẬT:

1) So sánh các pháp tu để đạt "Niệm Phật Tam Muội".

Dưới đây là bảng tóm lược các điểm tương đồng giữa pháp tu "Chú tâm nhìn Phật trong khi niệm Phật, lạy Phật" với các pháp tu khác.

Niệm Phật Viên Thông của Bồ tát Đại Thế Chí	Nhất Hạnh Tam Muội	Chú tâm nhìn Phật trong khi niệm Phật, lạy Phật. .
* Nhớ Phật, niệm Phật	* Thân trang nghiêm hướng về đức Phật, Buộc tâm vào đức Phật đó	* Chú tâm nhìn Phật trong khi niệm Phật, lạy Phật
** Thu nhiếp lục căn	** Bỏ mọi ý tưởng tán loạn	** Trong lúc niệm Phật luôn theo dõi tâm không cho chạy theo vọng niệm
*** Tịnh niệm tương kế	*** Niệm niệm nối tiếp nơi một đức Phật	*** Chuyên chấp trì hồng danh A Di Đà Phật (Amitābha), cầu sanh về cõi Cực Lạc.
**** Tự đắc tâm khai, bất dụng phương tiện (khác).	**** Trong lúc niệm Phật thấy được chư Phật quá	**** Trong lúc niệm Phật thấy được hảo tướng, quang minh của

Niệm Phật hiện đời tương lai ắt kiến Phật.	khứ , hiện tại, vị lai (tức tâm nhãn đã mở)	Phật A Di Đà (tức tâm nhãn đã mở mà không cần qua các pháp tu khác như trì chú, tụng kinh hay quán tượng Phật v v)
--------------------------------------------	---------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Cước chú: Những lời dạy có cùng cách đánh dấu (*, **, ***, ****) tương đồng nhau.

Nếu xét đến 3 bậc vãng sanh Cực Lạc trong kinh Vô Lượng Thọ thì thấy hành giả muốn sinh về một trong ba bậc cần phải có hai điều kiện chánh:

- Phát tâm Vô Thượng Bồ Đề: tức là phải có tâm tin sâu, nguyện thiết cầu sanh về Cực Lạc (kinh A Di Đà Yếu Giải của Ngài Linh Phong Ngẫu Ích Đại Sư soạn)
- Chuyên tâm niệm hồng danh A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc tức là nhất hướng chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật (Amitābha).

Như vậy pháp tu "Chú tâm nhìn Phật trong lúc niệm Phật, lạy Phật." gồm đầy đủ các lời dạy trong các pháp tu kể trên. Giờ đây quý hành giả nên vững tâm tu tập pháp môn này.

2) Nên chọn đức Phật nào?

Nên chọn đức Phật A Di Đà (Amitābha) vì:

i) Trong lúc còn hành trì Bồ tát đạo Ngài có bốn nguyện thâm trọng sau 5 kiếp tư duy được ghi trong kinh Vô Lượng Thọ như sau:

"Chẳng kể là thiện hay ác, chẳng quản trì giới hay phá giới, chẳng tính tại gia hay xuất gia, chẳng luận có trí hay không trí, chỉ phát tâm đại bi bình đẳng (cứu độ cho họ). Nay Ngài đã thành Phật, cho nên trụ vào tâm tha lực (tức nguyện lực của Phật A Di Đà) mà niệm Phật thì chỉ trong khoảnh khắc đã được dự vào sự lai nghinh của đức Phật A Di Đà".(Lời dạy số 10 trong Niệm Phật Tông Yếu của Ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân)

ii) Trong 48 đại nguyện của Ngài, có đại nguyện thứ 18. *"Khi lâm chung bất cứ chúng sanh nào chỉ cần chí tâm niệm được mười niệm danh hiệu của Ngài, Ngài sẽ đến tiếp dẫn về cõi Cực Lạc. Thậm chí chỉ có thể chí tâm niệm một niệm danh hiệu Ngài không xen tạp niệm khác trước khi dứt hơi, Ngài cũng đến tiếp dẫn". (Kinh Vô Lượng Thọ).*

iii) Hoàn cảnh cư trú, nếp sinh hoạt hàng ngày, việc tu học v v tất cả đều là những thắng duyên giúp hành giả ở cõi Tây Phương Cực Lạc tu hành tấn phát không bị lui sụt như tu ở cõi Phật khác.

iv) Được sanh về Tây Phương Cực Lạc hành giả được dự ngay vào Vị Bất Thối (ở các cõi Phật khác hay tu các pháp môn khác không được như thế) và được sống gần các bậc thượng thiện nhân.

v) Với thọ mạng vô lượng cộng thêm sự gia trì của đức Phật A Di Đà cho đến lúc hành giả có khả năng tự lập (đệ thất địa Bồ tát) và thêm sự tiếp trợ, dạy dỗ của các bậc thượng thiện nhân cho nên hành giả vãng sanh về Cực Lạc chỉ cần tu một đời là thành Phật không cần phải trải qua 3 đại a tăng kỳ kiếp như tu tập các pháp môn khác.

3) Sự chứng nghiệm Niệm Phật Tam Muội.

Pháp thân chư Phật chu biến khắp mười phương, không có hình tướng, tùy duyên mà thị hiện để cứu độ chúng sanh như hiện ra sông núi cây cỏ chúng sanh trong sáu đường, chư Phật Bồ tát (*kinh Địa Tạng Bồ Tát - Phẩm thứ 2*). Do cảm ứng đạo giao và tâm đại từ bi, các Ngài ứng hiện trong tâm các hành giả niệm Phật dưới các hình thức như hảo tướng, quang minh v v . . . để khuyến tấn các hành giả kiên cố tu hành. Tuy vậy chúng ta cũng đừng quá chấp chặt các tướng này, chỉ xem chúng như là ngọn hải đăng đặt tại cửa biển (để báo trước Nơi Đến). Điều cốt yếu là cố làm sao giữ tâm được tự tại trước mọi thử thách, cám dỗ của cuộc đời bằng cách giữ chặt câu hồng danh A Di Đà Phật.

i) Hảo tướng:

Theo đại sư Từ Vân trong Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Sớ (TLTD 8) hảo tướng có 2 thứ:

* **Tướng gia bị hay gia trì:** Tướng này thỉnh thoảng xuất hiện chỉ tâm nhãn của hành giả mới “thấy” được, người ngoài không thấy. Tướng này xuất hiện lâu hay mau tùy theo tâm hành giả thanh tịnh (định) dài hay ngắn. Theo kinh nghiệm hành giả đang ngồi niệm Phật bỗng “thấy” bức ảnh Phật đang nhìn (để niệm Phật) sáng rực lên, có hào quang sáng bao quanh. Hiện tượng này lúc ban đầu xảy ra rất ngắn, về sau khi tâm được thanh tịnh lâu thì hiện tượng này kéo dài thêm.

***Tướng thiện căn** (hay chính là ông Phật của chính mình) Hành giả ít khi "gặp" tướng này, khi xuất hiện thì xảy ra chớp nhoáng rồi biến mất. Theo ngài Từ Vân trong đời tu hành của hành giả chỉ gặp tướng này đôi ba lần mà thôi. Theo kinh nghiệm chúng tôi đang ngồi niệm Phật bỗng ‘thấy’ một tượng Phật (giống hệt và có kích thước bằng với bức ảnh Phật đang nhìn) hiện ra trước mặt chúng tôi cách độ 1 thước, trong chớp nhoáng rồi biến mất. Độ 3 năm sau chúng tôi cũng đang niệm Phật bỗng "thấy" bức ảnh đang nhìn vụt cao lên gần đưng trần nhà, chớp nhoáng biến mất. Từ đó đến nay đã hơn mười năm chúng tôi chưa thấy lại lần nào nữa. Nếu ước tính theo thời gian và chu kỳ xuất hiện như ngài Từ Vân mô tả có thể đây là

tướng thiện căn chẳng? Ngài Từ Vân cũng cảnh giác chúng ta nếu loại tướng này thường xuyên xuất hiện và kéo dài lâu coi chừng ‘ma’ hiện dẫn dụ, tốt hơn là hành giả đừng chấp vào nó. (*như vui mừng, sợ hãi, trông đợi v v*).

(ii) Quang minh của đức Phật:

Quang Minh của đức Phật gồm nhiều ánh sáng, màu sắc khác nhau hợp thành: xanh, vàng, lục, lam, ngọc thạch v v. Tùy theo cơ cảm, hành giả sẽ thấy được ánh sáng thích hợp với căn cơ của mình.

* **Hào quang sắc trắng:** thường xuất hiện bao quanh tướng gia bị như mô tả ở trên. Như chúng ta biết hào quang sắc trắng là tổng hợp các hào quang xanh vàng, lục, chàm, tím, cực tím, các tia hồng ngoại v v. . .

* **Hào quang sắc vàng y:** Thường xuất hiện bao phủ một phần hay toàn bộ bức ảnh Phật có màu lọt lọt, lốm đốm hay dày đặc tùy thuộc vào tâm thanh tịnh của hành giả. Nếu tâm ít xao động hành giả có thể thấy một phần ánh sắc vàng bao phủ phần trên bức ảnh, hoặc ánh vàng che phủ toàn thể bức ảnh nhưng màu lọt lọt hoặc bị loang lổ (lốm đốm). Nếu tâm thanh tịnh màu vàng phủ toàn bộ bức ảnh, có màu vàng y dày đặc. Khi tâm hành giả hoàn toàn chạy theo vọng niệm thì ánh vàng này biến mất, chỉ xuất hiện lại khi tâm trở lại thanh tịnh.

Theo các đại sư Tây Tạng (TLTD 10, 11) ánh sáng sắc vàng này là hào quang trí huệ của đức Phật A Di Đà và của chư Phật mười phương phóng xuống để thu nhiếp người niệm Phật. Trong kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật, phép quán thứ 9 cũng có nói: “*những tia sáng ấy (quang minh của Phật) soi khắp các cõi nước mười phương thu nhiếp không rời tất cả chúng sanh niệm Phật*” (Chúng tôi có kèm thêm sự phóng quang tiếp độ chúng sanh của chư Phật và các loại ánh sáng của các đạo trời, người, a tu la ở phần cuối bài).

Như vậy, muốn tâm nhãn luôn thấy được ánh sáng sắc vàng y này (*ta nên y theo lời dạy của đức Phật trong Chứng Nghiệm Niệm Phật Tam Muội: hành giả chỉ nên thành kính nhớ tưởng khiến cho tâm nhãn được thấy . . .*), hành giả phải có tâm thanh tịnh tức là luôn chú tâm nhìn Phật và niệm hồng danh A Di Đà Phật (*tức là tịnh niệm tương kế hay niệm niệm nối tiếp*). . Do đó tâm hành giả sẽ dần đạt đến Nhất Tâm Niệm Phật hay còn gọi là Nhất Niệm. Khi đạt nhất niệm, xúc chạm nơi nào làm điều chi hành giả cũng đều ở trong sự Thấy Biết Chân Chánh (Bồ đề) như bài kệ Ngộ Lý của người xưa sau đây:

*Tịnh độ châu sa giới
Vân hà độc lễ Tây?
Đản năng hồi Nhất Niệm
Xuất xứ thị Bồ Đề*

Kính xin diễn nghĩa như sau:

*Tịnh Độ như hằng sa
Sao chuyên lay Di Đà?
Nếu quy về Một Niệm
Bồ đề chẳng đâu xa.*

Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cương Lương Gia Xá dạy (TLTD 7): Vì chư Phật đồng một pháp thân, các tướng không ngoài bản thể (chân tâm) mà có, nên nói “*thấy được tướng này tức thấy tất cả chư Phật mười phương*”. Các pháp đều duy tâm, thân là tướng của tâm, nên thấy tướng Phật cũng là thấy tâm Phật. Tất cả đều duy tâm, chỉ là một thể Đại Từ Bi, nên gọi “*tâm Phật là tâm đại từ bi*”.

(Chúng ta có thể nghiệm: “*Thấy chư Phật cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai*” tức là trực nhận ra cái tâm đại từ bi này của chư Phật (cũng là chính là chơn tâm Phật tánh của chúng ta) do nhờ sự thấy hảo tướng, quang minh của đức Phật chứ không phải thấy hình tướng của chư Phật).

4) Cách thức niệm Phật:

- Nhìn chăm chú tượng hay ảnh Phật trong khi niệm Phật, lay Phật.
- Niệm sáu chữ NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT hay bốn chữ A DI ĐÀ PHẬT. Niệm 6 chữ để

tỏ lòng cung kính Phật trong lúc lễ lạy Phật. Niệm 4 chữ sau khi đã lễ lạy xong rồi ngồi xuống niệm Phật.

- Niệm lớn tiếng trị được tâm tán loạn, ngủ gục, nhưng hao hơi không niệm được nhiều.
- Niệm thầm dùng ý tưởng niệm danh hiệu Phật nhưng phải nghe rõ ràng từng tiếng trong tâm. Niệm thầm tâm mau định nhưng dễ bị ngủ gục, không niệm mau được.
- Kim cang trì (niệm se sẻ) không mệt, niệm được nhiều.

Tùy theo tình trạng của tâm hành giả tán loạn hôn trầm hay mệt mỏi mà áp dụng niệm lớn tiếng, niệm thầm hay kim cang trì.

Trong 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi: thế ngồi niệm Phật là thích hợp nhất.

i) Thế nào là niệm Phật một cách chân thật?

Ngài Đạo Nguyên (Tài Liệu Trích Dẫn 9 (TLTD 9)) dạy:

* Phải niệm câu Phật hiệu từng chữ rõ ràng (miệng niệm rõ ràng, tai lắng nghe rõ ràng, tâm duyên theo tiếng niệm Phật).

* Mỗi câu Phật hiệu đều phải từ trong tâm thành kính, khẩn thiết nhất mà niệm ra. Như thế mới xem

là CHÂN THẬT, mới coi là DỤNG CÔNG, mới có hy vọng vượt thoát sanh tử.

* Niệm Phật thường ngày phải liên tục (không được ngày có ngày không)

* Phải ngồi niệm thì thích hợp nhất.

* Phải dùng chuỗi nhẹ để lần cho nhanh.

* Phải niệm 4 chữ (A DI ĐÀ PHẬT) thì mới niệm danh hiệu nhiều hơn khi niệm 6 chữ (NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT).

* Phải niệm theo lời kim cương trì (se sẽ động môi) thì thích hợp nhất, tuy có thể niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng.

ii) Thập niệm ký số (TLTD 9):

Tổ Ấn Quang dạy: Niệm Phật khó quy nhất, phải nhiếp tâm niệm kỹ. *Phép nhiếp tâm không gì hơn chí thành, tha thiết.* Nếu không chí thành mà muốn quy nhất ấy là điều rất khó.

Nhiếp tâm niệm Phật là con đường quyết định không thay đổi. Phương pháp nhiếp tâm chỉ có NGHE LẠI là bậc nhất. Không luận là niệm thầm hay niệm ra tiếng đều phải niệm khởi từ tâm, tiếng ra từ miệng rành rõ, rồi lại vào tai nghe rõ ràng. Tâm và miệng rành rẽ, tai nghe rõ ràng, nhiếp tâm như thế vọng niệm sẽ tự dứt... Nếu làn sóng vọng tưởng dâng trào quá mạnh nên dùng phép THẬP NIỆM KÝ SỐ như sau:

Khi niệm Phật phải ghi nhớ rành rõ từ một đến mười câu, hết mười câu liền trở lại một, cứ thế mà xoay vần mãi. Nhưng phải niệm trong vòng mười câu mà thôi, không được hai hoặc ba mươi câu, không được dùng chuỗi, chỉ dùng tâm ghi nhớ. Nếu niệm luôn một mạch mười câu thấy khó thì phân làm hai hơi, từ một đến năm, từ sáu đến mười.

Lưu ý: Niệm rõ ràng, nhớ rõ ràng và nghe phải rõ ràng vọng niệm mới không xen vào được. Dùng pháp này lâu sẽ nhất tâm. Chỉ những khi nào làm việc hoặc khó ký số nên khẩn thiết niệm suông, đợi lúc xong việc lại nhiếp tâm ký số.

iii) Cách niệm Phật của chúng tôi:

* Mắt chăm chú nhìn ảnh Phật A Di Đà

* Thở vào: Bụng từ từ phình ra để hít không khí từ từ vào 2 buồng phổi đồng thời niệm se se A DI ĐÀ PHẬT đến thềm một, A DI ĐÀ PHẬT đếm 2, niệm đến câu số 5 thì hai buồng phổi đã đầy không khí.

* Thở ra: Thóp bụng vào từ từ để đẩy không khí ra, đồng thời niệm A DI ĐÀ PHẬT đếm thềm sáu, A DI ĐÀ PHẬT 7 đến câu số 10 thì hai buồng phổi đã xẹp hết không khí.

* Đoạn tay lần 1 hạt chuỗi.

Như vậy một hơi thở vào ra ta niệm được 10 danh hiệu mà không mệt, tâm lại an tịnh. Cứ niệm tiếp tục như vậy ta có thể niệm đủ số niệm đã phát nguyện (niệm công cứ).

iv) Thế nào là TRÌ SÂU DANH HIỆU?

Lời dạy số 17, 29 trong Niệm Phật Tông Yếu của ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân giúp hành giả thêm tín tâm và trì sâu danh hiệu Phật hơn.

Lời dạy 17: Tất cả căn cơ tùy theo thiên tính mà niệm Phật để vãng sanh.

- Người trí lấy trí niệm Phật để vãng sanh
- Người lao động dùng lòng thành niệm Phật để vãng sanh.
- Người tà kiến cũng niệm Phật để vãng sanh.
- Hàng phú quý, kẻ nghèo khó, kẻ tham lam, kẻ nóng tánh, bậc từ bi, hạng không từ bi . . . do bốn nguyện không thể nghĩ bàn của đức Phật A Di Đà hễ niệm Phật đều được vãng sanh Cực Lạc.

Lời dạy 29: Không cần đề ý vọng niệm tán loạn mà chỉ CHUYÊN CẦN XỪNG DANH HIỆU. Nếu thường xưng danh hiệu, do công đức Phật danh, vọng niệm tự dừng, tán loạn tự yên, tam nghiệp thân, khẩu, ý tự điều hòa, nguyện tâm tự phát. Bởi thế:

- Khi nguyện tâm còn yếu cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
- Khi tán loạn nhiều cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
- Khi vọng niệm sinh khởi cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
- Khi thiện tâm sanh cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
- Khi bất tịnh (vui, buồn, thương, giận, ghét, muồn . . .) cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
- Khi thanh tịnh cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
- Khi tam tâm¹⁰ còn thiếu kém cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
- Khi tam tâm đầy đủ cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
- Khi tam tâm thành tựu cũng NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Đây là phương tiện chắc chắn để vãng sanh, nên ghi khắc trong tâm cang chớ quên.

v) Lạy sám hối nghiệp chướng

***Kinh Đại Tập:**

+ *Chiếc áo dơ bẩn cả trăm năm trong một ngày giặt giữ được sạch sẽ. Cũng vậy trong trăm kiếp*

¹⁰ Tam tâm gồm: Chí thành tâm, Thâm tâm, Hồi hướng phát nguyện tâm

tích tập những nghiệp bất thiện, do pháp lực của Phật nên khéo léo thuận theo tư duy, có thể trong một ngày một lúc đều tan hết.

Và

+ Trong các loại phước, sám hối là tốt hơn hết, vì hay phá trừ đại chướng ngại, đạt được điều lành lớn.

***Tổ Ân Quang dạy:**

+ Khi lễ lạy Phật tâm cung kính chỉ thành một phần, thì tội giảm một phần, được phước đức một phần, cung kính được 10 phần thì tội giảm mười phần, được mười phần phước đức.

***Theo đại sư Từ Vân:**

Trong các pháp tụng kinh, trì chú, lạy Phật . . . chỉ có phép "Lạy sám hối nghiệp chướng trước đức Phật A Di Đà là mau làm sạch tội, tâm mau được an tịnh.

*Trước khi lạy sám hối nên **PHÁT NGUYỆN** như sau:

* Nguyện đức Phật A DI ĐÀ chứng minh và gia hộ cho đệ tử (tên. . . , pháp danh. . .) lạy sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng mà vì vô minh con đã gây tạo từ nhiều kiếp đến nay, nguyện không tái phạm.

+Nguyện đức Phật A DI ĐÀ từ bi gia hộ cho đệ tử được vãng sanh Cực Lạc để thành tựu đạo nghiệp hầu quay lại cõi Ta Bà cứu độ muôn loài

Phát nguyện xong, bắt đầu đọc:

* Nam Mô A DI ĐÀ PHẬT, nguyện sanh về Cực lạc (lạy xuống 1 lạy đếm 1)

* Nam Mô A DI ĐÀ PHẬT, nguyện sanh về Cực lạc (lạy xuống 1 lạy đếm 2)

Cứ tiếp tục lạy và nguyện như thế cho đến khi đếm đủ số đã phát nguyện lạy.

Hàng ngày, cứ theo thời khóa đã định, chúng ta niệm Phật, lạy sám hối như trên nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, màn vô minh tan dần, ta sẽ cảm ứng được hảo tướng quang minh của đức Phật A Di Đà, như thiền sư Diệu Khẩu đã dạy trong Niệm Phật Trục Chi (TLTD 5).

"Khi thấy hảo tướng Phật thì biết là tội đã diệt, duyên đã sâu, sẽ được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc".

IV. PHẦN THỰC HÀNH (công phu)

Chúng ta nên luôn ghi nhớ lời dạy của Tổ Ngẫu Ích Đại Sư trong Kinh A Di Đà Yếu Giải:

“Được vãng sanh Cực Lạc hay không tùy theo hành giả có TIN SÂU, NGUYỆN THA THIẾT hay không. Được sanh ở phẩm vị cao thấp tùy thuộc vào việc trì danh sâu hay cạn của hành giả.”

A) Thế nào là tin sâu? Tin sâu là:

* Tin mình có Phật tánh nên có khả năng thành Phật như chư Phật. Hiện tại vì mê muội nên ta còn là phàm phu.

* Tin Phật Thích Ca và chư Phật mười phương không nói dối. Lời dạy của quý Ngài rất chơn thật: thật có cõi Cực Lạc, 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà không hứa hẹn suông.

* Tin sâu nhân quả: gieo nhân nào gặt quả đó. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Cực Lạc (nhân) ắt sẽ được vãng sanh Cực Lạc và chắc chắn thành Phật (quả).

* Tin lời dạy của Tổ Thiện Đạo và của chư tổ Tông Tịnh Độ về pháp môn Tịnh Độ, vì Quý Ngài đã chứng nghiệm và từ bi truyền dạy lại cho chúng ta.

B) Thế nào là nguyện tha thiết? Nguyện tha thiết như là:

* Ước muốn và nhất quyết sanh về cõi Cực Lạc của đức A Di Đà, ta nhất định giao phó pháp thân, huệ mạng của ta cho Ngài (Ngài Pháp Nhiên dạy: *Niệm Phật là việc của chúng ta, vãng sanh Cực lạc là việc của đức Phật lo*)

* Niệm Phật tha thiết giống như người đang bị đắm thuyền giữa biển (dụ cho biển khổ), ra sức kêu cứu (dụ cho Niệm Phật) để thoát nạn chết đắm (sanh về Cực Lạc).

* Có lòng mong mỏi được sanh về Cực Lạc như người đang bị cảnh tù tội (*ví như đang bị giam*

trong nhà lửa cõi Ta Bà) mong muốn mau được thoát cảnh tù tội (ví như được sanh về sống an bình ở Cực Lạc).

Sau khi đã rõ các điều kiện để vãng sanh Cực Lạc của đức Phật A Di Đà; muốn vãng sanh chúng ta phải thực hành như thế nào để thỏa mãn các điều kiện đó. Cách thực hành đó gọi là công phu. Mỗi thời công phu gồm có 5 phần:

1)Khẩn nguyện: Thấp hương quỳ xuống, chấp tay trước ngực, chú tâm nhìn ảnh Phật A Di Đà, nguyện như sau (*bài nguyện này của Bồ Tát Đại Từ*):

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT nguyện đức Phật từ bi gia hộ cho đệ tử thân tâm được an tịnh. (xá 1 xá rồi đọc tiếp)

*Phật mười phương ba đời
A Di Đà bậc nhất
Chín phẩm độ chúng sanh
Oai đức không cùng cực
Con nay đại quy y
Sám hối tội ba nghiệp
Phàm được bao phước thiện
Chỉ tâm nguyện hồi hướng
Nguyện chúng bạn đồng tu
Cảm ứng theo thời hiện
Khi lâm chung cảnh Phật*

*Hiện trước mắt rõ ràng
Kẻ thấy nghe tinh tấn
Đều sanh về Cực Lạc
Thấy Phật khỏi sanh tử
Như Phật độ muôn loài*

(xong đứng lên, chắp tay trước ngực, nhìn Phật, đọc)

* Nam Mô A DI ĐÀ PHẬT, nguyện sanh về Cực Lạc (lạy 1 lạy)
(lạy 3 lạy như vậy).

2) Lạy sám hối nghiệp chướng: Như ghi ở trên hay tụng kinh A Di Đà (*mỗi ngày nên có 1 thời khóa tụng kinh A Di Đà*).

3) Niệm Phật: Áp dụng các lời dạy ghi ở phần cách niệm Phật tùy theo sở thích của mình.

4) Phát nguyện - Hồi hướng:

• **Phát nguyện:**

* Nếu không nhớ được nhiều thì vẫn tắt như sau:

*Hôm nay, ngày. . . tháng. . . năm . . . đệ tử . . .
nguyện đem công đức niệm Phật, lạy sám hối,
tụng kinh hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc để
cầu vãng sanh, để trên thành Phật, dưới cứu độ
muôn loài. Nam Mô A DI ĐÀ PHẬT, nguyện
sanh về Cực Lạc (Lạy 3 lạy)*

* Nếu có khả năng thì đọc bài phát nguyện đầy đủ ý nghĩa và có nhiều linh cảm của Tổ Thiện Đạo.

Đệ tử . . . hiện là phàm phu, trong vòng sanh tử, tội chướng sâu nặng, luân chuyển sáu đường, khổ không nói được. Nay gặp tri thức, được nghe danh hiệu, bốn nguyện công đức của Phật A DI ĐÀ một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh. Nguyện Phật từ bi, xót thương chẳng bỏ, phóng quang nhiếp thọ. Đệ tử chúng con, chưa biết thân Phật, tướng tốt quang minh. Nguyện Phật thị hiện cho con được thấy, lại thấy tướng mẫu Quán Âm, Thế Chí, các chúng Bồ tát và thế giới kia, thanh tịnh trang nghiêm, vẻ đẹp quang minh xin đều thấy rõ.

*Con nguyện lâm chung không chướng ngại,
A Di Đà Phật đến rước từ xa
Quán Âm cam lộ rưới nơi đầu
Thế Chí kim đài trao đỡ gót
Trong một sát na lìa ngũ trược
Khoảng tay co duỗi đến liên trì
Khi hoa sen nở thấy từ tôn
Nghe tiếng pháp sâu lòng sáng tỏ
Nghe xong liền ngộ vô sanh nhẫn
Không rời An Dưỡng lại Ta Bà
Khéo đem phương tiện lợi quần sanh
Hay lấy trần lao làm Phật sự
Con nguyện như thế Phật chứng tri*

Kết cuộc về sau được thành tựu.

Nam Mô A DI ĐÀ PHẬT, nguyện sanh về Cực Lạc (lạy 3 lạy như vậy)

- **Hồi hướng:**

Vấn quỳ, chắp tay trước ngực đọc: Con nguyện đem công đức lạy Phật sám hối, niệm Phật . . . hồi hướng về cõi Tây Phương trước để trang nghiêm cõi Cực Lạc, để cầu cho Phật đạo huy hoàng, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, mưa thuận gió hòa, mùa màng thịnh vượng.

Thứ, cầu cho nghiệp chướng, phiền não chướng của con sớm được tiêu trừ, căn lành tăng trưởng, tín tâm sâu dày.

Thứ, cầu an cho (tên. . . tuổi . . .) tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ.

Thứ, cầu siêu cho chư hương linh cứu huyền thất tổ nội ngoại nhiều đời của con (nếu có: tên . . . tuổi . . .), các chiến sĩ trận vong, đồng bào tử nạn, thập loại cô hồn, oan gia trái chủ nhiều đời của con, các oan hồn yêu tử, hoạnh tử không nơi nương tựa, các nạn nhân thiệt mạng trong các thiên tai địa ách, trong các tai nạn giao thông, trong các cuộc chiến tranh khủng bố, các vị khuất mặt đã và đang hỗ trợ việc tu hành của con, tất cả đều được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc hay siêu thoát về các cõi nước an bình.

Phổ nguyện âm siêu dương thới, pháp giới chúng sanh, tình dữ vô tình tề thành Phật đạo.

Nam Mô A DI ĐÀ PHẬT (xá xuống rồi đứng lên, chấp tay hướng về Phật đọc).

5) Tự quy y:

**Tự quy y Phật xin nguyện chúng sanh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng (lạy xuống 1 lạy)*

** Tự quy Pháp xin nguyện chúng sanh, thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển (lạy xuống 1 lạy)*

**Tự quy y Tăng xin nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, hết thấy không ngại (lạy xuống 1 lạy).*

*Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều được sanh về Cực Lạc*

Nam Mô A DI ĐÀ PHẬT (xá 1 xá rồi lui ra)

Mỗi ngày tùy theo giờ giấc thuận tiện nên chia làm 2, 3 thời khóa để công phu. Bắt đầu mỗi thời khóa nếu có thể lạy sám hối thì rất tốt thì tâm mau an tịnh, sớm được cảm ứng với Phật. Tóm lại muốn việc tu tập của chúng ta mau đạt được kết quả chúng tôi xin mượn lời dạy của đại sư Văn Giác để kết thúc bài viết này. Đại sư

Văn Giác (TLTD 9) dạy ba điều trọng yếu hàng ngày:

Thứ nhất: Nói chuyện ít, niệm Phật nhiều. Việc muốn làm thì nhanh chóng làm cho xong. Việc nên dặn dò thì sớm phải dặn dò. Đừng lưu luyến sự giàu sang ở thế gian, chớ ham điều vui sướng trên cõi trời. Việc làm lành, khuyến hóa người phát khởi lòng tin tùy phận tùy sức mà làm. Chủ yếu ở chỗ niệm Phật cầu sinh Tây Phương Cực Lạc, thấy Phật nghe pháp.

Thứ hai: Làm chủ chính mình, không nghe người khác mà thay đổi, chẳng theo chân người mà dòi bước. Tình người qua lại có thể giảm bớt, không cần chiều ý người. Tuổi già thời gian có hạn, chớ có để qua suông. Trong lòng còn nghi ngờ về đạo liền hỏi cho rõ ràng, không thể mơ hồ mà làm lạc.

Thứ ba: Luôn luôn hỏi lại chính mình: “Phật A Di Đà có ở trong lòng không? Tượng Phật có ở trước mắt không? Đi đứng nằm ngồi đều niệm Phật chẳng? Lúc bận rộn hay rảnh rang đều chẳng quên hay không?”

Nói chung, công đức của việc làm lành, tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tĩnh tọa, lễ bái đều hồi hướng: "Hiện tại gia quyến bình an, tương lai trang nghiêm Tịnh Độ, cầu nguyện lúc lâm

chung biết trước ngày giờ, tâm không điên đảo và được Phật tiếp dẫn".

Chúng ta thời nay vì nghiệp chướng sâu dày lại bị hoàn cảnh vật chất câu thúc nên việc hạ thủ công phu chắc không thể nào bằng được các bậc tiền bối, cao tăng, thạc đức ngày xưa. Nhưng thiết nghĩ với đại nguyện của đức Phật A Di Đà và với lòng thành khẩn quyết tâm của chúng ta, sự hành trì nhiều ít gì cũng đều được ngài gia hộ. Vậy chúng ta còn nghi ngờ, chần chờ gì mà không cố gắng tinh tấn hơn lên. Hành trình về Tịnh Độ là từng bước đi tới. Hỡi những các bạn tu! Xin đừng ngần ngại nữa, hãy nguyện một lòng, chúng ta đồng quyết trở về quê hương mà đức từ phụ đang mong đợi. Tập sách này nếu có gì còn thiếu sót kính mong các bậc cao minh, trí giả thương tình từ bi chỉ dạy và bổ khuyết thêm cho, xin kính bái tạ thâm ân. Nguyện đem công đức nếu có này xin hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sanh đều sanh về cõi Cực Lạc.

Melbourne, ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Cần bút,

Thích Phước Nghĩa

IV. TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

Để có thêm sự hiểu biết về sự vãng sanh các cõi Phật, các cõi trong sáu đường luân hồi: trời,

người, A tu la, súc sanh, nga quý, địa ngục, chúng tôi xin ghi lại đây một số chi tiết được trích dẫn từ Tứ Thư Tây Tạng để quý độc giả tìm hiểu thêm.

Theo các đại sư Tây Tạng (TLTK 10, 11) nói chung mỗi đức Phật phóng hào quang màu sắc riêng biệt, rất mãnh liệt (*sáng chói lợi làm khó chịu các thân trung ấm không có cơ cảm với hào quang đó*). Hào quang này tiếp dẫn các thân trung ấm (*thần thức của người vừa chết*). Nếu thân trung ấm nào đủ công đức và có cơ cảm với vị Phật nào thì thân trung ấm đó sẽ can đảm, thích đi vào vùng ánh sáng chói lợi của vị Phật đó và được vị Phật đó rước về cõi Tịnh Độ của Ngài. Đặc biệt đức Phật A Di Đà phóng hào quang đỏ chói lợi để tiếp dẫn những thân trung ấm nào đã lỡ mất dịp đi vào các cõi Phật khác. Nếu họ dám đi vào vùng hào quang đỏ rực rỡ của Ngài thì Ngài sẽ tiếp dẫn họ. Nhưng phần lớn vì bị nghiệp lực ngăn che, đa số các thân trung ấm không dám đi vào các vùng ánh sáng chói chang của chư Phật; trái lại họ thích vào những vùng có ánh sáng êm dịu, dễ chịu hơn của lục đạo. Tùy theo nghiệp cảm của thân trung ấm với đạo nào thì ánh sáng của đạo đó sáng lên, dịu dàng hơn, dễ chịu hơn để thu hút thân trung ấm đi vào đạo đó để gánh chịu quả báo trong đạo đó. Sau đây là ánh sáng của các đạo:

- * Ánh sáng của đạo trời thì
HỒI TRẮNG
- * Ánh sáng của đạo người thì
HỒI VÀNG
- * Ánh sáng của đạo A tu la thì
HỒI LỤC
- * Ánh sáng của đạo súc sanh thì
HỒI XANH
- * Ánh sáng của đạo ngạ quỷ thì
HỒI ĐỎ
- * Ánh sáng của đạo địa ngục thì như
KHÓI ĐEN

IV. TÀI LIỆU TRÍCH DẪN (TLTD):

1. Vạn Thiện Đồng Quy Tập: Thiền Sư Vĩnh Minh, Thích Minh Thành Việt dịch, nhà xuất bản Tôn Giáo ấn tống.
2. Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn Tỳ Kheo Thiện Đạo Tập Ký, trích trong phụ lục Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của Thiền Đạo Tỳ Kheo, Thích Pháp Chánh Việt dịch.
3. Kinh Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại Sư, Tuệ Nhuận Việt dịch, nhà xuất bản Hồng Đức 2012 ấn tống.
4. Kinh Vô Lượng Thọ: Bản hội tập của Ngài Hạ Liên Cư , Hòa Thượng Thích Đức Niệm Việt dịch, nhà xuất bản Tôn Giáo ấn tống.
5. Luận Tịnh Độ: Thích Hồng Nhơn Việt dịch do Trung Tâm Nghiên Cứu Giáo Lý Tịnh Độ ấn tống năm 2004.
6. Niệm Phật Tông Yếu: của Pháp Nhiên Thượng Nhân Sơ Tổ Tông Tịnh Độ Nhật Bản, Viên Thông Nguyễn Văn Nhân Việt dịch.
7. Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cương Lương Gia Xá Hán dịch vào đời Lưu Tống , Hòa Thượng Thiền Tâm Việt dịch, được Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản vào năm 1986.
8. Bồ tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ: của Đại Sư Từ Vân, Hòa

Thượng Tịnh Không lược giảng (nghe đọc chuyên âm từ CD)

9. Niệm Phật Chỉ Nam: của Mao Dịch Viên, Thích Minh Thành Việt dịch.

10. Qua cửa chuyên tiếp của Bác Sĩ Đoàn Văn Thông (nghe đọc từ CD).

11. Liễu Sanh Thoát Tử của Lưu Dịch Nguyên, Thích Quang Phú Việt dịch (nghe đọc từ CD)

¹¹ Hán: Thập phương Chư Phật Tất Tại Tiền Lập

² Một xích Tàu độ ba tất tây, năm xích độ khoảng 1.5 mét.
